

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ IPA PARTNER
QUỸ ETF IPAAM VN100
IPA PARTNER INVESTMENT FUND
MANAGEMENT LIMITED COMPANY
IPAAM VN100 ETF FUND**
Số/No.: 158 /2026/CV-IPA PARTNER

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2026
Hanoi, 24 April 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ **PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/*Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công Ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư IPA Partner
Fund Management Company name: IPA Partner Investment Fund Management Limited Company
- Tên quỹ/ *Fund name:* Quỹ ETF IPAAM VN100/*ETF IPAAM VN100 Fund*
- Mã chứng khoán/ *Security Symbol:* FUEIP100
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:* số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại/ *Telephone:* (84-24) 7305 6188
- Email: support@ipa.com.vn Website: <https://ipaam.com.vn>
- Nội dung thông tin công bố/*Content of Information disclosure:*
Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư IPA Partner (IPA PARTNER) công bố thông tin thay đổi Điều lệ quỹ của Quỹ ETF IPAAM VN100 (mã chứng khoán: FUEIP100). Nội dung chi tiết tại tài liệu đính kèm.
IPA Partner Investment Fund Management Limited Company (IPA PARTNER) discloses the change of the charter of the IPAAM VN100 ETF Fund (Security Symbol: FUEIP100). Details are included in the attached document.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của IPA PARTNER vào ngày 24/04/2026 tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/cbt-cua-ipaam-vn100-etf/>
This information was disclosed on IPAAM's Portal on date 24/04/2026 Available at <https://ipaam.com.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/cbt-cua-ipaam-vn100-etf/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

We declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.



Tài liệu đính kèm:

- Điều lệ quỹ của quỹ ETF IPAAM VN100
The charter of IPAAM VN100 ETF Fund
- Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026
Resolution of Annual General Investors' Meeting in 2026

Nơi nhận/ Receipt:

- Như trên/ *As above;*
- Lưu HC/ *Keep Dossiers.*

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
IPA PARTNER
REPRESENTATIVE OF IPA PARTNER INVESTMENT
FUND MANAGEMENT LIMITED COMPANY**

**Người được ủy quyền công bố thông tin
Person authorized to disclose information**



**Kế toán trưởng/ Chief Accountant
Nguyễn Thị Thúy Lan**



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
QUỸ ETF IPAAM VN100

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu của Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của Quỹ ETF IPAAM VN100 ngày 24 tháng 4 năm 2026;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Ban đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025

Đại hội Nhà đầu tư (ĐHNDT) thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Ban đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025 theo nội dung chi tiết được nêu tại Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động giám sát năm 2025 của Ngân hàng giám sát Quỹ ETF IPAAM VN100

ĐHNDT thông qua Báo cáo hoạt động giám sát năm 2025 của Ngân hàng giám sát Quỹ ETF IPAAM VN100 theo nội dung chi tiết được nêu tại Phụ lục đính kèm.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động năm 2025 và chiến lược đầu tư năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100

ĐHNDT thông qua Báo cáo về kết quả năm 2025 và kế hoạch đầu tư năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100 theo nội dung chi tiết được nêu tại Phụ lục đính kèm.

Điều 4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Quỹ ETF IPAAM VN100

ĐHNDT thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Quỹ ETF IPAAM VN100

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025

DHNDT thông qua phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025 như sau:

Không phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025. Lợi nhuận năm 2025 của Quỹ sẽ được giữ lại để phục vụ hoạt động đầu tư.

Điều 6. Thông qua Chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2025 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2026

Đại hội Nhà Đầu tư thông qua báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2025 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2026 theo nội dung chi tiết được nêu tại Phụ lục đính kèm.

Điều 7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100

DHNDT thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính của Quỹ ETF IPAAM VN100 trong năm 2026.

Điều 8. Thông qua việc thay đổi tên Quỹ

DHNDT đã thông qua việc thay đổi tên Quỹ từ Quỹ ETF IPAAM VN100 thành Quỹ ETF IPA PARTNER VN100 theo các nội dung chi tiết được nêu tại Phụ lục đính kèm.

Điều 9. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100

DHNDT đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ của Quỹ ETF IPAAM VN100 theo nội dung chi tiết được nêu tại Phụ lục đính kèm.

Điều 10. Bầu Ban đại diện quỹ ETF IPAAMVN100 nhiệm kỳ 2026-2031

DHNDT đã bầu Ban đại diện quỹ ETF IPAAM VN100 nhiệm kỳ 2026-2031 với kết quả như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ (Chủ tịch, thành viên)
1	Vũ Thị Thu	Chủ tịch
2	Lê Thị Hoài	Thành viên
3	Hoàng Thị Minh Phương	Thành viên

Điều 11. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER và Ban Đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- UBCK,
- NHGS;
- Lưu.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ-IPA PARTNER



CHỦ TỊCH
Phạm Minh Hương

TM. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Phu
Thị Thị

**PHỤ LỤC 1: CÁC BÁO CÁO ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM
2026 CỦA QUỸ ETF IPAAM VN100 THÔNG QUA**

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100
ngày 24/04/2026)*

**PHỤ LỤC 2: NỘI DUNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ĐÃ ĐƯỢC
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CỦA QUỸ ETF IPAAM VN100
THÔNG QUA**

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100
ngày 24/04/2026)*

Đại hội Nhà Đầu tư thông qua báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2025 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2026 như sau:

- Báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2025:

Thời gian	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	Ghi chú
Năm 2025	108.000.000 đồng	- Chủ tịch (01 người): 3.000.000 đồng/người/tháng - Thành viên (02 người): 3.000.000 đồng/người/tháng

- Kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2026:
 - + Dự kiến Ngân sách Ban đại diện quỹ năm 2026 là: 108.000.000 đồng.
 - + Tiền thù lao/phụ cấp chi trả cho thành viên Ban Đại diện quỹ trong năm 2026 (và trong thời gian đến khi họp Đại hội Nhà đầu tư của năm tiếp theo) như sau: Số tiền thù lao/phụ cấp chi trả cho mỗi thành viên Ban đại diện quỹ là 3.000.000 đồng/người/tháng. Thù lao của các thành viên Ban Đại diện quỹ được chi trả căn cứ theo thời gian đảm nhiệm chức vụ thực tế của từng thành viên.

PHỤ LỤC 3: NỘI DUNG THAY ĐỔI TÊN QUỸ ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CỦA QUỸ ETF IPAAM VN100 THÔNG QUA

(Đính kèm Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100 ngày 24/04/2026)

Đại hội nhà đầu tư thông qua việc thay đổi tên Quỹ ETF IPAAM VN100 như sau:

1. Thay đổi tên Quỹ

Tên Quỹ trước khi thay đổi:

- Tên đầy đủ của Quỹ bằng tiếng Việt: QUỸ ETF IPAAM VN100
- Tên đầy đủ của Quỹ bằng tiếng Anh: IPAAM VN100 ETF
- Tên viết tắt của Quỹ: IPAAM VN100

Tên Quỹ sau khi thay đổi:

- Tên đầy đủ của Quỹ bằng tiếng Việt sau khi thay đổi: QUỸ ETF IPA PARTNER VN100
- Tên đầy đủ của Quỹ bằng tiếng Anh sau khi thay đổi: IPA PARTNER VN100 ETF
- Tên viết tắt của Quỹ sau khi thay đổi: IPA PARTNER VN100

2. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ

Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ để cập nhật tên mới của quỹ và sửa đổi tương ứng các nội dung dẫn chiếu có liên quan trong toàn bộ Điều lệ Quỹ, bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung sau:

- Sửa đổi tên Quỹ tại phần mở đầu, các điều khoản, phụ lục và các nội dung khác có liên quan trong Điều lệ Quỹ từ “Quỹ ETF IPAAM VN100” thành “Quỹ ETF IPA PARTNER VN100”;
- Điều chỉnh các nội dung dẫn chiếu, thuật ngữ, hình thức trình bày, bố cục, đánh số điều khoản, phụ lục và các nội dung kỹ thuật khác trong Điều lệ Quỹ nhằm bảo đảm tính thống nhất, chính xác và phù hợp với việc thay đổi tên Quỹ;
- Các sửa đổi, bổ sung khác trong Điều lệ Quỹ có tính chất kỹ thuật, phát sinh trực tiếp từ việc thay đổi tên Quỹ theo nội dung đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

3. ĐHNĐT giao và ủy quyền cho Tổng giám đốc hoặc/và Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Quản lý quỹ Đầu tư IPA PARTNER thực hiện các công việc sau đây:

- Tổ chức triển khai các thủ tục cần thiết để thực hiện việc thay đổi tên Quỹ tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo nội dung đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Ký, hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, nộp và nhận các hồ sơ, tài liệu, văn bản liên quan đến việc thay đổi tên Quỹ và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán, ngân hàng giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

- c. Hoàn thiện, cập nhật và ban hành Điều lệ Quỹ sửa đổi, bổ sung sau khi hoàn tất các thủ tục thay đổi tên Quỹ theo quy định pháp luật;
- d. Tổ chức cập nhật Bản cáo bạch, tài liệu công bố thông tin, biểu mẫu, hồ sơ đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và các tài liệu khác có liên quan của Quỹ để bảo đảm thống nhất với tên Quỹ mới và Điều lệ Quỹ sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- e. Quyết định và hoàn thiện các nội dung điều chỉnh về mặt kỹ thuật, hình thức, cấu chữ, bố cục, dẫn chiếu trong Điều lệ Quỹ và các tài liệu liên quan, với điều kiện không làm thay đổi nội dung, nguyên tắc và phạm vi đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- f. Thực hiện các công việc khác cần thiết hoặc có liên quan để hoàn tất việc thay đổi tên Quỹ theo quy định pháp luật hiện hành.

**PHỤ LỤC 4: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI NHÀ
ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CỦA QUỸ ETF IPAAM VN100 THÔNG QUA**

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100
ngày 24/04/2026)*

IPAAM VN100 ETF FUND

No: 01/2026/NQ-DHNET

Hanoi, 24 April 2026



RESOLUTION

THE ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS IN 2026

IPAAM VN100 ETF FUND

- *The Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020;*
- *The Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019;*
- *The Charter of the IPAAM VN100 ETF Fund;*
- *The vote counting minutes of the 2026 Annual General Meeting of Investors conducted in the form of written consultation of the IPAAM VN100 ETF Fund dated April 24, 2026;*

RESOLVES:

Article 1. Approval of the Report on the Activities of the Board of Representatives of the IPAAM VN100 ETF for the year 2025

The General Meeting of Investors approves the Report on the Operations of the Representative Board of IPAAM VN100 ETF Fund for the year 2025, as detailed in the attached Appendix.

Article 2. Approval of the Supervisory Activity Report for the year 2025 of the Custodian Bank of the IPAAM VN100 ETF.

The General Meeting of Investors approves the Report on the Supervisory Activities of the Supervisory Bank of IPAAM VN100 ETF Fund for the year 2025, as detailed in the attached Appendix.

Article 3. Approval of the Report on the Operations for the year 2025 and the Investment Strategy for the year 2026 of the IPAAM VN100 ETF.

The General Meeting of Investors approves the Report on the 2025 Performance Results and the 2026 Investment Plan of IPAAM VN100 ETF Fund, as detailed in the attached Appendix.

Article 4. Approval of the Audited Financial Statements for the year 2025 of the IPAAM VN100 ETF.

The General Meeting of Investors approves the audited financial statements of IPAAM VN100 ETF Fund for the year 2025.

Article 5. Approval of the Profit Distribution Plan for the IPAAM VN100 ETF for the year 2025.

The General Meeting of Investors approves the profit distribution plan for IPAAM VN100 ETF Fund for the year 2025 as follows:

No profit distribution for IPAAM VN100 ETF Fund for the year 2025. The Fund's profit for 2025 will be retained to serve investment activities.

Article 6. Approval of the Operating Expenses of the Board of Representatives for the year 2025 and the Proposed Operating Budget for the Board of Representatives for the year 2026.

The General Meeting of Investors approves the Report on the Operating Expenses of the Representative Board for the year 2025 and the Proposed Operating Budget of the Representative Board for the year 2026, as detailed in the attached Appendix.

Article 7. Approval of the Selection of the Audit Firm to audit and review the Financial Statements for the year 2026 of the IPAAM VN100 ETF.

The General Meeting of Investors approves the selection of Ernst & Young Vietnam Limited Liability Company as the auditing organization to perform the audit and review of the financial statements of IPAAM VN100 ETF Fund for the year 2026.

Article 8. Approval of the change of the Fund's name

The General Meeting of Investors approves the change of the Fund's name from IPAAM VN100 ETF Fund to IPA PARTNER VN100 ETF Fund, as detailed in the attached Appendix.

Article 9. Approval of the amendments and supplements to the Charter of the IPAAM VN100 ETF as set out in the Proposal of IPA PARTNER

The General Meeting of Investors approves the amendments and supplements to the Fund's Charter of IPAAM VN100 ETF Fund, as detailed in the attached Appendix.

Article 10. Election of the Fund Representatives Board for the term 2026 – 2031

The General Meeting of Investors elects the Representative Board of IPAAM VN100 ETF Fund for the term 2026–2031, with the following results:

No	Full Name	Position (Chairperson, Member)
1	Vu Thi Thu	Chairperson
2	Le Thi Hoai	Member
3	Hoang Thi Minh Phuong	Member

Article 11. This Resolution shall take effect from the date of signing.

IPA PARTNER Investment Fund Management Limited Company and the Representative Board of IPAAM VN100 ETF Fund are responsible for implementing this Resolution.

Receipt:

**IPA PARTNER INVESTMENT FUND
MANAGEMENT LIMITED COMPANY**

**ON BEHALF OF THE GENERAL
MEETING OF INVESTORS**

- As Article 11;
- UBCK,
NHGS;
- Keep.

(signed)

(signed)

**APPENDIX 1: REPORTS APPROVED BY THE 2026 ANNUAL GENERAL MEETING
OF INVESTORS OF IPAAM VN100 ETF**

*(Attached to the Resolution of the Annual General Meeting of Investors of IPAAM VN100 ETF
Fund dated April 24, 2026)*

**APPENDIX 2: OPERATING EXPENSES OF THE FUND REPRESENTATIVE BOARD
APPROVED BY THE 2026 ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS OF
IPAAM VN100 ETF**

*(Attached to the Resolution of the Annual General Meeting of Investors of IPAAM VN100 ETF
Fund dated April 24, 2026)*

The General Meeting of Investors approves the report on operating expenses of the Representative Board in 2025 and the proposed budget for 2026 as follows:

- Operating expenses report in 2025:

Period	Remuneration of the Representative Board	Note
In 2025	108,000,000 VND	- Chairperson (01 person): VND 3,000,000 /person/month - Members (02 person): VND 3,000,000 /person/month

- Proposed operating budget for 2026:

- + Estimated total budget in 2026: VND 108,000,000.

- + The remuneration/allowance paid to members of the Fund's Representative Board in 2026 (and for the period until the next annual meeting of investors) is as follows:

The remuneration/allowance paid to each member of the Fund's Representative Board is VND 3,000,000/person/month. Remuneration for members of the Representative Board shall be paid based on the actual time each member holds the position.

**APPENDIX 3: CHANGE OF THE FUND NAME APPROVED BY THE 2026 ANNUAL
GENERAL MEETING OF INVESTORS OF IPAAM VN100 ETF**

*(Attached to the Resolution of the Annual General Meeting of Investors of IPAAM VN100 ETF
Fund dated April 24, 2026)*

The General Meeting of Investors approves the change of the name of the IPAAM VN100 ETF Fund as follows:

1. Change of the Fund's name

Fund name before change:

- Full name in Vietnamese: QUỸ ETF IPAAM VN100
- Full name in English: IPAAM VN100 ETF
- Abbreviated name: IPAAM VN100

Fund name after change:

- Full name in Vietnamese after change: QUỸ ETF IPA PARTNER VN100
- Full name in English after change: IPA PARTNER VN100 ETF
- Abbreviated name after change: IPA PARTNER VN100

2. Amendments and supplements to the Fund's Charter

Amend and supplement the Fund's Charter to update the new name of the Fund and make corresponding amendments to related references throughout the entire Fund's Charter, including but not limited to the following contents:

- a. Amend the Fund's name in the preamble, articles, appendices and other relevant contents of the Fund's Charter from "IPAAM VN100 ETF Fund" to "IPA PARTNER VN100 ETF Fund";
- b. Adjust references, terminology, presentation format, layout, numbering of articles, appendices and other technical contents in the Fund's Charter to ensure consistency, accuracy and alignment with the change of the Fund's name;
- c. Other technical amendments and supplements to the Fund's Charter directly arising from the change of the Fund's name as approved by the General Meeting of Investors.

3. Assignment and authorization to the General Director and/or the Legal Representative of IPA Partner Investment Fund Management Company Limited to perform the following tasks :

- a. Carry out the necessary procedures to implement the change of the Fund's name with the competent State authorities in accordance with the contents approved by the General Meeting of Investors;

- b. Sign, complete, amend, supplement, submit and receive documents, materials and papers related to the change of the Fund's name and the amendment and supplementation of the Fund's Charter with the State Securities Commission, Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, the Stock Exchange, the Supervisory Bank and relevant authorities, organizations and individuals;
- c. Finalize, update and issue the amended and supplemented Fund's Charter after completing the procedures for the change of the Fund's name in accordance with legal regulations;
- d. Update the Prospectus, disclosure materials, forms, registration, depository, listing, trading records and other relevant documents of the Fund to ensure consistency with the new Fund name and the amended and supplemented Fund's Charter approved by the General Meeting of Investors;
- e. Decide and finalize technical adjustments regarding format, wording, layout, references in the Fund's Charter and related documents, provided that such adjustments do not alter the content, principles and scope approved by the General Meeting of Investors;
- f. Perform other necessary or related tasks to complete the change of the Fund's name in accordance with current legal regulations.

**APPENDIX 4: AMENDMENTS AND SUPPLEMENTS TO THE FUND CHARTER
APPROVED BY THE 2026 ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS OF
IPAAM VN100 ETF**

*(Attached to the Resolution of the Annual General Meeting of Investors of IPAAM VN100 ETF
Fund dated April 24, 2026)*

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER

ĐIỀU LỆ QUỸ ETF IPAAM VN100

Tháng 04/2026

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	4
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA.....	5
Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	11
<i>Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ.....</i>	<i>11</i>
<i>Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ.....</i>	<i>11</i>
<i>Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....</i>	<i>11</i>
<i>Điều 4. Tổng vốn huy động và số lô chứng chỉ Quỹ ETF chào bán.....</i>	<i>11</i>
<i>Điều 5. Chi định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ.....</i>	<i>12</i>
<i>Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ.....</i>	<i>12</i>
<i>Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát.....</i>	<i>12</i>
Chương II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ.....	13
<i>Điều 8. Mục tiêu đầu tư.....</i>	<i>13</i>
<i>Điều 9. Chiến lược đầu tư.....</i>	<i>13</i>
<i>Điều 10. Hạn chế đầu tư.....</i>	<i>14</i>
<i>Điều 11. Hạn chế vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký Quỹ.....</i>	<i>15</i>
<i>Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư.....</i>	<i>16</i>
Chương III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF.....	16
<i>Điều 13. Nhà Đầu Tư.....</i>	<i>16</i>
<i>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư.....</i>	<i>17</i>
<i>Điều 15. Điều kiện tham gia giao dịch hoán đổi đối với Nhà Đầu Tư.....</i>	<i>18</i>
<i>Điều 16. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.....</i>	<i>19</i>
<i>Điều 17. Giao dịch hoán đổi Danh Mục Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF và ngược lại.....</i>	<i>19</i>
<i>Điều 18. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF.....</i>	<i>26</i>
<i>Điều 19. Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Mua Lại.....</i>	<i>27</i>
<i>Điều 20. Giá Phát Hành, Giá Mua Lại.....</i>	<i>29</i>
<i>Điều 21. Giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán.....</i>	<i>29</i>
<i>Điều 22. Chuyển nhượng phí thương mại.....</i>	<i>30</i>
Chương IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ.....	30
<i>Điều 23. Đại Hội Nhà Đầu Tư.....</i>	<i>30</i>
<i>Điều 24. Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường.....</i>	<i>31</i>
<i>Điều 25. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại Hội Nhà Đầu Tư.....</i>	<i>32</i>
<i>Điều 26. Phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.....</i>	<i>33</i>
Chương V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	33

<i>Điều 27. Ban Đại Diện Quý</i>	33
<i>Điều 28. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quý</i>	34
<i>Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quý</i>	35
<i>Điều 30. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quý</i>	35
<i>Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quý</i>	36
<i>Điều 32. Thủ tục điều hành của Ban Đại Diện Quý</i>	36
<i>Điều 33. Cuộc họp Ban Đại Diện Quý</i>	37
<i>Điều 34. Biên bản họp Ban Đại Diện Quý</i>	37
Chương VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	37
<i>Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ</i>	37
<i>Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ</i>	38
<i>Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ</i>	39
<i>Điều 38. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ</i>	40
Chương VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	41
<i>Điều 39. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát</i>	41
<i>Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát</i>	42
<i>Điều 41. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát</i>	43
<i>Điều 42. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân Hàng Giám Sát</i>	44
Chương VIII: CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN	45
<i>Điều 43. Các hoạt động được ủy quyền</i>	45
<i>Điều 44. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan</i>	45
<i>Điều 45. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan</i>	46
<i>Điều 46. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền</i>	47
<i>Điều 47. Chấm dứt hoạt động ủy quyền</i>	48
Chương IX: THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG	48
<i>Điều 48. Điều kiện lựa chọn Thành Viên Lập Quỹ</i>	49
<i>Điều 49. Quyền và trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ</i>	49
<i>Điều 50. Tổ chức tạo lập thị trường</i>	50
Chương X: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI	51
<i>Điều 51. Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ</i>	51
<i>Điều 52. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối</i>	51
<i>Điều 53. Chấm dứt, Thay đổi, bổ sung đại lý phân phối, địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ</i>	52
Chương XI: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	53

<i>Điều 54. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công Ty Kiểm Toán.....</i>	<i>53</i>
<i>Điều 55. Năm Tài Chính.....</i>	<i>53</i>
<i>Điều 56. Chế độ kế toán.....</i>	<i>53</i>
Chương XII: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG CỦA QUỸ.....	54
<i>Điều 57. Xác định Giá Trị Tài Sản Rộng Của Quỹ.....</i>	<i>54</i>
<i>Điều 58. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.....</i>	<i>55</i>
<i>Điều 59. Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Rộng Của Quỹ.....</i>	<i>55</i>
<i>Điều 60. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Quỹ.....</i>	<i>56</i>
Chương XIII: GIÁ DỊCH VỤ, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ.....	57
<i>Điều 61. Các loại giá dịch vụ, chi phí do Quỹ trả.....</i>	<i>57</i>
<i>Điều 62. Thu nhập của Quỹ.....</i>	<i>60</i>
<i>Điều 63. Chi phí hoạt động của Quỹ.....</i>	<i>60</i>
<i>Điều 64. Phân chia lợi nhuận của Quỹ.....</i>	<i>61</i>
Chương XIV: TÀI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ.....	62
<i>Điều 65. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ.....</i>	<i>62</i>
<i>Điều 66. Giải thể Quỹ.....</i>	<i>64</i>
Chương XV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....	66
<i>Điều 67. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uy thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ.....</i>	<i>67</i>
Chương XVI: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	67
<i>Điều 68. Công bố thông tin.....</i>	<i>67</i>
<i>Điều 69. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ.....</i>	<i>68</i>
<i>Điều 70. Đăng ký Điều Lệ.....</i>	<i>68</i>
<i>Điều 71. Điều khoản thi hành.....</i>	<i>68</i>
PHỤ LỤC 01: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	69
PHỤ LỤC 02: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	71
PHỤ LỤC 03: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	72

ĐIỀU LỆ QUỸ

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
2. Luật Chứng Khoán số 54/2019/ QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 (sau đây gọi tắt là “Luật Chứng khoán”);
3. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025;
4. Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2026;
5. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025;
6. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025; 88/2025/TT-BTC ngày 03/09/2025;
7. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/9/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công Ty Quản Lý Quỹ;
8. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở;
9. Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
10. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024;
11. Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 của Bộ Tài Chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
12. Thông tư 25/2022/TT-BTC ngày 28/04/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán;
13. Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ hoán đổi danh mục;

14. Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

"Quỹ Hoán Đổi Danh Mục"/ "Quỹ ETF"/ "Quỹ"	Là Quỹ ETF IPAAM VN100, một loại hình Quỹ mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chi Quỹ. Chứng Chi Quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh
"Công Ty Quản Lý Quỹ" hoặc "Công Ty Quản Lý Quỹ IPA PARTNER"	Là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008. Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER được ủy thác quản lý Quỹ ETF IPAAM VN100, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
"Ngân Hàng Giám Sát"	Là Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/6/2008, thay đổi lần 13 ngày 16/01/2019 và Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán số 14/GPHDLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 02/5/2003, Giấy Chứng Nhận Thành Viên Lưu Ký số 18/GCNTVLK do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam Việt Nam cấp ngày 07/07/2006, cung cấp các dịch vụ (1) Bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (2) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ quản lý tài sản của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện.
"Công Ty Kiểm Toán"	Là Công Ty Kiểm Toán độc lập cho Quỹ ETF, nằm trong danh sách Công Ty Kiểm Toán được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ETF. Công Ty Kiểm Toán được Đại Hội Nhà Đầu Tư (hoặc Ban Đại Diện Quỹ theo ủy quyền của Đại Hội

	Nhà Đầu Tư) quyết định hàng năm theo Điều Lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.
“Điều Lệ Quỹ”	Bao gồm Điều Lệ Quỹ và các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi, bổ sung hợp pháp (nếu có).
“Bản Cáo Bạch”	Là tài liệu này hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và niêm yết Chứng chỉ Quỹ của Quỹ.
“Hợp Đồng Giám Sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ.
“Nhà Đầu Tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ.
“Đại Hội Nhà Đầu Tư”	Là đại hội của Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ETF. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF.
“Ban Đại Diện Quỹ”	Là những người đại diện cho Nhà Đầu Tư được Đại hội Nhà Đầu Tư bầu ra để thay mặt Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ ETF, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
“Vốn Điều Lệ”	Là Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ ETF tại thời điểm kết thúc đợt chào bán lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều Lệ Quỹ.
“Chứng Chỉ Quỹ”/ “Chứng Chỉ Quỹ ETF”	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ ETF. Mệnh giá chứng chỉ Quỹ là 10.000 đồng.
“Lô Chứng Chỉ Quỹ”/ “Lô ETF”	Một lô chứng chỉ Quỹ ETF bao gồm một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ Quỹ. Lô ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ ETF và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.

“Giá Dịch Vụ Phát Hành”	Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để trang trải những chi phí cho việc phát hành Chứng Chỉ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ.
“Giá Dịch Vụ Mua Lại”	Là giá dịch vụ mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện hoán đổi các lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.
“Cổ Tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư.
“Năm Tài Chính”	Được tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ ETF sẽ được tính từ đầu ngày Quỹ ETF được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ đầu ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
“Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ/NAV”	Là tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày Định Giá.
“Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu Trên Một Chứng Chỉ Quỹ (iNAV)”	Là Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ ETF được xác định trong phiên giao dịch.
“Ngày Định Giá”	Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ ETF theo quy định pháp luật hiện hành.
“Ngày Giao Dịch Hoán Đổi”	Là Ngày Định Giá mà Quỹ ETF, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ phát hành và mua lại các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF từ

Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.

- “Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh” Là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch Hoán Đổi. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh được quy định tại Điều Lệ Quỹ, công bố công khai tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong Ngày Giao Dịch Hoán Đổi của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- “Thành Viên Lập Quỹ”/ “AP” Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF với Công Ty Quản Lý Quỹ.
- “Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường” Là Thành Viên Lập Quỹ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ ETF.
- “Đại Lý Phân Phối” Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, đã ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ ETF với Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ.
- “Đại Lý Chuyển Nhượng” Là Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
- “Chỉ Số Tham Chiếu” Là chỉ số VN100, một chỉ số thị trường bao gồm cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap do HOSE xây dựng và quản lý trong đó (1) VN30 là chỉ số được xây dựng từ rổ cổ phiếu thành phần của VNAllshare (là tất cả các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng đủ điều kiện tham gia vào bộ chỉ số của HOSE), gồm 30 công ty có giá trị vốn hóa và thanh khoản hàng đầu đáp ứng các điều kiện theo quy định của HOSE và (2) VNMidcap là chỉ số được xây dựng từ rổ cổ phiếu thành phần của VNAllshare, gồm 70 công ty có giá trị vốn hóa sau VN30 đáp ứng các điều kiện theo quy định của HOSE.

“Chứng Khoán Cơ Cấu”	Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chi Số Tham Chiếu.
“Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu”	Là danh mục bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của Chi Số Tham Chiếu và được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF.
“Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi”	Bao gồm lệnh mua, trong đó Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và phát hành các Lô Chứng Chỉ Quỹ và lệnh bán, trong đó Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.
“Bỏ phiếu điện tử (e-voting)”	Là hình thức giúp các Nhà Đầu Tư có thể thực hiện quyền bỏ phiếu của mình qua mạng internet, thông qua máy tính và các thiết bị di động.
“UBCKNN”	Là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
“Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam”/ “VSDC”	Là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
“Sở Giao Dịch Chứng Khoán”	Là Sở Giao Dịch Chứng Khoán mà Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết.
“HOSE”	Là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
“HINX”	Là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

- Tên Quỹ đầu tư: Quỹ ETF IPAAM VN100
- Tên viết tắt: IPAAM VN100
- Tên tiếng anh: IPAAM VN100 ETF
- Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER
+ Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
+ Điện thoại: 024 73056188 Fax:

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Thời gian hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành Lập Quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Quỹ ETF IPAAM VN100 là Quỹ đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam, Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lô chứng chỉ Quỹ ETF chào bán

1. Tổng vốn của Quỹ do vốn đóng góp của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư tạo thành. Vốn Điều Lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ Đồng Việt Nam), tương ứng với năm mươi (50) Lô Chứng Chỉ Quỹ.
2. Mệnh giá của mỗi Chứng Chỉ Quỹ là 10.000 (mười nghìn) đồng.
3. Trong đợt chào bán lần đầu, mỗi Nhà Đầu Tư đăng ký mua tối thiểu một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ, mỗi Thành Viên Lập Quỹ đăng ký mua các Lô Chứng Chỉ Quỹ theo thỏa thuận giữa Thành Viên Lập Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ nhưng đảm bảo không thấp hơn một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ.
4. Việc tham gia góp vốn thành lập Quỹ của các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được thực hiện bằng Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 5 điều này. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và số lượng các Lô Chứng Chỉ Quỹ phân phối cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được xác định trên cơ sở Chỉ Số Tham Chiếu của ngày giao dịch cuối cùng trong đợt chào bán.
5. Việc tham gia góp vốn thành lập Quỹ bằng tiền sẽ phát sinh trong những trường hợp sau đây:
 - a) Phát sinh chênh lệch giữa giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và giá phát hành của Lô Chứng Chỉ Quỹ; và

- b) Những mã chứng khoán nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập Quỹ bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, hoặc Thành Viên Lập Quỹ chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu Quỹ theo quy định của pháp luật liên quan.
- c) Nhà Đầu Tư/Thành Viên Lập Quỹ là Nhà Đầu Tư nước ngoài nên không thể mua chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa để góp vốn.
- d) Trường hợp chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu góp vốn phát sinh sự kiện doanh nghiệp (cổ phiếu thưởng, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ tức bằng tiền, quyền mua) trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang Quỹ)

Hình thức thanh toán, cách thức góp vốn bằng tiền nêu trên của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ sẽ được quy định chi tiết trong Bản Cáo Bạch.

- 6. Trình tự thủ tục điều kiện, đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ được quy định chi tiết trong Bản Cáo Bạch.

Toàn bộ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được phong tỏa tại VSDC. Ngay sau khi Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành Lập Quỹ có hiệu lực, các tài sản này được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ

- Công Ty Quản Lý Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008
- Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024 73056188 Fax:

Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát

- Ngân Hàng Giám Sát: Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/6/2008, thay đổi lần 17 ngày 02/01/2024.
- Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán số 14/GPHĐLK do UBCKNN cấp ngày 02/5/2003, Giấy Chứng Nhận Thành Viên Lưu Ký số 18/GCNTVLK do VSD cấp ngày 07/07/2006.
- Trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024 39343 137 Fax: 024 38265 548

Chương II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của Chỉ Số Tham Chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ Số Tham Chiếu là chỉ số VN100 do HOSE xây dựng và quản lý như được mô tả chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ Số Tham Chiếu. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

Quỹ sẽ linh hoạt trong việc phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục đích bảo vệ lợi ích Nhà Đầu Tư và đảm bảo việc phân bổ đầu tư không vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư: Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm, phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ.
3. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF
 - a) Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF phải phù hợp với danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản, bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số Tham Chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu) và giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số Tham Chiếu. Danh Mục Đầu Tư có mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán và các quy định của pháp luật.
 - b) Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:
 - i. Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - iii. Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

- iv. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
- v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu;
- vi. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại mục i, ii Điểm b Khoản 3 Điều này của các tổ chức tín dụng đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Cơ cấu Danh Mục Đầu Tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định tại Điều 9, Điều Lệ này và Bản Cáo Bạch.
2. Cơ cấu Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF phải đảm bảo:
 - a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - b) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại Mục i và ii Điểm b Khoản 3 Điều 9, Điều Lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - c) Trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh Mục Chỉ Số Tham Chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại Mục i, ii, iv, v Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.
 - d) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó
 - e) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

- f) Không được đầu tư vào bất động sản;
 - g) Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh Mục Chỉ Số Tham Chiếu;
 - h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ.
3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ ETF chỉ được vượt mức so với hạn chế đầu tư quy định tại Điểm a, b, c và e Khoản 2 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau đây:
- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong Danh Mục Đầu Tư của Quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật; bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư;
 - c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - d) Quỹ đang trong thời gian giải thể;
 - e) Cơ cấu danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu thay đổi
 - f) Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ.
4. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại Điểm a, b, c và d Khoản 3 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều này.
5. Trường hợp sai lệch là do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Quỹ, thì phải điều chỉnh lại Danh Mục Đầu Tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại Danh Mục Đầu Tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
6. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại Danh Mục Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định pháp luật, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu Danh Mục Đầu Tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện và kết quả khắc phục.

Điều 11. Hạn chế vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động đầu tư của Quỹ ETF, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ Quỹ với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa 30 ngày.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký Quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn cổ phiếu đầu tư của Quỹ căn cứ trên các nguyên tắc sau đây:

1. Quỹ đầu tư vào Danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số Tham Chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu).
2. Giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số Tham Chiếu.
3. Khi Chỉ Số Tham Chiếu có sự thay đổi tại các kỳ xem xét định kỳ hoặc bất thường thì Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư, tỷ trọng các mã tương ứng với sự thay đổi của Chỉ Số Tham Chiếu.

Chương III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

Điều 13. Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là tổ chức hay cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất một (01) Chứng Chỉ Quỹ. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi sổ Chứng Chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà Đầu Tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội trong và ngoài nước được thành lập và hoạt động hợp pháp. Nhà Đầu Tư là tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho sổ Chứng Chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải

được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà Đầu Tư là tổ chức ký.

3. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng Chi Quỹ. Việc tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng Chi Quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.
4. Nhà Đầu Tư Nước Ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng Chi Quỹ, giao dịch Chứng Chi Quỹ mà Công Ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu Tư khác

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán;
 - b) Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chi Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
 - c) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chi Quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ;
 - d) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
 - e) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
 - f) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chi Quỹ trong thời hạn quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chi Quỹ;
 - g) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều Lệ này.
2. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chi Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
 - a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân Hàng Giám Sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;

- b) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường trong các trường hợp sau:
- Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát vi phạm quyền của Nhà Đầu Tư hoặc nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều Lệ Quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội Nhà Đầu Tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - Ban Đại Diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ;
- c) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải trả lời Nhà Đầu Tư;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội Nhà Đầu Tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc;
- e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
3. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban Đại Diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
4. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu Tư, tổng số chứng chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu Tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều Lệ Quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 15. Điều kiện tham gia giao dịch hoán đổi đối với Nhà Đầu Tư

Nhà Đầu Tư khi tham gia giao dịch hoán đổi phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Có đủ Chứng Khoán Cơ Cấu và tiền mặt đáp ứng các yêu cầu về tỷ trọng, số lượng theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ;
2. Sở hữu tối thiểu một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF, tương ứng với một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ Quỹ ETF khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ ETF lấy Chứng Khoán Cơ Cấu;
3. Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua Thành Viên Lập Quỹ, nơi Nhà Đầu Tư đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;
4. Việc thực hiện giao dịch hoán đổi phải phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

Điều 16. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư

1. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký Nhà Đầu Tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.
2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát; tên đầy đủ của Quỹ; mã chứng khoán niêm yết của Quỹ;
 - b) Tổng số chứng chỉ Quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ Quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;
 - c) Danh sách Nhà Đầu Tư, thành viên lập Quỹ: họ tên, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của Nhà Đầu Tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; số lượng chứng chỉ Quỹ/lô chứng chỉ Quỹ ETF sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; kèm theo xác nhận của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam về chi tiết danh mục cơ cấu của từng thành viên lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào Quỹ ETF.
 - d) Ngày lập sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu Tư, kể cả Nhà Đầu Tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu Tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư.

Điều 17. Giao dịch hoán đổi Danh Mục Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF và ngược lại

1. Giao dịch hoán đổi áp dụng cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - a) Áp dụng cho Nhà Đầu Tư đáp ứng các điều kiện đã được quy định tại Điều 15 Điều Lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch và cho Thành Viên Lập Quỹ;

- b) Giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện thông qua Thành Viên Lập Quỹ, nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi;
- c) Tần suất giao dịch hoán đổi và Thời Điểm Đóng Số Lệnh:
- i. Giao dịch hoán đổi được thực hiện hàng ngày vào các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu ("Ngày Giao Dịch Hoán Đổi").
 - ii. Việc tăng tần suất giao dịch hoán đổi sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật chỉnh sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản Cáo Bạch, thông báo cho Ngân Hàng Giám Sát và công bố thông tin theo quy định pháp luật. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều Lệ Quỹ tại kỳ họp Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.
 - iii. Thời Điểm Đóng Số Lệnh: 14h40' của Ngày Giao Dịch Hoán Đổi
- d) Đơn vị giao dịch tối thiểu là một (01) Lô Chứng Chi Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền điều chỉnh số lượng Chứng Chi Quỹ trong một (01) Lô Chứng Chi Quỹ, tuy nhiên phải bảo đảm một Lô Chứng Chi Quỹ có không ít hơn một trăm nghìn (100.000) Chứng Chi Quỹ. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thời điểm áp dụng Lô Chứng Chi Quỹ mới sớm nhất là mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông tin về quy mô Lô Chứng Chi Quỹ mới được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ và các Đại Lý Phân Phối;
- e) Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chi Quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi phải đảm bảo các điều kiện sau:
- i. Chứng Khoán Cơ Cấu trong giao dịch hoán đổi phải nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - ii. Chứng Khoán Cơ Cấu và Chứng Chi Quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi thuộc loại tự do chuyển nhượng;
 - iii. Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chi Quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi được lấy từ các nguồn sau:
 - Đối với Thành Viên Lập Quỹ:
 - Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chi Quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi;
 - Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chi Quỹ ETF chờ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi;
 - Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chi Quỹ ETF đi vay qua hệ thống vay và cho vay của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của Thành Viên Lập Quỹ.

- Đối với Nhà Đầu Tư:
 - Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chỉ Quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi
 - f) Lệnh giao dịch hoán đổi của Thành Viên Lập Quỹ và của Nhà Đầu Tư được chuyển tới Công Ty Quản Lý Quỹ và phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm:
 - i. Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh;
 - ii. Trước khi thực hiện, Công Ty Quản Lý Quỹ phải xác nhận lại với Thành Viên Lập Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ xác nhận lại với Nhà Đầu Tư. Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư phải cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ phiếu lệnh gốc có chữ ký của đại diện có thẩm quyền để lưu trữ. Thời gian cung cấp phiếu lệnh gốc do Công Ty Quản Lý Quỹ quy định tại hợp đồng tham gia lập Quỹ, Bản Cáo Bạch;
 - g) Lệnh giao dịch hoán đổi chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ tối thiểu các điều kiện sau:
 - i. Được thành viên lập Quỹ chuyển tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh tới sau thời điểm đóng sổ lệnh được thực hiện tại ngày giao dịch hoán đổi kế tiếp hoặc bị hủy bỏ, tùy theo yêu cầu của nhà đầu tư và đã được công bố công khai tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt;
 - ii. Được Công Ty Quản Lý Quỹ xác nhận đủ điều kiện thực hiện, sau khi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Ngân Hàng Giám Sát bảo đảm thành viên lập Quỹ, Nhà Đầu Tư có đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu hoặc số lô chứng chỉ Quỹ để hoàn tất việc thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán. Trường hợp bán chứng chỉ Quỹ ETF, số lượng chứng chỉ Quỹ ETF còn lại của thành viên lập Quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng tối thiểu (nếu có) để duy trì tư cách là thành viên lập Quỹ theo quy định tại hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - h) Hoạt động hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và Quỹ ETF tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Việc chuyển khoản Chứng Khoán Cơ Cấu và Chứng Chỉ Quỹ trong hoạt động thanh toán được thực hiện theo quy trình đã được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch và phù hợp với hướng dẫn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
 - i) Việc thanh toán tiền chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch hoán đổi (nếu có) được quy định chi tiết trong Bản Cáo Bạch
2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:
- a) Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ, Tổng công ty Lưu ký

và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của Sở Giao Dịch Chứng Khoán về Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi lấy một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ. Thông tin bao gồm các mã Chứng Khoán Cơ Cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục này. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi Chứng Chỉ Quỹ;

- b) Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư được chuyển tới Thành Viên Lập Quỹ (trực tiếp hoặc thông qua các Đại Lý Phân Phối) theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và các hướng dẫn tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt. Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ không thể tiếp nhận được lệnh từ Nhà Đầu Tư do Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc các nguyên nhân bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai,... thì lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư được chuyển thẳng tới Công Ty Quản Lý Quỹ;

Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư và của Thành Viên Lập Quỹ được Thành Viên Lập Quỹ chuyển tới Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và tại hợp đồng lập Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát sau đó chuyển lệnh tới Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam trước thời điểm đóng cửa thị trường theo hướng dẫn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

- c) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ tiếp theo, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn tất việc chuyển Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu từ tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký Chứng Chỉ Quỹ vào tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ; tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại Khoản 3 Điều này; Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi, ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này theo yêu cầu hợp pháp của công ty quản lý quỹ.

- d) Trước thời điểm đóng sổ lệnh, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ phải thông báo cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện;

- e) Sau khi tiếp nhận lệnh của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm kiểm tra (thông qua Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) khả năng thực hiện được lệnh của Nhà Đầu Tư bảo đảm đáp ứng quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều này, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ theo các quy định tại khoản này và hướng dẫn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
3. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư trừ trường hợp:
- a) Khi hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ, giá trị của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu thấp hơn Giá Trị Tài Sản Ròng của các Lô Chứng Chỉ Quỹ. Phần chênh lệch phát sinh được Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ ETF mở tại Ngân Hàng Giám Sát theo quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
- b) Khi hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, giá trị các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF mà Công Ty Quản Lý Quỹ tiếp nhận từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư nhiều hơn giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Phần chênh lệch này được Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoàn trả lại bằng các Chứng Chỉ Quỹ vào các tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ theo quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Trường hợp Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ ETF phát sinh quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và Quỹ ETF đã có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập nhưng tại ngày thanh toán giao dịch hoán đổi, số lượng chứng khoán phát sinh từ quyền chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF, Quỹ ETF phải sử dụng hết số lượng chứng khoán cơ cấu đã có trên tài khoản lưu ký của quỹ để hoàn trả cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư. Quỹ ETF được hoàn trả bằng tiền thay thế cho số lượng chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền nhưng chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của quỹ. Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán về danh mục chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền được thanh toán bằng tiền.

Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, số tiền được thanh toán cho một Chứng Khoán Cơ Cấu. Danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

- e) Trường hợp trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu có những mã Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư bị hạn chế đầu tư, hoặc Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư

chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu Quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, hoặc Nhà Đầu Tư nước ngoài không thể mua Chứng Khoán Cơ Cấu do các chứng khoán này đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư phải thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ và ngược lại, được quy định chi tiết trong Bản Cáo Bạch.

- d) Trong trường hợp chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và các quyền phát sinh khác (nếu có)) phát sinh mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ trong giai đoạn từ ngày kết thúc thực hiện việc góp vốn đến ngày Chứng Khoán Cơ Cấu góp vốn được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ ETF hoặc trong thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư có trách nhiệm thanh toán bổ sung bằng tiền cho Quỹ theo phương thức, thủ tục được quy định tại Bản Cáo Bạch.
4. Trường hợp Quỹ ETF tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư, mà Quỹ ETF không đủ số lượng chứng khoán của một (01) mã Chứng Khoán Cơ Cấu nào đó hoặc không sở hữu mã Chứng Khoán Cơ Cấu nào đó để hoàn trả cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thì việc hoàn trả mã Chứng Khoán Cơ Cấu này sẽ được thực hiện như quy định tại Bản Cáo Bạch.
5. Trường hợp Quỹ ETF tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư, dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với Chứng Khoán Cơ Cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật (tính tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi) hoặc dẫn tới Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó thì Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện:
- a) Trường hợp là Nhà Đầu Tư nước ngoài, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán cho Nhà Đầu Tư này bằng hình thức chuyển khoản;
- b) Trường hợp hoán chuyển Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư dẫn tới Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu Quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, thì Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bán phần chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành

bởi chính Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó và thanh toán cho các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư này;

Việc thanh toán tiền cho các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư quy định tại khoản này phụ thuộc vào tiến độ bán thành lý phần chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký Quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho Nhà Đầu Tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế (nếu có), chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan;

Nếu phát sinh cổ tức hoặc quyền mua trong thời gian Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện bán các Chứng Khoán Cơ Cấu vượt quá tỷ lệ nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện theo nguyên tắc sau:

- i. Đối với cổ tức bằng tiền: Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ ETF nhận được khoản tiền cổ tức này.
- ii. Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thanh toán bằng tiền sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán thành công.
- iii. Đối với quyền mua thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ sử dụng khoản tiền từ việc bán số chứng khoán đó (nếu đã bán thành công trước đó) để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện nhỏ hơn giá thị trường tại ngày đăng ký thực hiện quyền, sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản của Quỹ thì Quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ.
- iv. Những khoản thanh toán liên quan đến việc hưởng cổ tức hoặc quyền nêu trên sẽ được thực hiện sau ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận tiền hoặc thực hiện việc bán thành công các cổ phiếu phát sinh từ cổ tức hoặc từ việc thực hiện quyền này.
- v. Khoản thanh toán cho Nhà Đầu Tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan;

Việc phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- i. Tính toán theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO) đối với các giao dịch bán chứng khoán ở các kỳ hoán đổi khác nhau, tiếp theo là tỷ lệ đối với các giao dịch bán chứng khoán ở cùng kỳ hoán đổi.
- ii. Tỷ lệ phân bổ sẽ phụ thuộc vào khả năng thanh toán của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh.
- iii. Trường hợp Quỹ có các lệnh mua/bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh mua sẽ được thực hiện trước lệnh bán chứng khoán để hoàn tiền lại cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.

- c) Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại Điều Lệ của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư có trách nhiệm bán số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các hạn mức theo quy định của pháp luật, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của pháp luật.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF từ Nhà Đầu Tư một trong các trường hợp sau:
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán thay đổi cơ cấu danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu;
 - Tổ chức phát hành chứng khoán có trong danh mục đầu tư của Quỹ ETF bị phá sản, giải thể, tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, Giá Trị Tài Sản Rộng Của Quỹ ETF không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi do Sở Giao Dịch Chứng Khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - Cơ cấu lại Danh Mục Đầu Tư nhằm giảm mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu;
 - Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do nguyên nhân bất khả kháng;
 - Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.
7. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 6 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ và phải tiếp tục thực hiện việc hoán đổi danh mục ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
8. Thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ: không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày, kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi gần nhất. Trường hợp việc tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại Điểm a, b Khoản 6 Điều này, thời hạn tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi không quá ba (03) ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.
9. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo quy định tại Khoản 8 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp bất thường để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 18. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a) Tổng giá trị các lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi trừ tổng giá trị các lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi tại ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ lớn hơn 10% giá trị tài sản ròng của Quỹ;
 - b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư dẫn tới:
 - Giá trị tài sản ròng của Quỹ thấp hơn 50 tỷ đồng; hoặc
 - Số đơn vị Quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn số đơn vị Quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ
2. Trường hợp thực hiện một phần lệnh chuyển đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ áp dụng theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian: lệnh chuyển đổi đại lý phân phối trước được thực hiện trước.
3. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
 - a) Do nguyên nhân bất khả kháng;
 - b) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày giao dịch hoán đổi do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán;
 - c) Các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại Diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 4 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện việc hoán đổi chứng chỉ Quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
6. Thời hạn tạm dừng hoán đổi chứng chỉ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều Lệ Quỹ nhưng không quá 90 ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ.
7. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Khoản 6 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ hoặc tách Quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ Quỹ.
8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư.

Điều 19. Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Mua Lại

1. Giá Dịch Vụ Phát Hành:

Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ:

- a) Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ phải trả khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ, sau khi Quỹ được thành lập. Giá Dịch Vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi, và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
- b) Giá Dịch Vụ Phát Hành:
 - Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ được quy định tại hợp đồng thành viên lập Quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
 - Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ làm tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại hợp đồng tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
 - Giá Dịch Vụ Phát Hành áp dụng đối với Nhà Đầu Tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.

2. Giá Dịch Vụ Mua Lại:

- a) Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư/Thành Viên Lập Quỹ phải trả khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ lấy Chứng Khoán Cơ Cấu, sau khi Quỹ được thành lập. Giá Dịch Vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
- b) Giá Dịch Vụ Mua Lại sẽ được trừ vào số tiền chênh lệch giữa giá trị của Lô Chứng Chỉ Quỹ và giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, trong trường hợp Giá Dịch Vụ Mua Lại lớn hơn phần tiền chênh lệch, Nhà Đầu Tư phải chuyển khoản phần tiền còn thiếu này vào tài khoản của Quỹ ETF tại Ngân Hàng Giám Sát chậm nhất vào 11h00 ngày (T+1) (một ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi).
- c) Giá Dịch Vụ Mua Lại
 - Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ được quy định tại hợp đồng thành viên lập Quỹ và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
 - Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ làm tổ chức tạo lập thị trường được quy định tại hợp đồng tổ chức tạo lập thị trường và không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch.
 - Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư không vượt quá 1% giá trị giao dịch.

Các mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt, trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc dưới các hình thức khác. Việc thanh toán các khoản giá dịch vụ được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch.

3. Việc điều chỉnh mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ là Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường được thực hiện theo

thỏa thuận giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ là Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường.

4. Việc tăng các mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá mức giá dịch vụ tối đa quy định tại Điều lệ này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty.
5. Trường hợp giảm mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư so với quy định tại Điều Lệ này, thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới sớm nhất là kể từ ngày Bản Cáo Bạch công bố về mức giá dịch vụ mới, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm cập nhật mức giá dịch vụ mới này vào Điều Lệ Quỹ tại kỳ họp Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất.

Điều 20. Giá Phát Hành, Giá Mua Lại

1. Giá Phát Hành: là mức giá Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ. Giá Phát Hành bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi cộng thêm Giá Dịch Vụ Phát Hành.
2. Giá Mua Lại: là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư đặt lệnh hoán đổi Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Chứng Khoán Cơ Cấu.
Giá Mua Lại: bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại.

Điều 21. Giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán

1. Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ giao dịch Chứng Chỉ Quỹ ETF đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán theo nguyên tắc sau:
 - a) Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ đặt lệnh giao dịch trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - b) Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Chứng Chỉ Quỹ ETF niêm yết;
 - c) Chứng Chỉ Quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký Quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.
2. Thành Viên Lập Quỹ chỉ được bán Chứng Chỉ Quỹ, bán Chứng Khoán Cơ Cấu trên hệ thống của Sở Giao Dịch Chứng Khoán khi bảo đảm có đủ Chứng Chỉ Quỹ ETF, Chứng Khoán Cơ Cấu để chuyển giao trước thời điểm thanh toán theo quy định của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Số Chứng Chỉ Quỹ ETF, Chứng Khoán Cơ Cấu này bao gồm số Chứng Chỉ Quỹ, số Chứng Khoán Cơ Cấu đã có sẵn trên tài khoản của Thành Viên Lập Quỹ

tại ngày thực hiện giao dịch, sổ Chứng Chi Quỹ, sổ Chứng Khoán Cơ Cấu nhận được trước thời điểm thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, sổ Chứng Chi Quỹ ETF có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đã thực hiện thành công trước đó.

Điều 22. Chuyển nhượng phi thương mại

1. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (tặng cho, thừa kế,...) Chứng Chi Quỹ ETF được thực hiện tương tự việc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán được quy định tại quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành
2. Việc tặng cho, thừa kế Chứng Chi Quỹ phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Quỹ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc tặng cho, thừa kế và/hoặc người tặng cho, thừa kế.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát sẽ đăng ký người nhận tặng cho, người thừa kế hợp pháp trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư sau khi người nhận tặng cho, người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc tặng cho, thừa kế.

Chương IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 23. Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Đại hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong sổ đăng ký Nhà Đầu Tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
2. Đại hội Nhà Đầu Tư do Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ;
 - b) Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;
 - c) Sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ
 - d) Phương án phân phối lợi tức;
 - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo tài chính,

báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;

- f) Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
 - g) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà Đầu Tư;
 - h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều Lệ này.
3. Chương trình và nội dung họp Đại hội Nhà Đầu Tư được Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu Tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
4. Thông báo mời họp Đại hội Nhà đầu tư, chương trình họp, tài liệu họp và phiếu lấy ý kiến (nếu có) được Công Ty Quản Lý Quỹ gửi đến Nhà đầu tư theo các phương thức phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này, bao gồm gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, thư điện tử hoặc phương thức điện tử khác tới địa chỉ liên hệ, số fax, địa chỉ thư điện tử hoặc thông tin liên hệ khác do Nhà đầu tư đã đăng ký với Quỹ hoặc được cập nhật tại Sổ đăng ký Nhà đầu tư.

Trường hợp thông báo mời họp, chương trình họp, tài liệu họp và phiếu lấy ý kiến (nếu có) được gửi tới đúng địa chỉ thư điện tử hoặc thông tin liên hệ khác do Nhà đầu tư đã đăng ký, việc gửi đó được coi là đã thực hiện họp lệ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Việc họp Đại hội Nhà Đầu Tư có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bỏ phiếu điện tử (evoting).

Điều 24. Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu Tư trong các trường hợp sau:
 - a. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - b. Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 14 Điều Lệ này;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ này.
2. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà Đầu Tư được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu Tư.

3. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Đại Diện Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu Tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều Lệ này

Điều 25. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác)..
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà Đầu Tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự.
3. Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu Tư về các nội dung quy định tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 23 Điều Lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà Đầu Tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.
5. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư được thông qua tại cuộc họp khi được số Nhà Đầu Tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ được lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản phải được quy định rõ tại Điều Lệ Quỹ, phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho Nhà Đầu Tư như trường hợp mời họp Đại hội Nhà Đầu Tư.
7. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu Tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết tán thành.
8. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ này. Trong trường

hợp quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu Tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.

Điều 26. Phân đổi quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

1. Nhà Đầu Tư phân đổi quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu Tư về một số các nội dung quy định tại Điểm b, c Khoản 2 Điều 23 Điều Lệ này có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác cùng loại hình của Công Ty Quản Lý Quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của Nhà Đầu Tư, số lượng đơn vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang Quỹ khác do công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu Tư gửi tới trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
2. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phân đổi quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ Quỹ gần nhất kể từ khi Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu của Nhà Đầu Tư và Nhà Đầu Tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

Chương V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 27. Ban Đại Diện Quỹ

1. Ban Đại Diện Quỹ có ba (03) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc được Nhà Đầu Tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải tuân thủ quy định sau:
 - a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội Nhà Đầu Tư để bầu thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, Quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Đại Diện Quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát (nếu có); các thông tin khác

nếu có liên quan;

- b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều Lệ Quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Đại Diện Quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
 - c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị
2. Tối thiểu 2/3 số thành viên của Ban Đại Diện Quỹ là các thành viên độc lập, không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
 3. Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có:
 - a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.
 4. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua bằng phiếu biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ, thành viên Ban Đại Diện không thể tham dự trực tiếp thì có quyền gửi ý kiến bằng văn bản và/hoặc cử người đại diện mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 5. Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi nhiệm, hoặc trường hợp cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng điều kiện, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có sự thay đổi, Ban Đại Diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chọn thành viên đáp ứng quy định để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ cho đến khi Đại Hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
 6. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện báo cáo UBCKNN và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 28. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế
2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - b) Có trình độ chuyên môn về kế toán, kiểm toán hoặc phân tích đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản; và/hoặc pháp luật.
 - c) Không phải là thành viên của trên 05 Ban Đại Diện Quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư.
2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Rộng; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng mà Quỹ sẽ gửi tiền, đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ theo quy định tại Mục (i) Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều Lệ này;
3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.
4. Có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
5. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.
6. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ có nghĩa vụ tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
7. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ

1. Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp

Ban Đại Diện Quỹ;

- c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ;
- d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều Lệ Quỹ.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ

- 1. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ không còn tư cách thành viên Ban Đại Diện Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Thành viên đó chết, không đủ tư cách làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ theo quy định của Điều Lệ Quỹ, quy định của pháp luật liên quan hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ;
 - b) Thành viên đó bị khởi tố, truy tố;
 - c) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - f) Có văn bản thông báo thành viên Ban Đại Diện Quỹ chấm dứt tư cách đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu Tư tổ chức, Thành Viên Lập Quỹ.
- 2. Ban Đại Diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội Nhà Đầu Tư ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội Nhà Đầu Tư chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban Đại Diện Quỹ bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban Đại Diện Quỹ. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận, mọi quyết định của Ban Đại Diện Quỹ cho đến trước thời điểm đi đến Đại Hội Nhà Đầu Tư có sự tham gia biểu quyết của thành viên Ban Đại Diện Quỹ thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 32. Thủ tục điều hành của Ban Đại Diện Quỹ

- 1. Trường hợp chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại Diện Quỹ được chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ.
- 2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà Đầu Tư.

Tư gần nhất.

Điều 33. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ

1. Ban Đại Diện Quỹ tổ chức họp tối thiểu mỗi quý một (01) lần hoặc theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ.
2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo cho các thành viên trước một (01) ngày trước ngày họp.
3. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ được tổ chức khi có tối thiểu 2/3 số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc theo hình thức khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.
4. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo hình thức khác quy định tại Điều Lệ Quỹ. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết.

Điều 34. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ

Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban Đại Diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều Lệ Quỹ.

Chương VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ; có đủ vốn theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ.
2. Hoàn toàn độc lập với Ngân Hàng Giám Sát.
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ.
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều Lệ này.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền sau:
 - a) Lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 39 Điều Lệ này;
 - b) Được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị Quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư vào Quỹ;
 - c) Có quyền từ chối phát hành Chứng Chi Quỹ cho những tổ chức, cá nhân không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của Điều Lệ Quỹ hoặc pháp luật;
 - d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
 - e) Ký hợp đồng phân phối Chứng Chi Quỹ với Đại Lý Phân Phối Chứng Chi Quỹ;
 - f) Được hưởng các khoản giá dịch vụ được quy định trong Điều Lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
 - g) Quản lý các Quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam, tiến hành các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật;
 - h) Được tham gia các cuộc họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ;
 - i) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều Lệ này và các quy định khác của pháp luật.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ sau:
 - a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty Quản Lý Quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều Lệ này. Công Ty Quản Lý Quỹ tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện và luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay tình trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích;
 - b) Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng tổ chức và nhân sự có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà Đầu Tư, tuân thủ Điều Lệ này, pháp luật và thông lệ quốc tế tốt nhất;
 - c) Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền cho bên thứ ba tuân thủ pháp luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư;
 - d) Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ

với các tài sản của Quỹ, và các tài sản khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;

- e) Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ pháp luật và Điều Lệ này;
- f) Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định về hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điều 11, Thông Tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- g) Thực hiện các cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ được nêu tại Phụ Lục 1 của Điều Lệ này.

Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ

- 1. Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Theo đề nghị Ban Đại Diện Quỹ sau khi đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận;
 - b) Bị thu hồi Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động, bị giải thể;
 - c) Hợp nhất, sáp nhập với một Công Ty Quản Lý Quỹ khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một Công Ty Quản Lý Quỹ khác phải theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 3. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ.
- 4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ:

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản tiền bồi thường (ngoài các khoản giá dịch vụ đã được quy định tại Điều Lệ này) như sau:

- a) Nếu việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng hai phần trăm (2%) Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ;
- b) Nếu việc thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra sau ba (03) năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động, chi phí bồi thường sẽ bằng một phẩy năm phần trăm (1,5%) Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của Quỹ trong vòng năm mươi hai (52) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư

thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 38. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân Hàng Giám Sát, ngân hàng lưu ký của Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà công ty đang quản lý. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Chủ tịch công ty, Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị Quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
2. Trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quy định khác, Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà Công Ty Quản Lý Quỹ đang quản lý.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:
 - a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - b) Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác. Văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.
4. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
5. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ và mức giá dịch vụ đã được quy định rõ tại Điều Lệ Quỹ.
6. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:

- a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
 - b) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà Chủ Tịch Công Ty, Ban Điều Hành, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), nhân viên của Công Ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn Điều Lệ;
 - c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.
7. Công Ty Quản Lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.
 8. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 39. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;
2. Ngân Hàng Giám Sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám Đốc, nhân viên trực tiếp của Ngân Hàng Giám Sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản Quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công Ty Quản Lý Quỹ và ngược lại;
3. Ngân Hàng Giám Sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Điều Hành và nhân viên của Ngân Hàng Giám Sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ;
4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký;
5. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 02, Phụ Lục 03 của Điều Lệ này.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

1. Ngân Hàng Giám Sát có nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Khoản 3 Điều 56 của Luật Chứng khoán;
 - b) Thực hiện lưu ký tài sản của Quỹ; ghi nhận chính xác, kịp thời tài sản, các quyền tài sản và các lợi ích có liên quan đến tài sản nhận lưu ký của Quỹ; Quản lý tách biệt tài sản của Quỹ, tài sản của Quỹ với tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát đồng thời là ngân hàng lưu ký của Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ), tài sản của các quỹ khác của cùng một Công Ty Quản Lý Quỹ (trong trường hợp các quỹ này sử dụng chung Ngân Hàng Giám Sát đồng thời là ngân hàng lưu ký), tài sản của những khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát;
 - c) Giám sát để bảo đảm Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý Quỹ tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán và Điều Lệ Quỹ;
 - d) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tài sản liên quan đến hoạt động của Quỹ theo yêu cầu hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - e) Xác nhận báo cáo liên quan đến Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập hoặc do tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền lập theo quy định của pháp luật;
 - f) Giám sát việc tuân thủ chế độ báo cáo và công bố thông tin của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của Luật Chứng Khoán, các quy định có liên quan và Điều Lệ Quỹ;
 - g) Báo cáo UBCKNN khi phát hiện Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ;
 - h) Định kỳ cùng Công Ty Quản Lý Quỹ đối chiếu số kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động giao dịch của Quỹ;
 - i) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân Hàng Giám Sát theo các quy định của pháp luật và Hợp Đồng Giám Sát;
 - j) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ theo thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp dịch vụ và theo quy định của pháp luật;
 - k) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - l) Thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ và Hợp Đồng Giám Sát;
 - m) Giám sát hoặc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều Lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ là chính xác;
 - n) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty

Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều Lệ Quỹ;

- o) Hoạt động vì lợi ích của Quỹ và Nhà đầu tư;
- p) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.

2. Ngân Hàng Giám Sát có quyền:

- a) Ngân Hàng Giám Sát được hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản Quỹ theo Điều Lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;
- b) Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chi thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chi thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ này. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN.
- c) Được tham gia các cuộc họp của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ.
- d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Hợp Đồng Giám Sát được ký giữa các bên.

Điều 41. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát

- 1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân Hàng Giám Sát phải:
 - a) Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định NAV của Quỹ: kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định NAV của Quỹ, NAV trên một Chứng Chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
 - b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - c) Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của Pháp Luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;
 - d) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài

sản Quỹ;

- e) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ;
 - f) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng Khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều Lệ này.
 - g) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập.
2. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
 3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
 4. Ngân Hàng Giám Sát có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công Ty Quản Lý Quỹ
 5. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu Tư theo chi thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật và Hợp Đồng Lưu ký Giám Sát.

Điều 42. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân Hàng Giám Sát

1. Ngân Hàng Giám Sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Ngân Hàng Giám Sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư

cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 104 Luật Chứng Khoán;

- b) Ngân Hàng Giám Sát đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ chấp thuận;
 - c) Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - d) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát được chuyển giao cho một Ngân Hàng Giám Sát khác phải theo quy định của pháp luật.

Chương VIII: CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 43. Các hoạt động được ủy quyền

Công Ty Quản Lý Quỹ được phép thuê các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng các quy định tại Điều Lệ này và quy định pháp luật có liên quan. Hoạt động được ủy quyền bao gồm:

1. Hoạt động quản trị quỹ đầu tư;
2. Hoạt động đại lý chuyển nhượng;
3. Các hoạt động khác (khi phát sinh).

Điều 44. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí chung
 - Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;
 - Được phép cung cấp các dịch vụ liên quan phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Có năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm và cách làm việc chuyên nghiệp phù hợp với yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ về cung cấp dịch vụ liên quan.
2. Tiêu chí kỹ thuật: Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ. Bộ phận chuyên trách này phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với dịch

vụ đó.

Điều 45. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:
Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng ủy quyền đã giao phù hợp với các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về các công việc mà mình làm.
2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:
 - a) Đối với dịch vụ quản trị Quỹ:
 - i. Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phân ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;
 - ii. Lập báo cáo tài chính của Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ theo quy định của pháp luật và hợp đồng quản trị Quỹ;
 - iii. Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chi Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng Chi Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ;
 - iv. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - b) Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:
 - i. Lập và quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư, hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chi Quỹ;
 - ii. Ghi nhận các lệnh hoán đổi, lệnh mua, lệnh bán của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng Chi Quỹ; cập nhật sổ đăng ký Nhà Đầu Tư;
 - iii. Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng Chi Quỹ của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ;
 - iv. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, báo cáo liên quan, cơ sở dữ liệu:
Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.
4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu Tư và đối tác của Công Ty Quản

Lý Quỹ:

5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc bất thường của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 46. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Khi thực hiện ủy quyền các hoạt động quy định tại Điều 43 Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:
 - a) Các thông tin cơ bản của bên nhận ủy quyền, phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của bên nhận ủy quyền phải được công bố tại Bản Cáo Bạch. Đại hội Nhà Đầu Tư của Quỹ có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay đổi tổ chức nhận ủy quyền nếu xét thấy cần thiết;
 - b) Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm để thực hiện hoạt động được ủy quyền;
 - c) Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;
 - d) Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ báo cáo kiểm toán độc lập đối với hoạt động ủy quyền, các tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật;
2. Trong hoạt động ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải có trách nhiệm:
 - a) Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;
 - b) Ký hợp đồng ủy quyền với bên nhận ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền bao gồm các nội dung tối thiểu theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư 99/2020/TT-BTC;
 - c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ và của Nhà Đầu Tư. Định kỳ hàng tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải lập báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động đã ủy quyền;
 - d) Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

- c) Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình báo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, UBCKNN có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
- f) Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư và dịch vụ cung cấp cho Quỹ và Nhà Đầu Tư;
- g) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền để thực thi đầy đủ, kịp thời các quyền, nghĩa vụ trong hoạt động ủy quyền;
- h) Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền, hợp đồng ủy quyền, biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất. Các tài liệu này phải được cung cấp cho UBCKNN theo yêu cầu.

Điều 47. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;
 - b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;
 - c) Theo đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - d) Theo đề nghị của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - e) Quỹ bị giải thể;
 - f) Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một Quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - g) Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - h) Tổ chức nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao hoặc với Công Ty Quản Lý Quỹ. Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai tổ chức có xác nhận của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương IX: THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG

Điều 48. Điều kiện lựa chọn Thành Viên Lập Quỹ

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh chứng khoán; hoặc ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký, đã ký hợp đồng lập Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
2. Trong vòng mười hai (12) tháng gần nhất, trước tháng nộp hồ sơ đăng ký thành lập Quỹ ETF, duy trì tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu đạt hai trăm hai mươi phần trăm (220%), hoặc một tỷ lệ khác cao hơn theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân hàng lưu ký phải đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật về ngân hàng.
3. Đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF với Công Ty Quản Lý Quỹ.
4. Luôn nắm giữ số lượng Lô Chứng Chi Quỹ tối thiểu như đã cam kết với Công Ty Quản Lý Quỹ.
5. Đáp ứng các điều kiện khác (nếu có) tại hợp đồng lập Quỹ.

Điều 49. Quyền và trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ

1. Quyền của Thành Viên Lập Quỹ:
 - a) Được cung cấp dịch vụ môi giới cho Nhà Đầu Tư trong hoạt động hoán đổi danh mục theo quy định tại Điều Lệ này và Bản Cáo Bạch. Quy định này chỉ áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ là công ty chứng khoán;
 - b) Được thực hiện các giao dịch tự doanh với Quỹ ETF, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ, theo cơ chế hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của mình lấy các Lô Chứng Chi Quỹ ETF và ngược lại;
 - c) Được vay Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi lấy các Lô Chứng Chi Quỹ ETF; hoặc vay các Lô Chứng Chi Quỹ ETF để hoán đổi lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Hoạt động vay chứng khoán, Chứng Chi Quỹ ETF này phải được thực hiện trên hệ thống và theo hướng dẫn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - d) Được thực hiện các giao dịch Chứng Chi Quỹ ETF, Chứng Khoán Cơ Cấu khi đã có lệnh đối ứng được khớp, bảo đảm có đủ tài sản tại thời điểm để thanh toán giao dịch theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Điều Lệ này và theo quy định pháp luật.
2. Trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ:
 - a) Nhận lệnh giao dịch (trực tiếp hoặc thông qua Đại Lý Phân Phối) và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Quy định này chỉ áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ là công ty chứng khoán;

- b) Không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch của các Nhà Đầu Tư. Lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư phải được xử lý độc lập, tách biệt với việc xử lý các lệnh giao dịch của chính Thành Viên Lập Quỹ. Trong giao dịch Chứng Chi Quỹ ETF trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Thành Viên Lập Quỹ phải thực hiện lệnh của Nhà Đầu Tư trước lệnh của mình. Trong giao dịch hoán đổi lấy các Lô Chứng Chi Quỹ ETF, Thành Viên Lập Quỹ chỉ được sử dụng tài sản trên tài khoản tự doanh, tài sản của chính mình để hoán đổi lấy các Lô Chứng Chi Quỹ ETF, không được sử dụng tài sản của Nhà Đầu Tư;
- c) Bảo đảm Nhà Đầu Tư có đầy đủ tiền, chứng khoán ký Quỹ để thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật;
- d) Quản lý tách biệt tài sản của Nhà Đầu Tư trên tài khoản của từng Nhà Đầu Tư, độc lập với tài sản của mình. Không được sử dụng tài sản của Nhà Đầu Tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư; không được nhận ủy quyền của Nhà Đầu Tư và thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tài khoản của các Nhà Đầu Tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chi thị hợp pháp và bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;
- e) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ;
- f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức này;
- g) Tuân thủ các nguyên tắc hoạt động của Đại Lý Phân Phối.

Điều 50. Tổ chức tạo lập thị trường

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể chỉ định một hoặc một số Thành Viên Lập Quỹ làm Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường Quỹ ETF. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm gửi UBCKNN hợp đồng về hoạt động tạo lập thị trường ngay sau khi ký với các tổ chức tạo lập thị trường.
2. Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường phải yết các mức giá chào mua, giá chào bán Chứng Chi Quỹ ETF; có trách nhiệm mua, bán Chứng Chi Quỹ ETF theo mức giá yết tại các Ngày Giao Dịch

và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của mình theo quy chế hoạt động Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường do Sở Giao Dịch Chứng Khoán xây dựng và ban hành.

Chương X: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 51. Đại Lý Phân Phối Chứng Chi Quỹ

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chi quỹ đại chúng, đã ký hợp đồng phân phối chứng chi quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu Tư. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chi quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành. Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của đại lý phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

Điều 52. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng Chi Quỹ cho Nhà Đầu Tư;
3. Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sở chính, xác nhận quyền sở hữu Chứng Chi Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;
4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm Quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, Báo Cáo Tài Chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý

Quỹ.

5. Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;
6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.

Điều 53. Chấm dứt, Thay đổi, bổ sung đại lý phân phối, địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ

1. Đại lý phân phối chấm dứt hoạt động phân phối đối với chứng chỉ Quỹ ETF khi:
 - a) Đại lý phân phối bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối
 - b) Hợp đồng phân phối hết hiệu lực
 - c) Đại lý phân phối không duy trì được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ Quỹ theo quy định;
2. Trường hợp đại lý phân phối chấm dứt hoạt động phân phối đối với Chứng Chỉ Quỹ như Khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo trước cho Nhà Đầu Tư đồng thời chỉ định đại lý phân phối thay thế (nếu có).
3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi đại lý phân phối, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo với UBCKNN kèm theo các tài liệu sau:
 - a) Thông báo về việc thay đổi đại lý phân phối chứng chỉ Quỹ, địa điểm phân phối;
 - b) Trường hợp bổ sung đại lý phân phối kèm theo các tài liệu: Hợp đồng đại lý phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên lập Quỹ; Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự tại các địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ xác nhận (trừ trường hợp đại lý phân phối đang là đại lý phân phối của Quỹ khác do công ty quản lý).
4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi, bổ sung địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, thay đổi địa chỉ của địa điểm phân phối, thay đổi, bổ sung nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, đại lý phân phối phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối. Đại lý phân phối phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán trước khi phân phối trên môi trường mạng.
5. Địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ chấm dứt hoạt động phân phối trong trường hợp sau:
 - a) Theo quyết định của đại lý phân phối;

- b) Đại lý phân phối chấm dứt hoạt động tại chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;
 - c) Địa điểm phân phối không duy trì được được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ Quỹ theo quy định;
 - d) Hợp đồng phân phối hết hiệu lực.
6. Trường hợp địa điểm phân phối chấm dứt hoạt động theo quy định tại Khoản 5 Điều này, đại lý phân phối có trách nhiệm thông báo trước cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Nhà Đầu Tư, đồng thời chỉ định địa điểm phân phối thay thế.

Chương XI: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 54. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công Ty Kiểm Toán

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất Công Ty Kiểm Toán để trình Đại Hội Nhà Đầu Tư lựa chọn.

1. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp;
2. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;
3. Được UBCKNN cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư;
4. Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 55. Năm Tài Chính

Năm Tài Chính là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm Tài Chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ đầu ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm đó.

Trường hợp thời gian từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 56. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Báo cáo tài chính

Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả

kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

Báo cáo tài chính bán niên /báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên/ kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại Diện Quỹ và công bố công khai trên website của Công Ty Quản Lý Quỹ để Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.

3. Báo cáo khác

Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

Chương XII: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 57. Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm những nội dung sau:
 - a) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá;
 - b) Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ và thông lệ quốc tế; phải rõ ràng để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.
2. Sổ tay định giá, danh sách tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ ETF, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chi Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chi Quỹ;
4. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định hoặc ủy quyền cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán xác định và công bố thông tin về Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chi Quỹ (iNAV) trên cơ sở giá thị trường từ giao dịch được thực hiện gần nhất của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi. Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chi Quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chi Quỹ được cập nhật tối thiểu mười lăm giây (15s) một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty hoặc trên hệ thống của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

5. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chi Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chi Quỹ. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá Trị Tài Sản Ròng do Ngân Hàng Giám Sát thực hiện là phù hợp các quy định tại Điều Lệ Quỹ và của pháp luật, Giá Trị Tài Sản Ròng được tính đúng.
6. Trong vòng ba (03) ngày, kể từ ngày Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn ba mươi (30) tỷ đồng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn mười (10) tỷ đồng trong vòng sáu (06) tháng liên tục thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể Quỹ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

Điều 58. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá được quy định tại sổ tay định giá.

Điều 59. Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ

1. Ngày Định Giá: Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ ETF được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày Định Giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.
Đối với kỳ định giá hàng tháng, Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ ETF được xác định tại ngày cuối cùng của tháng và Ngày Định Giá là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.
2. Việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ ETF, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chi Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chi Quỹ theo nguyên tắc sau:
 - a) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) tại ngày liền trước ngày định giá. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày Định Giá. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định của luật và quy định nội bộ tại sổ tay định giá, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một lô Chứng Chi Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ chia cho tổng số Lô Chứng Chi Quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị; Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chi bằng Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ chia cho tổng số Chứng Chi Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá, và làm tròn xuống lấy đến hai (02) số thập phân.
 - b) Sau khi xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng

Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo kết quả để Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc;

- c) Ngay sau khi Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, các Giá Trị Tài Sản Ròng nêu trên phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Đại Lý Phân Phối và Thành Viên Lập Quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố Giá Trị Tài Sản Ròng cho Nhà Đầu Tư được thực hiện ngay trong Ngày Giao Dịch Hoán Đổi hoặc tối thiểu không muộn hơn Ngày Giao Dịch Hoán Đổi tiếp theo.
- d) Trường hợp tài sản được định giá hoặc đánh giá không chính xác:
 - i. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo cho Ngân Hàng Giám Sát mỗi khi phát hiện các trường hợp định giá không chính xác;
 - ii. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cùng ký xác nhận.
 - iii. Ngân Hàng Giám Sát phải nộp báo cáo tháng, quý, năm gửi UBCKNN tổng kết về các trường hợp định giá không chính xác trong kỳ.

Điều 60. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư giao dịch chứng chỉ Quỹ khi định giá sai giá trị tài sản ròng của Quỹ, với các mức sai lệch đạt từ 1% giá trị tài sản ròng trở lên.
2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:
 - a) Đối với Nhà Đầu Tư mua chứng chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã bán;
 - b) Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị Quỹ mà

Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành;

3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:
 - a) Đối với Nhà Đầu Tư mua chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;
 - b) Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

Chương XIII: GIÁ DỊCH VỤ, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 61. Các loại giá dịch vụ, chi phí do Quỹ trả

1. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
 - a) Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ ETF. Giá Dịch Vụ Quản Lý được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ ETF là 0,6% NAV/năm.
 - b) Trường hợp tăng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ trên mức 0,6%NAV/năm phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.
 - c) Trường hợp điều chỉnh Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ (tăng, giảm) không quá mức 0,6%NAV/năm do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo mức giá dịch vụ mới với Ban Đại Diện Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, đồng thời cập nhật trong Bản Cáo Bạch của Quỹ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
 - d) Công thức tính Giá Dịch Vụ Quản Lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
 - e) Giá Dịch Vụ Quản Lý cho kỳ định giá = "Tỷ lệ (%)" Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính Giá Dịch Vụ" x "NAV tại ngày trước Ngày Định Giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm".
 - f) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
2. Giá Dịch Vụ Giám Sát, Giá Dịch Vụ Lưu Ký
 - a) Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát được trả cho Ngân Hàng Giám Sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ. Giá Dịch Vụ

Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng quy định tại hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Ngân Hàng Giám Sát và Công Ty Quản Lý Quỹ, chi tiết tại Bản cáo bạch.

Tổng số Giá Dịch Vụ Lưu Ký và Giám Sát tuân thủ theo quy định của pháp luật.

- b) Công thức tính Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng"] và ["Tỷ lệ % giá dịch vụ lưu ký, giám sát (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày Định Giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm"].

- c) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

3. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ

- a) Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ cho Quỹ. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ ETF được quy định tại hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Ngân Hàng Giám Sát và Công Ty Quản Lý Quỹ, chi tiết tại Bản cáo bạch

- b) Công thức tính Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá Dịch Vụ tối thiểu hàng tháng" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng"] và ["Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày Định Giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm"].

- c) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

4. Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng

- a) Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

- b) Mức Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng chi tiết được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng và được nêu cụ thể tại Bản Cáo Bạch.

- c) Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

5. Giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số
- Giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu được trả cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán cho dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ Số Tham Chiếu. Giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu được quy định tại hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Tổ chức quản lý và vận hành Chỉ Số Tham Chiếu và Công Ty Quản Lý Quỹ, chi tiết tại Bản cáo bạch
 - Công thức tính Giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá cung cấp dịch vụ tối thiểu" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong năm"] và ["Tỷ lệ % giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày Định Giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày thực tế của năm"].

Mức giá dịch vụ, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành Chỉ Số Tham Chiếu.

- Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
6. Giá dịch vụ tính toán các thông tin của Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Rộng tham chiếu (iNAV), iINDEX, mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu (TE)
- Giá dịch vụ nêu tại khoản này được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Rộng tham chiếu (iNAV), iINDEX, mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu (TE), chi tiết trong Bản cáo bạch.
 - Công thức tính Giá dịch vụ nêu tại khoản này vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- Giá dịch vụ nêu tại khoản này cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong năm"] và ["Tỷ lệ % giá dịch vụ (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày Định Giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm"].
- Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Mức giá dịch vụ, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

Tổng các khoản Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ và giá dịch vụ/tiền cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ ETF không quá 2% NAV của Quỹ/năm.

7. Các loại chi phí và lệ phí khác

Các chi phí khác của Quỹ bao gồm:

- a) Phí/giá dịch vụ giao dịch bao gồm phí/giá dịch vụ môi giới, phí/giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho công ty chứng khoán và các bên khác;
- b) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- c) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- d) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ;
- e) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- f) Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- g) Thù lao cho Ban Đại Diện Quỹ;
- h) Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban Đại Diện Quỹ quyết định;
- i) Chi phí bảo hiểm (nếu có);
- j) Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- k) Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều Lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
- l) Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 62. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm:

1. Cổ tức.
2. Lãi trái phiếu.
3. Lãi tiền gửi.
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ.
5. Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản hoặc các hoạt động của Quỹ.

Điều 63. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm các khoản phí, chi phí sau thuế sau:
 - a) Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ và giá dịch vụ thanh toán cho các

tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ ETF;

- b) Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, Giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân Hàng Giám Sát;
 - c) Giá dịch vụ quản lý và vận hành chi số tham chiếu;
 - d) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
 - e) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại Diện Quỹ;
 - f) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ;
 - g) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động Quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối sau khi giá trị này đã được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của quỹ trong 12 tháng gần nhất} \times 100\%}{\text{Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong 12 tháng gần nhất}}$$

Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{\text{Giá trị Tài Sản Ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Trong đó, Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong một kỳ của Quỹ là tổng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tính tại các Ngày Định Giá trong kỳ đó chia cho số Ngày Định Giá Chứng Chỉ Quỹ trong cùng kỳ.

Điều 64. Phân chia lợi nhuận của Quỹ

- 1. Nhà Đầu Tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều Lệ Quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho Nhà Đầu Tư được trích từ lợi nhuận trong kỳ, hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các Quỹ (nếu có) theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ

- thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.
2. Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ Quỹ. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi tức, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo đến Nhà Đầu Tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.
 3. Việc chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:
 - a) Lợi tức phân phối cho Nhà Đầu Tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
 - b) Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều Lệ Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua;
 - c) Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng Quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn 50 tỷ đồng;
 - d) Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
 4. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho Nhà Đầu Tư. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần cổ tức này sẽ do Nhà Đầu Tư chịu.
 5. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Báo cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

Chương XIV: TÀI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 65. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Tối thiểu 30 ngày trước ngày họp Đại hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải cung cấp cho Nhà Đầu Tư các tài liệu liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập bao gồm:
 - a) Phương án hợp nhất, sáp nhập;
 - b) Dự thảo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập;
 - c) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các báo cáo tài chính quý của tất cả các Quỹ bị hợp

nhất, bị sáp nhập tới quỹ gần nhất;

- d) Dự thảo Điều Lệ Quỹ, Bản cáo bạch (nếu có), Bản cáo bạch tóm tắt (nếu có) của Quỹ hợp nhất, Quỹ nhận sáp nhập.
2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo về quyết định hợp nhất, sáp nhập Quỹ cho các chủ nợ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, chủ nợ có quyền yêu cầu Quỹ thanh toán các khoản phải trả. Quá thời hạn nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ không nhận được yêu cầu từ các chủ nợ, nghĩa vụ thanh toán sẽ do Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện.
3. Trường hợp các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được quản lý bởi cùng một Công Ty Quản Lý Quỹ, mọi chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, chi phí hành chính và các dịch vụ khác liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ không được hạch toán vào chi phí của Quỹ, trừ trường hợp Đại hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác
4. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm:
 - a) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực thông tin về quá trình hợp nhất, sáp nhập cho Nhà Đầu Tư;
 - b) Quyền lợi, nghĩa vụ được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên có liên quan theo nguyên tắc tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật;
 - c) Thanh toán các khoản nợ của Quỹ cho chủ nợ theo yêu cầu của chủ nợ. Việc thanh toán phải hoàn tất chậm nhất tại ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực đối với các chủ nợ yêu cầu Quỹ thanh toán theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều này.
5. Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập là ngày các Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập. Kể từ ngày UBCKNN ra Quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm:
 - a) Tiếp nhận bàn giao toàn bộ sổ sách, chứng từ, danh mục chứng khoán và các tài sản khác kèm các tài liệu khác có liên quan tới Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - b) Bảo đảm Quỹ hợp nhất, sáp nhập tiếp nhận, kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính, các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; tiếp tục thực hiện các hợp đồng kinh tế của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - c) Hoàn tất thủ tục đăng ký sở hữu cho Quỹ hợp nhất, sáp nhập các tài sản tiếp nhận từ các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định pháp luật có liên quan;
 - d) Đại diện cho Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện các nghĩa vụ của Quỹ theo quy định của

pháp luật có liên quan.

6. Tùy thuộc vào điều khoản hợp đồng hợp nhất, sáp nhập, phương án hợp nhất, sáp nhập, Quỹ có thể chuyển đổi chứng chỉ Quỹ kết hợp thanh toán bằng tiền. Giá trị khoản thanh toán bằng tiền cho một chứng chỉ Quỹ không vượt quá 10% giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ tính tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập.
7. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hợp nhất, sáp nhập, Công Ty Quản Lý Quỹ công bố thông tin về việc hợp nhất, sáp nhập. Nội dung công bố thông tin bao gồm:
 - a) Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
 - b) Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập; tỷ lệ chuyển đổi chứng chỉ Quỹ; tỷ lệ thanh toán bằng tiền trên một chứng chỉ Quỹ (nếu có).
8. Kể từ thời điểm Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực:
 - a) Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập chấm dứt tồn tại, đồng thời Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập kế thừa toàn bộ tài sản, nợ, quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ khác của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - b) Nhà Đầu Tư của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được nhận tài sản dưới dạng chứng chỉ của Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập theo tỷ lệ chuyển đổi xác định tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
 - c) Chứng chỉ Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập bị hủy

Điều 66. Giải thể Quỹ

1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - a) Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban Đại Diện Quỹ không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - b) Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản hoặc Ngân Hàng Giám Sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận, hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công Ty Quản Lý Quỹ không xác lập được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - c) Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ xuống dưới mức mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng;
 - d) Quỹ hủy niêm yết;
 - e) Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định giải thể Quỹ;

- f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Đại hội Nhà Đầu Tư thống nhất ngày giải thể Quỹ. Kể từ ngày giải thể Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát không được:
 - a) Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho Quỹ;
 - b) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;
 - c) Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;
 - d) Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;
 - e) Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.
 3. Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:
 - a) Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - b) Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - c) Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của Quỹ.
 4. Đại hội Nhà Đầu Tư chỉ định một Công Ty Kiểm Toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng hoặc duy trì Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm để thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.
 5. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát chịu trách nhiệm thực hiện việc thanh lý, phân chia tài sản cho Nhà Đầu Tư theo phương án đã được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua. Thời hạn thanh lý tài sản, phân chia tài sản cho Nhà Đầu Tư thực hiện theo phương án giải thể nhưng không quá 02 năm kể từ ngày giải thể Quỹ. Quá hạn nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát thực hiện hoàn trả danh mục cho Nhà Đầu Tư theo quy định tại Khoản 6 Điều này. Trong thời gian Quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu giá dịch vụ đã được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua.
 6. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát khi thực hiện thanh lý tài sản của Quỹ phải bảo đảm:
 - a) Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải thực hiện thông qua hệ thống giao dịch

của Sở giao dịch chứng khoán;

- b) Đối với tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải được sự chấp thuận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban Đại Diện Quỹ theo quy định tại Khoản 3 Điều này.
7. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoàn trả danh mục của Quỹ cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư. Việc hoàn trả danh mục cho Nhà Đầu Tư phải đảm bảo nguyên tắc:
 - a) Quỹ đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ theo quy định và thứ tự tại Điểm a, b Khoản 4 Điều 104 Luật chứng khoán;
 - b) Danh mục hoàn trả cho Nhà Đầu Tư phải đầy đủ các loại tài sản, cơ cấu theo danh mục của Quỹ;
 - c) Trong trường hợp là chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao tài sản cho Nhà Đầu Tư được Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát thực hiện theo hướng dẫn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Trường hợp là các tài sản phải đăng ký sở hữu khác, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm yêu cầu tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ cổ đông đăng ký sở hữu tài sản cho Nhà Đầu Tư. Việc hoàn trả hoàn tất khi Nhà Đầu Tư đã được đăng ký sở hữu tài sản.

8. Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ và thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.
9. Kể từ ngày giải thể cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và cung cấp cho Nhà Đầu Tư về giá trị tài sản ròng, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của Quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục IX, Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.
10. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thể. Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thể không chính xác hoặc có tài liệu giả mạo, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến UBCKNN.

Chương XV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 67. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải:
 - Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
 - Tách biệt tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà Đầu Tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của Chủ tịch Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Ban Điều Hành, thành viên Ban Kiểm Soát, người hành nghề quản lý Quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều Lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương XVI: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 68. Công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban Đại Diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban Đại Diện Quỹ hoặc được thư điện tử đến địa chỉ do thành viên Ban Đại Diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.
3. Hoạt động công bố thông tin liên quan tới việc huy động vốn lập Quỹ, hoạt động đầu tư của Quỹ và các hoạt động khác có liên quan tới Quỹ được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:
 - a) Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Chứng Chỉ Quỹ niêm yết, Thành Viên Lập Quỹ;
 - b) Trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết.
4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ

đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành Quỹ nhận.

Điều 69. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 70. Đăng ký Điều Lệ

1. Bản Điều Lệ này bao gồm 16 Chương, 71 Điều và 03 Phụ lục, đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ thông qua và có hiệu lực kể từ ngày được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ thông qua.
Các bản trích hay sao y của bản Điều Lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc người đại diện được ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ thì mới có giá trị.
2. Điều Lệ này được lập thành bốn (04) bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt:
 - a) 01 bản đăng ký tại UBCKNN.
 - b) 02 bản lưu tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - c) 01 bản lưu tại trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 71. Điều khoản thi hành

Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp Giấy Đăng Ký Lập Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Đính kèm cùng Điều Lệ các phụ lục sau:

PHỤ LỤC 01: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 02: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 03: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



PHỤ LỤC 01: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công Ty Quản Lý Quỹ: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER (IPA PARTNER)

Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ ETF IPAAM VN100:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân Hàng Giám Sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân Hàng Giám Sát các khoản phí, giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát các thông tin sau:
 - a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ;
 - b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, Danh Mục Đầu Tư của Quỹ;
 - c) Bản đánh giá Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ;
 - d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý Quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều Lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công Ty Quản Lý Quỹ trong hoạt động quản lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công Ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.

11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân Hàng Giám Sát đánh giá về hoạt động quản lý Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu Tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật.

Đại Diện Công Ty Quản Lý Quỹ *th*



PHỤ LỤC 02: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân Hàng Giám Sát: NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 02/01/2024 .

Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy Chứng Nhận Thành Viên Lưu Ký số 18/GCNTVLK do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.

Ngân Hàng Giám Sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ và tài sản của các Quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát.
6. Giám sát Danh Mục Đầu Tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng trên một đơn vị Chứng Chi Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công Ty Quản Lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những Người Có Liên Quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một Công Ty Kiểm Toán độc lập hàng năm.

Đại diện có thẩm quyền của Ngân Hàng Giám Sát

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

71



TRƯỜNG TRUNG TÂM

Võ Trí Thành

PHỤ LỤC 03: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công Ty Quản Lý Quỹ: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER (IPA PARTNER)

Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008

Ngân Hàng Giám Sát: NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2019.

Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy Chứng Nhận Thành Viên Lưu Ký số 18/GCNTVLK do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.

Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2019.

Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và Giấy Chứng Nhận Thành Viên Lưu Ký số 18/GCNTVLK do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu Tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch.

Đại diện có thẩm quyền của 
Công Ty Quản Lý Quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHỦ TỊCH
Phạm Minh Hương

Đại diện có thẩm quyền của 
Ngân Hàng Giám Sát
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRƯỞNG TRUNG TÂM
Võ Trí Thanh

CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ ETF IPAAM VN100

STT	Khoản mục	Nội dung tại Điều lệ quỹ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ quỹ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	<p>2. Luật Chứng Khoán số 54/2019/ QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;</p> <p>3. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>4. Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;</p> <p>5. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán;</p> <p>6. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán;</p> <p>....</p> <p>9. Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của Nhà Đầu Tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;</p>	<p>2. Luật Chứng Khoán số 54/2019/ QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024</u> (sau đây gọi tắt là "Luật Chứng khoán");</p> <p>3. Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025</u>;</p> <p>4. Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2026</u>;</p> <p>5. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025</u>;</p> <p>6. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025; 88/2025/TT-BTC ngày 03/09/2025</u>;</p> <p>.....</p>	<p>Cập nhật các văn bản mới</p>



	<p>10. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán</p> <p>11. Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam Việt Nam;</p> <p>12. Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;</p> <p>13. Thông tư 272/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán;</p> <p>14. Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ hoán đổi danh mục;</p> <p>15. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.</p>	<p>9. Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của Nhà Đầu Tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam; <u>Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;</u></p> <p>10. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, <u>được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024;</u></p> <p>11. <u>Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam Việt Nam;</u> <u>Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 của Bộ Tài Chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;</u></p> <p>12. Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;</p> <p><u>Thông tư 25/2022/TT-BTC ngày 28/04/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán;</u></p>	
--	---	---	--

			<p>13. Thông tư 272/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán; Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ hoán đổi danh mục</p> <p>14. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan khác.</p>	
2	II. CÁC ĐỊNH NGHĨA	<p>“Công Ty Quản Lý Quỹ” hoặc “Công Ty Quản Lý Quỹ I.P.A”: Là Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008. Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A được uỷ thác quản lý Quỹ ETF IPAAM VN100, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.</p>	<p>“Công Ty Quản Lý Quỹ” hoặc “Công Ty Quản Lý Quỹ I.P.A”: Là Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008. Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER được uỷ thác quản lý Quỹ ETF IPAAM VN100, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.</p>	Sửa tên công ty quản lý quỹ do đổi tên
3		<p>“Đại Hội Nhà Đầu Tư”: Là đại hội của Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ETF. Đại Hội Nhà đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF.</p>	<p>Đại Hội Nhà Đầu Tư”: Là đại hội của Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ETF. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF.</p>	Bỏ cụm “thường kỳ hoặc bất thường” do Thông tư 136 cho phép Công ty Quản lý quỹ quy định tổ chức Đại hội nhà đầu tư linh hoạt

4		<p>“Đại Lý Phân Phối”: Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ phân phối chứng chỉ Quỹ đã ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ ETF với Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ.</p>	<p>“Đại Lý Phân Phối”: Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ <u>phân phối chứng chỉ Quỹ</u> <u>mỗi giới chứng khoán đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng</u>, đã ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ ETF với Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ.</p>	<p>Bổ sung, sửa đổi để làm rõ định nghĩa về Đại lý phân phối phù hợp với Thông tư 98</p>
5	<p>Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ</p>	<p>....</p> <p>- Địa chỉ liên hệ: Công Ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A</p> <p>+ Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội</p> <p>+ Điện thoại: 024 39410 510</p> <p>Fax: 024 39410 500</p>	<p>....</p> <p>- Địa chỉ liên hệ: <u>Công Ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER</u></p> <p>+ Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội</p> <p>+ Điện thoại: <u>024-39410-510 024 73056188</u></p> <p>Fax: <u>024-39410-500</u></p>	<p>Cập nhật tên công ty, số điện thoại mới và địa giới hành chính mới</p>
6	<p>Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ</p>	<p>- Công Ty Quản Lý Quỹ: Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A</p> <p>- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008</p> <p>- Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội</p> <p>- Điện thoại: 024 39410 510</p> <p>Fax: 024 39410 500</p>	<p>- Công Ty Quản Lý Quỹ: <u>Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư IPA PARTNER</u></p> <p>- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008</p> <p>- Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội</p> <p>- Điện thoại: <u>024-39410-510 024 73056188</u></p> <p>Fax: <u>024-39410-500</u></p>	<p>Cập nhật tên công ty theo tên mới, số điện thoại mới và địa giới hành chính mới</p>
7	<p>Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát</p>	<p>...</p> <p>- Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành</p>	<p>....</p> <p>- Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố</p>	<p>Cập nhật thay đổi giấy phép của Ngân</p>

		<p>Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/6/2008, thay đổi lần 13 ngày 16/01/2019.</p> <p>....</p> <p>- Trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.</p>	<p>Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/6/2008, thay đổi lần 13 ngày 16/01/2019 <u>17 ngày 02/01/2024.</u></p> <p>....</p> <p>- Trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, phường quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.</p>	<p>hàng giám sát và địa chỉ theo địa giới hành chính mới</p>
8	Điều 9. Chiến lược đầu tư	<p>....</p> <p>3. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF</p> <p>....</p> <p>b) Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:</p> <p>.....</p> <p>iv. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;</p>	<p>....</p> <p>3. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF</p> <p>....</p> <p>b) Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:</p> <p>.....</p> <p>iv. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, <u>cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;</u></p>	<p>Điều 17.2 Thông tư 136/2025/TT-BTC</p>
9	Điều 10. Hạn chế đầu tư	<p>....</p> <p>2. Cơ cấu Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF phải đảm bảo:</p> <p>.....</p> <p>c) Trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh Mục Chỉ Số Tham Chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ</p>	<p>....</p> <p>2. Cơ cấu Danh Mục Đầu Tư của Quỹ ETF phải đảm bảo:</p> <p>.....</p> <p>c) Trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh Mục Chỉ Số Tham Chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào <u>chứng khoán được các tài sản quy định tại Mục i, ii, iv, v Điểm b Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này</u>, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần,</p>	<p>Bổ sung để làm rõ phạm vi đầu tư phù hợp với Thông tư 98/2020/TT-BTC</p>

		<p>phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.</p> <p>....</p> <p>f) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;</p>	<p>phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.</p> <p>....</p> <p>f) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;</p>	Sửa theo Điều 22 Thông tư 136/2025/TT-BTC
10	Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư	<p>.....</p> <p>4. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu Tư, tổng số chứng chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu Tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. ...</p>	<p>.....</p> <p>4. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc <u>định danh cá nhân</u> hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu Tư, tổng số chứng chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu Tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. ...</p>	Sửa đổi do Giấy chứng minh nhân dân không còn giá trị theo quy định của pháp luật
11	Điều 16. Số đăng ký Nhà Đầu Tư	<p>...</p> <p>2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:</p> <p>.....</p> <p>c) Danh sách Nhà Đầu Tư, thành viên lập Quỹ; họ tên, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc</p>	<p>...</p> <p>2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:</p> <p>.....</p> <p>c) Danh sách Nhà Đầu Tư, thành viên lập Quỹ; họ tên, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá</p>	Sửa đổi do Giấy chứng minh nhân dân không còn giá trị theo quy định của pháp luật

		<p>chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của Nhà Đầu Tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; số lượng chứng chỉ Quỹ/lô chứng chỉ Quỹ ETF sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; kèm theo xác nhận của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về chi tiết danh mục cơ cấu của từng thành viên lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào Quỹ ETF.</p>	<p>nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của Nhà Đầu Tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; số lượng chứng chỉ Quỹ/lô chứng chỉ Quỹ ETF sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; kèm theo xác nhận của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về chi tiết danh mục cơ cấu của từng thành viên lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào Quỹ ETF.</p>	
12	<p>Điều 17. Giao dịch hoán đổi Danh Mục Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF và ngược lại</p>	<p>1. Giao dịch hoán đổi áp dụng cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ thực hiện theo nguyên tắc sau:</p> <p>.....</p> <p>c. Tần suất giao dịch hoán đổi và Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh</p> <p>i. Giao dịch hoán đổi được thực hiện hàng ngày vào Ngày Làm Việc ("Ngày Giao Dịch Hoán Đổi).</p> <p>ii. Việc tăng tần suất giao dịch hoán đổi sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật chính sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản Cáo Bạch, thông báo cho Ngân Hàng Giám Sát và công bố thông tin theo quy định pháp luật. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều Lệ Quỹ tại kỳ họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên gần nhất. Việc giảm tần</p>	<p>1. Giao dịch hoán đổi áp dụng cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ thực hiện theo nguyên tắc sau:</p> <p>.....</p> <p>c. Tần suất giao dịch hoán đổi và Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh</p> <p>i. Giao dịch hoán đổi được thực hiện hàng ngày vào các Ngày-Làm-Việc từ thứ hai đến thứ sáu ("Ngày Giao Dịch Hoán Đổi).</p> <p>ii. Việc tăng tần suất giao dịch hoán đổi sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật chính sửa, bổ sung phần thay đổi này vào Bản Cáo Bạch, thông báo cho Ngân Hàng Giám Sát và công bố thông tin theo quy định pháp luật. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ cập nhật nội dung thay đổi này vào Điều Lệ Quỹ tại kỳ họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên gần nhất. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất</p>	<p>Bổ sung để làm rõ thời gian giao dịch</p> <p>Sửa đổi do Thông tư 136 cho phép Công ty quản lý quỹ quy định tổ chức Đại hội nhà</p>

	<p>suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng</p>	<p>giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.</p>	<p>đầu tư linh hoạt</p>
<p>13</p>	<p>2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:</p> <p>a) Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi lấy một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ và số tiền phải nộp tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và Giá Phát Hành Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF (nếu có). Thông tin bao gồm Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục này. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi Chứng Chỉ Quỹ;</p> <p>b) Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư được chuyển tới Thành Viên Lập Quỹ (trực tiếp hoặc thông qua các Đại Lý Phân Phối) theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và các hướng dẫn tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt. Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ không thể tiếp nhận được lệnh từ Nhà Đầu Tư do Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ</p>	<p>2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:</p> <p>a) Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi lấy một (01) Lô Chứng Chỉ Quỹ và số tiền phải nộp tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và Giá Phát Hành Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF (nếu có). Thông tin bao gồm các mã Chứng Khoán Cơ Cấu Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục này. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi Chứng Chỉ Quỹ;</p> <p>b) Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư được chuyển tới Thành Viên Lập Quỹ (trực tiếp hoặc thông qua các Đại Lý Phân Phối) theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và các hướng dẫn tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt. Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ không thể tiếp nhận được lệnh từ Nhà Đầu Tư do Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ</p>	<p>Điều 21 Thông tư 136/2025/TT-BTC và cập nhật theo tình hình thực tế</p>

thông tin hoặc các nguyên nhân bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai,... thì lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư được chuyển thẳng tới Công Ty Quản Lý Quỹ (nếu có) hoặc tới Ngân Hàng Giám Sát;

....

c) Trong vòng ba (03) ngày làm việc, kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ tiếp theo, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn tất việc chuyển Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu từ tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký Chứng Chỉ Quỹ vào tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ; tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại Khoản 3 Điều này; Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư;

d) Trong hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi (nhưng không quá thời điểm phân bổ kết quả giao dịch), nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát,

thông tin hoặc các nguyên nhân bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai,... thì lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư được chuyển thẳng tới Công Ty Quản Lý Quỹ (nếu có) hoặc tới Ngân Hàng Giám Sát;

.....

c) Trong vòng thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ tiếp theo, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn tất việc chuyển Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu từ tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký Chứng Chỉ Quỹ vào tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ; tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại Khoản 3 Điều này; Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi, ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này theo yêu cầu hợp pháp của công ty quản lý quỹ.

d) Trước thời điểm đóng sổ lệnh, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ phải thông báo cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo



		<p>Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối, thành viên lập Quỹ chịu trách nhiệm trước Nhà Đầu Tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện;</p>	<p><u>quy trình, hướng dẫn của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện;</u></p> <p>Trong hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi (nhưng không quá thời điểm phân bổ kết quả giao dịch), nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối, thành viên lập Quỹ chịu trách nhiệm trước Nhà Đầu Tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện;</p>	
14		<p>3. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư trừ trường hợp:</p> <p>.....</p> <p>b. Khi hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, giá trị các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF mà Công Ty Quản Lý Quỹ tiếp nhận từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư nhiều hơn giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Phần chênh lệch này được Công Ty Quản Lý Quỹ thanh toán bằng tiền vào các tài khoản của</p>	<p>3. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư trừ trường hợp:</p> <p>....</p> <p>b. Khi hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, giá trị các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF mà Công Ty Quản Lý Quỹ tiếp nhận từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư nhiều hơn giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Phần chênh lệch này được Công Ty Quản Lý Quỹ, <u>Ngân Hàng Giám Sát hoán trả lại bằng các Chứng Chỉ Quỹ thanh toán bằng tiền</u> vào các tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành</p>	<p>Điều 21 Thông tư 136/2025/TT- BTC</p>

		<p>Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ theo quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.</p>	<p>Viên Lập Quỹ theo quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.</p> <p><u>Trường hợp Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ ETF phát sinh quyền nhân cổ tức bằng cổ phiếu và Quỹ ETF đã có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập nhưng tại ngày thanh toán giao dịch hoán đổi, số lượng chứng khoán phát sinh từ quyền chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF, Quỹ ETF phải sử dụng hết số lượng chứng khoán cơ cấu đã có trên tài khoản lưu ký của quỹ để hoàn trả cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư. Quỹ ETF được hoàn trả bằng tiền thay thế cho số lượng chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền nhưng chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của quỹ. Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ. Sở giao dịch chứng khoán về danh mục chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền được thanh toán bằng tiền. Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, số tiền được thanh toán cho một Chứng Khoán Cơ Cấu. Danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.</u></p>	
15	<p>Điều 19. Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá</p>	<p>4. Việc tăng các mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau</p>	<p>4. Việc tăng các mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi</p>	<p>Điều Thông 21 tư</p>

	Dịch Vụ Mua Lại	khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ sau khi tăng sớm nhất là sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty.	tăng không vượt quá mức giá dịch vụ tối đa quy định tại Điều lệ này giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ sau khi mới tăng sớm nhất là sau <u>ba</u> sáu <u>sáu mươi (60 30)</u> ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty.	136/2025/TT-BTC
16		5. Trường hợp giảm mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư so với quy định tại Điều Lệ này, thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới sớm nhất là kể từ ngày Ban Cáo Bạch công bố về mức giá dịch vụ mới, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm cập nhật mức giá dịch vụ mới này vào Điều Lệ Quỹ tại kỳ họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên gần nhất.	5. Trường hợp giảm mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư so với quy định tại Điều Lệ này, thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới sớm nhất là kể từ ngày Ban Cáo Bạch công bố về mức giá dịch vụ mới, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm cập nhật mức giá dịch vụ mới này vào Điều Lệ Quỹ tại kỳ họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên gần nhất.	Sửa đổi do Thông tư 136 cho phép Công ty quản lý quỹ quy định tổ chức Đại hội nhà đầu tư linh hoạt
17	Điều 23. Đại Hội Nhà Đầu Tư	4. Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại Diện Quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN.	4. Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại Diện Quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN. <u>Thông báo mời họp Đại hội Nhà đầu tư, chương trình họp, tài liệu họp và phiếu lấy ý kiến (nếu có) được Công Ty Quản Lý Quỹ gửi đến Nhà đầu tư theo các phương thức phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này, bao gồm gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, thư điện tử hoặc phương thức điện tử khác tới địa chỉ liên hệ, số fax, địa chỉ thư điện tử hoặc thông tin liên hệ khác do Nhà đầu tư đã đăng</u>	Sửa đổi để cập nhật theo tình hình thực tế

			<p>ký với Quỹ hoặc được cập nhật tại Sổ đăng ký Nhà đầu tư.</p> <p><u>Trường hợp thông báo mời họp, chương trình họp, tài liệu họp và phiếu lấy ý kiến (nếu có) được gửi tới đúng địa chỉ thư điện tử hoặc thông tin liên hệ khác do Nhà đầu tư đã đăng ký, việc gửi đó được coi là đã thực hiện hợp lệ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</u></p>	
18	Điều 25. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại Hội Nhà Đầu Tư	<p>1. Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định tại Điều Lệ này.</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (<u>gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác</u>) có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định tại Điều Lệ này.</p>	Điều 6 Thông tư 136/2025/TT-BTC
19	Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ	<p>3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ hoặc đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.</p>	<p>3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ hoặc đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.</p>	Sửa đổi để cập nhật theo tình hình thực tế
20	Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ	<p>4. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền, Ban Đại Diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại Điểm b, c, d, e, f, g, h Khoản 2 Điều 23 Điều Lệ này.</p>	<p>4. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền, Ban Đại Diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại Điểm b, c, d, e, f, g, h Khoản 2 Điều 23 Điều Lệ này.</p>	Bãi bỏ theo quy định tại Điều 28.1 Thông tư 136/2025/TT-BTC

21		8. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.	8.7 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ <u>và theo quy định của pháp luật.</u>	Bổ sung làm rõ phạm vi áp dụng
22	Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ	1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền sau: h) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ;	1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền sau: h) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ;	Sửa đổi do Thông tư 136 cho phép Công ty quản lý quỹ quy định tổ chức Đại hội nhà đầu tư linh hoạt
23	Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát	2. Ngân Hàng Giám Sát có quyền: c) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ.	2. Ngân Hàng Giám Sát có quyền: c) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại Hội Nhà Đầu Tư và của Ban Đại Diện Quỹ.	Sửa đổi do Thông tư 136 cho phép Công ty quản lý quỹ quy định tổ chức Đại hội nhà đầu tư linh hoạt
24	Điều 51. Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ	2. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu Tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công Ty Quản Lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của đại lý	2. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu Tư. <u>Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành.</u> Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất	Điều 24 Thông tư 136/2025/TT-BTC

		phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại hợp đồng phân phối.	<u>của đại lý phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu Bảo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công Ty Quản Lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của đại lý phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại hợp đồng phân phối.</u>	
25	Điều 52. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối	6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.	6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này. <u>Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.</u>	Điều 24 Thông tư 136/2025/TT- BTC
26	Điều 53. Chấm dứt, Thay đổi, bổ sung đại lý phân phối, địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ	4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bổ sung địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ, đại lý phân phối phải thông báo với UBCKNN, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối.	4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bổ sung địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ, đại lý phân phối phải thông báo với UBCKNN, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối. <u>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi, bổ sung địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, thay đổi địa chỉ của địa điểm phân phối, thay đổi, bổ sung nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, đại lý phân phối</u>	Điều 24 Thông tư 136/2025/TT- BTC

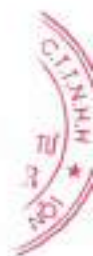
			<p><u>phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối. Đại lý phân phối phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán trước khi phân phối trên môi trường mạng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bổ sung địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ, đại lý phân phối phải thông báo với UBCKNN, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối.</u></p>	
27	<p>Điều 54: Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công Ty Kiểm Toán</p>	<p>Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất Công Ty Kiểm Toán để trình Đại Hội Nhà Đầu Tư lựa chọn. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ theo quy định tại Khoản 4 Điều 29 Điều Lệ này, Ban Đại Diện Quỹ thực hiện chọn Công Ty Kiểm Toán để tiến hành soát xét, kiểm toán cho Quỹ. Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:</p> <p>.....</p>	<p>Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất Công Ty Kiểm Toán để trình Đại Hội Nhà Đầu Tư lựa chọn. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ theo quy định tại Khoản 4 Điều 29 Điều Lệ này, Ban Đại Diện Quỹ thực hiện chọn Công Ty Kiểm Toán để tiến hành soát xét, kiểm toán cho Quỹ. Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:</p> <p>.....</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 28.1 Thông tư 136/2025/TT-BTC</p>
28	<p>Điều 61. Các loại giá dịch vụ, chi phí do Quỹ trả</p>	<p>2. Giá Dịch Vụ Giám Sát, Giá Dịch Vụ Lưu Ký</p> <p>a) Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát được trả cho Ngân Hàng Giám Sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ. Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.</p> <p>Giá Dịch Vụ Lưu Ký tối đa là: 0.06% NAV/năm.</p>	<p>2. Giá Dịch Vụ Giám Sát, Giá Dịch Vụ Lưu Ký</p> <p>a) Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát được trả cho Ngân Hàng Giám Sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ. Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng quy định tại <u>hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Ngân Hàng Giám Sát và Công Ty Quản Lý Quỹ, chi tiết tại Bản cáo bạch</u></p>	<p>Sửa đổi theo hướng phù hợp với hợp đồng ký với tổ chức cung cấp dịch vụ, hạn chế sửa đổi Điều lệ quỹ khi có thay đổi</p>



	<p>Giá Dịch Vụ Lưu Ký tối thiểu: 20.000.000 VND/tháng.</p> <p>Giá Dịch Vụ Giám Sát tối đa là: 0.02% NAV/năm.</p> <p>Giá Dịch Vụ Giám Sát tối thiểu: 5.000.000 VND/tháng.</p> <p>Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).</p> <p>Tổng số Giá Dịch Vụ Lưu Ký và Giám Sát tuân thủ theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Giá Dịch Vụ Lưu Ký tối đa là: 0.06% NAV/năm.</p> <p>Giá Dịch Vụ Lưu Ký tối thiểu: 20.000.000 VND/tháng.</p> <p>Giá Dịch Vụ Giám Sát tối đa là: 0.02% NAV/năm.</p> <p>Giá Dịch Vụ Giám Sát tối thiểu: 5.000.000 VND/tháng.</p> <p>Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).</p> <p>Tổng số Giá Dịch Vụ Lưu Ký và Giám Sát tuân thủ theo quy định của pháp luật.</p>	
29	<p>3. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ</p> <p>a) Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ cho Quỹ. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ ETF được tính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ ETF tối đa là: 0.03% NAV/năm - Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ tối thiểu: 15.000.000 VND/tháng <p>Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).</p>	<p>3. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ</p> <p>a) Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ cho Quỹ. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ ETF được <u>quy định tại hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Ngân Hàng Giám Sát và Công Ty Quản Lý Quỹ</u>, chi tiết tại Bản cáo bạch tính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> —— Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ ETF tối đa là: 0.03% NAV/năm —— Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ tối thiểu: 15.000.000 VND/tháng <p>Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).</p>	Sửa đổi theo hướng phù hợp với hợp đồng ký với tổ chức cung cấp dịch vụ, hạn chế sửa đổi Điều lệ quỹ khi có thay đổi
30	<p>4. Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng</p> <p>....</p> <p>b) Mức Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng: 5.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm</p>	<p>4. Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng</p> <p>.....</p> <p>b) Mức Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng: 5.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị</p>	Sửa đổi theo hướng phù hợp với hợp đồng ký với tổ chức cung cấp dịch vụ,

		thuế giá trị gia tăng (nếu có)). Mức giá chi tiết được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nhượng.	gia tăng (nếu có)). Mức giá chi tiết được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nhượng và được nêu cụ thể tại Bản Cáo Bạch.	hạn chế sửa đổi Điều lệ quỹ khi có thay đổi
31		<p>5. Giá dịch vụ sử dụng Chi Số Tham Chiếu trả cho tổ chức quản lý và vận hành chi số</p> <p>a) Giá dịch vụ sử dụng Chi Số Tham Chiếu được trả cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán cho dịch vụ quản lý và vận hành Chi Số Tham Chiếu. Giá dịch vụ sử dụng Chi Số Tham Chiếu tối đa là 0.05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000 VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có))</p>	<p>5. Giá dịch vụ sử dụng Chi Số Tham Chiếu trả cho tổ chức quản lý và vận hành chi số</p> <p>a) Giá dịch vụ sử dụng Chi Số Tham Chiếu được trả cho Sở Giao Dịch Chứng Khoán cho dịch vụ quản lý và vận hành Chi Số Tham Chiếu. Giá dịch vụ sử dụng Chi Số Tham Chiếu được quy định tại hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Tổ chức quản lý và vận hành Chi Số Tham Chiếu và Công Ty Quản Lý Quỹ, chi tiết tại Bản cáo bạch tối đa là 0.05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000 VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có))</p>	Sửa đổi theo hướng phù hợp với hợp đồng ký với tổ chức cung cấp dịch vụ, hạn chế sửa đổi Điều lệ quỹ khi có thay đổi
32		<p>6. Giá dịch vụ tính toán các thông tin của Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV), iINDEX, mức sai lệch so với Chi Số Tham Chiếu (TE)</p> <p>a) Giá dịch vụ nêu tại khoản này tối đa là: 0,05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có))</p> <p>.....</p>	<p>6. Giá dịch vụ tính toán các thông tin của Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV), iINDEX, mức sai lệch so với Chi Số Tham Chiếu (TE)</p> <p>a) Giá dịch vụ nêu tại khoản này được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV), iINDEX, mức sai lệch so với Chi Số Tham Chiếu (TE), chi tiết trong Bản cáo bạch, tối đa là: 0,05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có))</p> <p>.....</p>	Sửa đổi theo hướng phù hợp với hợp đồng ký với tổ chức cung cấp dịch vụ, hạn chế sửa đổi Điều lệ quỹ khi có thay đổi

33	Phụ lục 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	Công Ty Quản Lý Quỹ: CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁNG I.P.A (IPAAM)	Công Ty Quản Lý Quỹ: CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁNG I.P.A (IPAAM) <u>CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER (IPA PARTNER)</u>	Thay đổi tên công ty mới
34		Ngân Hàng Giám Sát: NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2019.	Ngân Hàng Giám Sát: NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2019 <u>17</u> ngày <u>02/01/2024</u> .	Cập nhật thay đổi giấy phép của Ngân hàng giám sát
35	Phụ lục 3: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	Công Ty Quản Lý Quỹ: CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁNG I.P.A (IPAAM)	Công Ty Quản Lý Quỹ: CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁNG I.P.A (IPAAM) <u>CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER (IPA PARTNER)</u>	Thay đổi tên công ty mới
36			Sửa đổi các lỗi chính tả, viết hoa, viết thường, viết bằng chữ, bằng số tại các điều khoản cho thống nhất	





IPA PARTNER FUND MANAGEMENT LIMITED COMPANY

CHARTER OF IPAAM VN100 ETF

Month *04* /2026

TABLE OF CONTENTS

I. LEGAL BASIS.....	4
II. DEFINITIONS	5
Chapter I: GENERAL PROVISIONS.....	11
<i>Article 1. Name and contact address.....</i>	<i>11</i>
<i>Article 2. Operating duration of the Fund.....</i>	<i>11</i>
<i>Article 3. Organizational principles of the Fund.....</i>	<i>11</i>
<i>Article 4. Total capital raised and number of ETF Fund Certificate Lots offered</i>	<i>11</i>
<i>Article 5. Designation of the representative for capital raising and offering of Fund Certificates</i>	<i>12</i>
<i>Article 6. Fund Management Company.....</i>	<i>12</i>
<i>Article 7. Supervisory Bank.....</i>	<i>12</i>
Chapter II: PROVISIONS ON INVESTMENT OBJECTIVES, POLICY AND RESTRICTIONS.....	13
<i>Article 8. Investment objective</i>	<i>13</i>
<i>Article 9. Investment strategy.....</i>	<i>13</i>
<i>Article 10. Investment restrictions.....</i>	<i>14</i>
<i>Article 11. Restrictions on borrowing, lending, repurchase transactions and margin transactions.....</i>	<i>16</i>
<i>Article 12. Investment selection method</i>	<i>16</i>
Chapter III: INVESTORS, REGISTER OF INVESTORS AND TRANSACTIONS IN ETF FUND CERTIFICATES.....	17
<i>Article 13. Investors.....</i>	<i>17</i>
<i>Article 14. Rights and obligations of Investors.....</i>	<i>17</i>
<i>Article 15. Conditions for Investors to participate in Creation/Redemption transactions</i>	<i>19</i>
<i>Article 16. Register of Investors.....</i>	<i>19</i>
<i>Article 17. Creation/Redemption transactions.....</i>	<i>20</i>
<i>Article 18. Partial redemption and suspension of trading in ETF Fund Certificates.....</i>	<i>28</i>
<i>Article 19. Creation Fee and Redemption Fee</i>	<i>29</i>
<i>Article 20. Issue Price and Redemption Price</i>	<i>30</i>
<i>Article 21. Trading in ETF Fund Certificates on the Stock Exchange.....</i>	<i>30</i>
<i>Article 22. Non-commercial transfers.....</i>	<i>31</i>
Chapter IV: INVESTORS' GENERAL MEETING	31
<i>Article 23. Investors' General Meeting</i>	<i>31</i>
<i>Article 24. Extraordinary Investors' General Meeting.....</i>	<i>32</i>

<i>Article 25. Conditions, procedures for holding meetings and passing resolutions of the Investors' General Meeting</i>	33
<i>Article 26. Dissenting from resolutions of the Investors' General Meeting</i>	34
Chapter V: FUND REPRESENTATIVE BOARD	35
<i>Article 27. Fund Representative Board</i>	35
<i>Article 28. Term of office and selection criteria for members of the Fund Representative Board</i>	36
<i>Article 29. Rights and obligations of the Fund Representative Board</i>	36
<i>Article 30. Chairperson of the Fund Representative Board</i>	37
<i>Article 31. Dismissal, removal and additional appointment of members of the Fund Representative Board</i>	37
<i>Article 32. Operating procedures of the Fund Representative Board</i>	38
<i>Article 33. Meetings of the Fund Representative Board</i>	38
<i>Article 34. Minutes of meetings of the Fund Representative Board</i>	39
Chapter VI: FUND MANAGEMENT COMPANY	39
<i>Article 35. Selection criteria for the Fund Management Company</i>	39
<i>Article 36. Rights and obligations of the Fund Management Company</i>	39
<i>Article 37. Termination of the rights and obligations of the Fund Management Company in respect of the Fund</i>	41
<i>Article 38. Restrictions on the activities of the Fund Management Company</i>	42
Chapter VII: SUPERVISORY BANK	43
<i>Article 39. Selection criteria for the Supervisory Bank</i>	43
<i>Article 40. Rights and obligations of the Supervisory Bank</i>	44
<i>Article 41. Supervisory activities of the Supervisory Bank</i>	45
<i>Article 42. Termination of rights and obligations of the Supervisory Bank</i>	47
Chapter VIII: RELATED SERVICE PROVIDERS	47
<i>Article 43. Delegated activities</i>	47
<i>Article 44. Selection criteria for related service providers</i>	48
<i>Article 45. Responsibilities of related service providers</i>	48
<i>Article 46. Responsibilities of the Fund Management Company in respect of delegated activities</i>	49
<i>Article 47. Termination of delegated activities</i>	51
Chapter IX: AUTHORIZED PARTICIPANTS AND MARKET MAKERS	51
<i>Article 48. Conditions for selection of an Authorized Participant</i>	51
<i>Article 49. Rights and responsibilities of an Authorized Participant</i>	52
<i>Article 50. Market Makers</i>	53
Chapter X: DISTRIBUTION AGENTS	53

<i>Article 51. Fund Certificate Distribution Agents</i>	53
<i>Article 52. Operations of Distribution Agents</i>	54
<i>Article 53. Termination, change or addition of distribution agents or Fund Certificate distribution locations</i>	54
Chapter XI: AUDIT, ACCOUNTING AND REPORTING REGIME	56
<i>Article 54. Criteria for selection and replacement of the Audit Firm</i>	56
<i>Article 55. Fiscal Year</i>	56
<i>Article 56. Accounting regime</i>	56
Chapter XII: METHODS FOR DETERMINING THE NET ASSET VALUE OF THE FUND	57
<i>Article 57. Determination of the Net Asset Value of the Fund</i>	57
<i>Article 58. Principles and criteria for selection and replacement of price-quoting organizations</i>	58
<i>Article 59. Methods for determining the Net Asset Value of the Fund</i>	58
<i>Article 60. Indemnification of Investors and the Fund</i>	59
Chapter XIII: SERVICE PRICES, INCOME AND OPERATING EXPENSES OF THE FUND	60
<i>Article 61. Types of service prices and expenses payable by the Fund</i>	60
<i>Article 62. Income of the Fund</i>	64
<i>Article 63. Operating expenses of the Fund</i>	64
<i>Article 64. Distribution of profit of the Fund</i>	65
Chapter XIV: RESTRUCTURING AND DISSOLUTION OF THE FUND	66
<i>Article 65. Consolidation and merger of the Fund</i>	66
<i>Article 66. Dissolution of the Fund</i>	68
Chapter XV: RESOLUTION OF CONFLICTS OF INTEREST	70
<i>Article 67. Control of conflicts of interest between the Fund and other funds, entrusted-investment clients of the Fund Management Company, and between the Fund and the Fund Management Company</i>	70
Chapter XVI: INFORMATION DISCLOSURE AND AMENDMENT OF THE CHARTER	71
<i>Article 68. Information disclosure</i>	71
<i>Article 69. Amendment and supplementation of the Charter</i>	71
<i>Article 70. Registration of the Charter</i>	72
<i>Article 71. Implementation provisions</i>	72
APPENDIX 02: COMMITMENTS OF THE SUPERVISORY BANK	75
APPENDIX 03: COMMITMENTS OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY AND THE SUPERVISORY BANK	76

FUND CHARTER

I. LEGAL BASIS

1. Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 17/06/2020;
2. Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 26/11/2019, as amended and supplemented by Law No. 56/2024/QH15 dated 29/11/2024 (hereinafter referred to as the "Securities Law");
3. Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31/12/2020 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Securities Law, as amended and supplemented by Decree No. 245/2025/ND-CP dated 11/09/2025;
4. Decree No. 158/2020/ND-CP dated 31/12/2020 of the Government on Derivative Securities and the Derivative Securities Market, as amended and supplemented by Decree No. 306/2025/ND-CP dated 09/01/2026;
5. Circular No. 98/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of the Ministry of Finance guiding the operation and management of securities investment funds, as amended and supplemented by Circular No. 136/2025/TT-BTC dated 29/12/2025;
6. Circular No. 99/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of the Ministry of Finance guiding the operation of Securities Investment Fund Management Companies, as amended and supplemented by Circular No. 136/2025/TT-BTC dated 29/12/2025; Circular No. 88/2025/TT-BTC dated 03/09/2025;
7. Circular No. 125/2011/TT-BTC dated 05/9/2011 of the Ministry of Finance guiding accounting applicable to Fund Management Companies;
8. Circular No. 198/2012/TT-BTC dated 15/11/2012 of the Ministry of Finance on the accounting regime applicable to open-ended funds;
9. Circular No. 51/2021/TT-BTC dated 30/06/2021 of the Ministry of Finance guiding the obligations of organizations and individuals in foreign investment activities on the Vietnamese securities market;
10. Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on the securities market, as amended and supplemented by Circular No. 68/2024/TT-BTC dated 18/09/2024;
11. Circular No. 83/2024/TT-BTC dated 26/11/2024 of the Ministry of Finance guiding the mechanism and policies on service prices in the securities sector priced by the State and applied at the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries, and the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation;
12. Circular No. 25/2022/TT-BTC dated 28/04/2022 of the Ministry of Finance providing for the rates, collection, remittance, management and use of fees and charges in the securities sector;

13. Circular No. 181/2015/TT-BTC dated 27/12/2018 of the Ministry of Finance on the accounting regime applicable to Exchange-Traded Funds;
14. Other relevant legal documents.

II. DEFINITIONS

Unless the context otherwise requires, the following words and phrases shall have the meanings ascribed to them below:

"Exchange-Traded Fund"/ "ETF Fund"/ "Fund"	Means IPAAM VN100 ETF Fund, a type of open-ended fund formed through the receipt and exchange of the Basket of Component Securities for Fund Certificates. Fund Certificates are listed and traded on the Ho Chi Minh City Stock Exchange.
"Fund Management Company" or "IPA PARTNER Fund Management Company"	Means IPA Partner Investment Fund Management Limited Company, established under Establishment and Operation License No. 30/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on 04 March 2008. IPA Partner Investment Fund Management Limited Company is entrusted with the management of IPAAM VN100 ETF Fund, with rights and obligations in accordance with the Fund Charter.
"Supervisory Bank"	Means Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam, established under Business Registration Certificate No. 0100112437 first issued by the Department of Planning and Investment of Hanoi on 02/6/2008, amended for the 17th time on 02/01/2024, and Securities Depository Operation Registration Certificate No. 14/GPHDLK issued by the State Securities Commission on 02/5/2003, Depository Member Certificate No. 18/GCNTVLK issued by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation on 07/07/2006, providing services including (1) safekeeping and depository of securities, documents certifying lawful ownership of the Fund's assets; economic contracts and documents related to the Fund's assets, and supervising the Fund's activities; (2) performing the function of supervising the entire management of the Fund's assets carried out by the Fund Management Company.

"Audit Firm"		Means the independent audit firm for the ETF Fund, included in the list of audit firms approved by the State Securities Commission, which performs the annual audit of the ETF Fund's assets. The Audit Firm shall be decided annually by the Investors' General Meeting (or the Fund Representative Board as authorized by the Investors' General Meeting) in accordance with the Fund Charter and relevant laws.
"Fund Charter"		Includes the Fund Charter and its attached Appendices and any lawful amendments and supplements (if any).
"Prospectus"		Means this document or electronic data that publicly discloses accurate, truthful and objective information relating to the offering and listing of the Fund Certificates of the Fund.
"Supervision Contract"		Means the contract signed between the Fund Management Company and the Supervisory Bank, approved by the Investors' General Meeting of the Fund.
"Investor"		Means domestic and foreign individuals and organizations holding Fund Certificates.
"Investors' Meeting"	General	Means the meeting of Investors with voting rights held to pass important matters relating to the ETF Fund. The Investors' General Meeting is the highest governing body of the ETF Fund.
"Fund Board"	Representative	Means the persons representing the Investors, elected by the Investors' General Meeting to act on behalf of the Investors in supervising the activities of the ETF Fund, the Fund Management Company and the Supervisory Bank.
"Charter Capital"		Means the Net Asset Value of the ETF Fund at the closing time of the initial public offering, as recorded in the Fund Charter.
"Fund Certificate"/ "ETF Fund Certificate"		Means a type of security certifying the Investor's ownership of a portion of the capital contributed to the ETF Fund. The par value of a Fund Certificate is VND 10,000.

"Fund Certificate Lot"/ "ETF Lot"	One lot of ETF Fund Certificates consists of one hundred thousand (100,000) Fund Certificates. The ETF Lot is the trading unit used in transactions under the portfolio swap mechanism between the ETF Fund and Authorized Participants and Investors.
"Creation Fee"	Means the service price which Investors and Authorized Participants must pay to the Fund Management Company to cover the costs of issuing Fund Certificates during the initial public offering or the swap of the Basket of Component Securities for Fund Certificate Lots.
"Redemption Fee"	Means the service price which Authorized Participants and Investors must pay to the Fund Management Company when swapping Fund Certificate Lots for the Basket of Component Securities.
"Fund Dividend"	Means the remaining profits of the Fund after deducting valid expenses, which the Investors' General Meeting decides to distribute in proportion to the Investors' ownership.
"Fiscal Year"	<p>Calculated from the beginning of 01 January to the end of 31 December of the Gregorian calendar year. The first fiscal year of the ETF Fund shall be calculated from the beginning of the date on which the ETF Fund is granted the Fund Establishment Registration Certificate by the State Securities Commission to the end of 31 December of that year.</p> <p>If the period from the date of establishment of the ETF Fund to the end of 31 December of the same year is shorter than ninety (90) days, the first accounting period shall be calculated from the date of establishment of the ETF Fund to the end of 31 December of the following year.</p>
"Net Asset Value of the Fund/NAV"	Means the total market value of the assets in the portfolio minus the total liabilities of the Fund. The total liabilities of the Fund are the debts or payment obligations of the Fund as of the day preceding the Valuation Date.

"Indicative Net Asset Value per Fund Certificate (iNAV)"	Means the Net Asset Value per ETF Fund Certificate determined during a trading session.
"Valuation Date"	Means the date on which the Fund Management Company determines the Net Asset Value of the ETF Fund in accordance with applicable law.
"Dealing Day"	Means the Valuation Date on which the ETF Fund, through the Fund Management Company, issues and redeems ETF Fund Certificate Lots from Authorized Participants and Investors under the portfolio swap mechanism.
"Cut-off Time"	Means the latest time at which Distribution Agents and Authorized Participants receive Creation/Redemption Orders from Investors for execution on the Dealing Day. The Cut-off Time is stipulated in the Fund Charter, publicly disclosed in the Prospectus and the Summary Prospectus, and shall not be later than the market close on the Dealing Day of the Stock Exchange.
"Authorized Participant"/ "AP"	Means a securities company engaged in brokerage and proprietary trading, or a custodian bank, that has signed a Fund establishment contract for the ETF Fund with the Fund Management Company.
"Market Maker"	Means an Authorized Participant selected by the Fund Management Company to sign a market-making service contract for the ETF Fund.
"Distribution Agent"	Means securities companies engaged in securities brokerage that have been granted a Certificate of Registration for the distribution of public fund certificates, and have signed an ETF Fund Certificate distribution contract with the Fund Management Company and the Authorized Participants.
"Transfer Agent"	Means the Fund Management Company or a service provider authorized by the Fund Management Company to provide transfer agency services in accordance with the Fund Charter.

"Reference Index"	Means the VN100 Index, a market index comprising the constituent stocks of the VN30 and VNMidcap, established and managed by HOSE, in which (1) VN30 is an index built from the constituent stocks of VNAllshare (being all stocks listed on HOSE that meet the eligibility criteria to be included in HOSE's index set), comprising 30 companies with the highest market capitalization and liquidity meeting the conditions stipulated by HOSE, and (2) VNMidcap is an index built from the constituent stocks of VNAllshare, comprising 70 companies with market capitalization ranking after VN30 that meet the conditions stipulated by HOSE.
"Component Securities"	Means the underlying securities constituting the securities portfolio of the Reference Index.
"Basket of Component Securities"	Means a portfolio comprising the Basket of Securities, designed to replicate the performance of the Reference Index, and accepted by the Fund Management Company for exchange transactions for ETF Creation Units.
"Creation/Redemption Order"	Include creation orders in which Authorized Participants and Investors request the Fund to receive a Basket of Component Securities and issue Creation Units and redemption orders in which the Authorized Participants and Investors request the Fund to receive Creation Units in return for Basket of Component Securities.
"Electronic Voting (e-voting)"	Means the method enabling Investors to exercise their voting rights via the internet, through computers and mobile devices.
"SSC"	Means the State Securities Commission of Vietnam.
"Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation"/ "VSDC"	Means the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.

"Stock Exchange"	Means the Stock Exchange on which the Fund Certificates are listed.
"HOSE"	Means the Ho Chi Minh City Stock Exchange.
"HNX"	Means the Hanoi Stock Exchange.
Other definitions	Other definitions (if any) shall be understood as provided in the Law on Securities and other relevant legal documents.

Chapter I: GENERAL PROVISIONS

Article 1. Name and contact address

- Fund name: IPAAM VN100 ETF
- Abbreviated name: IPAAM VN100
- Contact address: IPA Partner Investment Fund Management Limited Company
- + Head office: No. 1 Nguyen Thuong Hien Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam
- + Telephone: (+84) 24 7305 6188 Fax:

Article 2. Operating duration of the Fund

The operating duration of the Fund is calculated from the date the Fund is granted the Fund Establishment Registration Certificate and is of unlimited duration.

Article 3. Organizational principles of the Fund

IPAAM VN100 ETF Fund is a public open-ended fund, formed through the receipt and swap of the Basket of Component Securities for Fund Certificates in accordance with the laws of Vietnam; the Fund Certificates are listed and traded on the Stock Exchange.

Article 4. Total capital raised and number of ETF Fund Certificate Lots offered

1. The total capital of the Fund is formed from contributions of Authorized Participants and Investors. The Charter Capital raised in the initial public offering of the Fund shall be at least VND 50,000,000,000 (fifty billion Vietnamese Dong), corresponding to fifty (50) Fund Certificate Lots.
2. The par value of each Fund Certificate is VND 10,000 (ten thousand) dong.
3. In the initial offering, each Investor shall subscribe for at least one (01) Fund Certificate Lot, and each Authorized Participant shall subscribe for Fund Certificate Lots as agreed between the Authorized Participant and the Fund Management Company, but in any event not less than one (01) Fund Certificate Lot.
4. The participation in capital contribution for the establishment of the Fund by Authorized Participants and Investors shall be made by means of the Basket of Component Securities, except for the cases specified in clause 5 of this Article. The Basket of Component Securities and the number of Fund Certificate Lots distributed to Authorized Participants and Investors shall be determined on the basis of the Reference Index on the last trading day of the offering period.
5. Capital contribution for the establishment of the Fund in cash shall arise in the following cases:
 - a) Differences arise between the value of the Basket of Component Securities and the issue price of the Fund Certificate Lots; and

- b) Securities included in the Basket of Component Securities in respect of which the Authorized Participant is restricted from investing under the law, or for which the Authorized Participant has not yet carried out the procedures for trading treasury shares in accordance with relevant laws.
- c) The Investor/Authorized Participant is a foreign Investor and therefore cannot purchase securities in the Basket of Component Securities that have reached the maximum foreign ownership ratio for capital contribution purposes.
- d) Where securities in the Basket of Component Securities contributed as capital are the subject of a corporate event (bonus shares, stock dividends, cash dividends, subscription rights) during the process of transferring ownership to the Fund.

The payment form and method of cash capital contribution by Investors and Authorized Participants as mentioned above shall be set out in detail in the Prospectus.

- 6. The order, procedures, conditions, registration and capital contribution for the establishment of the Fund shall be set out in detail in the Prospectus.

The entire Basket of Component Securities of Authorized Participants and Investors shall be blocked at VSDC. Immediately after the Fund Establishment Registration Certificate takes effect, these assets shall be deposited in the Fund's depository account opened at the Supervisory Bank.

Article 5. Designation of the representative for capital raising and offering of Fund Certificates

The legal representative of the Fund Management Company is designated as the representative for capital raising and for the public offering of Fund Certificates.

Article 6. Fund Management Company

- Fund Management Company: IPA Partner Investment Fund Management Limited Company
- Establishment and Operation License No.: 30/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on 04 March 2008
- Head office: No. 1 Nguyen Thuong Hien Street, Hai Ba Trung Ward, Hanoi, Vietnam
- Telephone: (+84) 24 7305 6188 Fax:

Article 7. Supervisory Bank

- Supervisory Bank: Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam
- Enterprise Registration Certificate No. 0100112437 first issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on 02 June 2008, most recently amended for the 17th time on 02 January 2024.

- Securities Depository Operation Registration Certificate No. 14/GPHDLK issued by the SSC on 02/5/2003; Depository Member Certificate No. 18/GCNTVLK issued by VSD on 07/07/2006.
- Head office: 198 Tran Quang Khai Street, Hoan Kiem Ward, Hanoi, Vietnam.
- Telephone: (+84) 24 3934 3137 Fax: (+84) 24 3826 5548

Chapter II: PROVISIONS ON INVESTMENT OBJECTIVES, POLICY AND RESTRICTIONS

Article 8. Investment objective

The investment objective of the Fund is to replicate the movements of the Reference Index, net of the Fund's expenses. The Reference Index is the VN100 Index established and managed by HOSE, as described in detail in the Prospectus.

The Fund Management Company shall be responsible for ensuring that the tracking error relative to the Reference Index does not exceed the maximum tracking error stipulated by HOSE.

Article 9. Investment strategy

1. Investment strategy

The Fund applies a passive investment strategy with the objective of closely tracking the actual return of the Reference Index. The Fund's investment portfolio must correspond to the portfolio of the Reference Index in terms of structure and asset weights in accordance with applicable laws.

The Fund shall flexibly allocate investment assets depending on market conditions and investment opportunities at each point in time, based on the assessment of the Fund Management Company, with the aim of protecting Investors' interests and ensuring that the investment allocation does not exceed the investment restrictions set out in this Charter, the Prospectus and applicable laws.

2. Investment sectors and industries: The Fund is permitted to invest in sectors and industries not prohibited by law and consistent with the Fund's investment strategy.
3. Investment portfolio of the ETF Fund
 - a) The Investment Portfolio of the ETF Fund must correspond to the portfolio of the Reference Index in terms of structure and asset weights, comprising at least 50% of the underlying securities constituting the Reference Index (the securities portfolio of the Reference Index),

and the value of the Basket of Component Securities shall not be less than 95% of the value of the corresponding securities portfolio of the Reference Index. The Investment Portfolio shall have a tracking error relative to the Reference Index not exceeding the maximum tracking error stipulated by the Stock Exchange and applicable laws.

- b) The Investment Portfolio of the ETF Fund comprises the Component Securities in the portfolio of the Reference Index and the following financial assets in Vietnam:
 - i. Deposits at commercial banks in accordance with banking laws;
 - ii. Money market instruments, including valuable papers and negotiable instruments in accordance with applicable laws;
 - iii. Government debt instruments, Government-guaranteed bonds, and local government bonds;
 - iv. Listed shares, registered-for-trading shares, bonds listed on the Stock Exchange, public fund certificates, shares offered to the public, and bonds offered to the public;
 - v. Derivative securities listed and traded on the Stock Exchange. Investment in derivative securities shall be solely for the purpose of hedging risks on underlying securities held by the Fund and minimizing the tracking error relative to the Reference Index;
 - vi. Rights arising in connection with securities held by the Fund.

The Fund Management Company may only place deposits with, and invest in money market instruments stipulated at items i and ii of Point b, Clause 3 of this Article issued by, credit institutions approved by the Fund Representative Board.

Article 10. Investment restrictions

- 1. The structure of the Fund's Investment Portfolio must be consistent with the investment objectives and strategy set out in Article 9 of this Charter and in the Prospectus.
- 2. The structure of the ETF Fund's Investment Portfolio must ensure that:
 - a) No investment is made in the securities of a single issuer exceeding 10% of the total value of the outstanding securities of that issuer, except for Government debt instruments;
 - b) No more than 20% of the Fund's total asset value is invested in outstanding securities and assets (if any) specified at items i and ii of Point b, Clause 3 of Article 9 of this Charter of a single issuer, except for Government debt instruments;
 - c) Except for Component Securities included in the Reference Index Portfolio, no more than 30% of the Fund's total asset value is invested in the assets specified at items i, ii, iv and v of Point b, Clause 3 of Article 9 of this Charter, issued by companies within the same group of companies having ownership relationships in the following cases: parent company and subsidiary; companies holding more than 35% of each other's shares or contributed capital; a group of subsidiaries having the same parent company.

- d) No investment is made in the Fund's own certificates;
 - e) Investment may only be made in fund certificates of other public funds and shares of other securities investment companies managed by other fund management companies, and the following restrictions shall be complied with:
 - No investment exceeding 10% of the total outstanding fund certificates of a public fund, or the outstanding shares of a public securities investment company;
 - No more than 20% of the Fund's total asset value is invested in the fund certificates of a single public fund or the shares of a single public securities investment company;
 - No more than 30% of the Fund's total asset value is invested in public fund certificates and shares of public securities investment companies;
 - f) No investment in real estate;
 - g) No investment in securities issued by the Fund Management Company, Related Persons of the Fund Management Company, or Authorized Participants, except where such securities are Component Securities included in the Reference Index Portfolio;
 - h) At all times, the total committed value under derivative securities contracts and the outstanding payables of the Fund shall not exceed the Net Asset Value of the Fund.
3. The ETF Fund's investment structure may exceed the investment restrictions specified at Points a, b, c and e of Clause 2 of this Article only due to the following reasons:
- a) Market price fluctuations of assets in the Fund's Investment Portfolio;
 - b) Performance of the Fund's payments in accordance with the law, including the execution of Investors' trading orders;
 - c) Division, separation, consolidation or merger activities of issuers;
 - d) The Fund is in the process of dissolution;
 - e) Changes in the structure of the securities portfolio of the Reference Index;
 - f) The Fund has newly been granted an establishment license and its operating period is not more than 03 months from the date of issuance of the Fund Establishment Registration Certificate.
4. Within three (03) months from the date on which the deviation arises due to the reasons stipulated at Points a, b, c and d of Clause 3 of this Article, the Fund Management Company shall notify the SSC and adjust the investment portfolio structure to comply with Clause 2 of this Article.

5. Where the deviation is caused by the Fund Management Company's failure to comply with the investment restrictions prescribed by law or the Fund Charter, the Investment Portfolio shall be readjusted within fifteen (15) days from the date the deviation is detected. The Fund Management Company shall compensate the Fund for any damages (if any) and bear all costs incurred in connection with the readjustment of the Investment Portfolio. Any profits arising shall be immediately accounted for in favor of the Fund.
6. Within five (05) days from the date of completion of the readjustment of the Investment Portfolio, the Fund Management Company shall disclose information in accordance with the law and shall simultaneously notify the SSC of the deviations in the Investment Portfolio structure, the causes, the time of occurrence or detection, the extent of damage and compensation to the Fund (if any) or profits generated for the Fund (if any), the remedial measures, the time of implementation and the remediation results.

Article 11. Restrictions on borrowing, lending, repurchase transactions and margin transactions

1. The Fund Management Company may not use the capital and assets of the Fund to lend or guarantee any loan.
2. The Fund Management Company may not borrow to finance the investment activities of the ETF Fund, except for short-term borrowings in accordance with banking laws to cover necessary expenses of the Fund or to settle Fund Certificate transactions with Investors. The total value of the Fund's short-term borrowings shall not exceed 5% of the Fund's Net Asset Value at any time, and the maximum borrowing period shall be 30 days.
3. The Fund Management Company may not use the Fund's assets to conduct margin transactions (borrowing to purchase securities) for the Fund or for any other individual or organization; nor may it use the Fund's assets to conduct short-selling or securities lending transactions.

Article 12. Investment selection method

The Fund Management Company shall select shares for the Fund's investment based on the following principles:

1. The Fund invests in the Basket of Component Securities comprising at least 50% of the underlying securities constituting the Reference Index (the securities portfolio of the Reference Index).
2. The value of the Fund's Basket of Component Securities shall normally not be less than 95% of the value of the corresponding securities portfolio of the Reference Index.
3. When the Reference Index changes at periodic or extraordinary review dates, the Fund shall

adjust its investment portfolio and the weights of the constituents in line with changes in the Reference Index.

Chapter III: INVESTORS, REGISTER OF INVESTORS AND TRANSACTIONS IN ETF FUND CERTIFICATES

Article 13. Investors

1. Investors of the Fund may be domestic or foreign organizations or individuals holding at least one (01) Fund Certificate. Investors shall have no legal liability or other obligations to the Fund beyond their responsibility to the extent of the Fund Certificates they hold.
2. Corporate Investors include domestic and foreign economic and social organizations lawfully established and operating. A corporate Investor shall appoint an authorized representative to represent the Fund Certificates it holds. The nomination, revocation or replacement of such representative shall be notified in writing and signed by the authorized representative of the corporate Investor.
3. State agencies and units of the people's armed forces of Vietnam may not contribute capital to the establishment of the Fund or purchase Fund Certificates. Capital contribution to the establishment of the Fund and the purchase of Fund Certificates by credit institutions, insurance enterprises, securities business organizations and single-member state-owned limited liability companies shall be carried out in accordance with relevant specialized laws.
4. Foreign Investors are not subject to any ownership ratio limit in the Fund.
5. The Fund Management Company and its Related Persons may contribute capital to the establishment of the Fund, purchase Fund Certificates, and trade Fund Certificates managed by the Company, at the same transaction prices applied to other Investors.

Article 14. Rights and obligations of Investors

1. Investors shall have the following rights and obligations:
 - a) The rights and obligations provided in Article 101 of the Law on Securities;
 - b) The right to equal treatment; each Fund Certificate shall confer upon its holder equal rights, obligations and interests;
 - c) The right to freely transfer Fund Certificates, except where transfer is restricted by law or by the Fund Charter;
 - d) The right to full access to periodic and extraordinary information on the Fund's activities;

- e) The right and responsibility to attend meetings of the Investors' General Meeting and exercise voting rights in person or through an authorized representative, or to vote remotely (by post, fax, email, online conference participation, electronic voting or other electronic forms);
 - f) The obligation to pay in full for Fund Certificate subscriptions within the time limits set out in the Fund Charter and the Prospectus, and to be liable for the debts and other property obligations of the Fund only to the extent of the amount paid for the Fund Certificates purchased;
 - g) Other rights and obligations as prescribed by securities laws and by this Charter.
2. An Investor or group of Investors holding 5% or more of the total outstanding Fund Certificates shall have the following rights:
- a) To inspect and make extracts from the minute books and resolutions of the Fund Representative Board, the annual financial statements and the reports of the Supervisory Bank relating to the Fund's activities;
 - b) To request the Fund Management Company to convene an extraordinary Investors' General Meeting in the following cases:
 - The Fund Management Company or the Supervisory Bank has violated the Investors' rights or the obligations of the Fund Management Company or Supervisory Bank, or has made decisions exceeding the authority stipulated in the Fund Charter, the supervision contract, or as assigned by the Investors' General Meeting, causing losses to the Fund;
 - The term of office of the Fund Representative Board has expired by more than 06 months without a replacement having been elected;
 - Other cases provided for in the Fund Charter;
 - c) To request the Fund Management Company and the Supervisory Bank to explain extraordinary matters relating to the Fund's assets and to the management and transaction of the Fund's assets. Within 15 days of receipt of the request, the Fund Management Company and the Supervisory Bank shall respond to the Investor;
 - d) To propose matters for inclusion in the agenda of the Investors' General Meeting. Such proposals shall be in writing and sent to the Fund Management Company at least 10 working days prior to the opening date;
 - e) Other rights and obligations as provided for in the Fund Charter.
3. An Investor or group of Investors holding 10% or more of the total outstanding Fund Certificates shall have the right to nominate candidates to the Fund Representative Board. The nomination procedures shall apply *mutatis mutandis* to those provided for under the Law on

Enterprises in respect of the nomination of Board of Directors candidates by a shareholder or group of shareholders holding 10% or more of the total ordinary shares.

4. Requests and proposals of an Investor or group of Investors pursuant to clauses 2 and 3 of this Article shall be made in writing and shall contain: the full name, contact address, personal identification number, passport number or other lawful personal identification; the full name, address of head office, nationality, enterprise registration certificate number or establishment decision number, in respect of a corporate Investor; the number of Fund Certificates held and the date of holding by each Investor, the total number of Fund Certificates of the group and the ownership ratio in the total outstanding Fund Certificates of the Fund; the contents of the request or proposal; and the basis and reasons. Where an extraordinary Investors' General Meeting is convened under Point b of Clause 2 of this Article, supporting documents evidencing the reasons for convening the meeting, or evidence of the violations by the Fund Management Company or Supervisory Bank, or of decisions exceeding authority under the Fund Charter or supervision contract, shall be attached.

Article 15. Conditions for Investors to participate in Creation/Redemption transactions

Investors participating in Creation/Redemption transactions shall satisfy the following conditions:

1. Hold sufficient Component Securities and cash meeting the weighting and quantity requirements notified by the Fund Management Company when executing a swap of Component Securities for a Fund Certificate Lot;
2. Hold at least one (01) ETF Fund Certificate Lot, equivalent to one hundred thousand (100,000) ETF Fund Certificates, when executing a swap of ETF Fund Certificates for Component Securities;
3. Investors may only execute Creation/Redemption transactions through an Authorized Participant with which the Investor has signed a service contract for Creation/Redemption transactions;
4. Creation/Redemption transactions shall be executed in accordance with relevant laws.

Article 16. Register of Investors

1. The Fund Management Company shall establish and maintain, or authorize a transfer agency service provider to establish and maintain, the master register of Investors (master register), or authorize a nominee agent to establish and maintain a sub-register of Investors (sub-register), and shall confirm Fund Certificate ownership to Investors.
2. The master register and sub-registers shall contain the following information:
 - a) The name and head-office address of the Fund Management Company; the name and head-office address of the Supervisory Bank; the full name of the Fund; and the listing code of the Fund;

- b) The total number of Fund Certificates eligible for offering, the total number of Fund Certificates sold, and the total capital raised for the Fund;
 - c) The list of Investors and Authorized Participants: full name, personal identification number, passport number or other lawful personal identification, contact address (for individuals); full name, abbreviated name, enterprise registration certificate number or establishment decision number, and head-office address (for organizations); securities depository account number (if any); Investor account number or sub-account number together with the nominee account number; number of Fund Certificates/ETF Fund Certificate Lots held; ownership ratio; subscription date and payment date; together with a confirmation from the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation regarding the detailed structured portfolio of each Authorized Participant and Investor being blocked for the purpose of contribution to the ETF Fund.
 - d) The date of establishment of the Register of Investors.
3. The Fund Management Company and the transfer agency service provider shall at all times maintain complete information on the holdings of each Investor, including Investors trading through nominee accounts. The information on Investors' assets on the master register shall constitute evidence confirming the Investors' ownership of the Fund Certificates.

Article 17. Creation/Redemption transactions

- 1. Creation/Redemption transactions applicable to Investors and Authorized Participants shall be carried out under the following principles:
 - a) They apply to Investors satisfying the conditions set out in Article 15 of the Fund Charter and the Prospectus, and to Authorized Participants;
 - b) Creation/Redemption transactions of Investors may only be executed through an Authorized Participant with which the Investor has opened a securities trading account and signed a service contract for Creation/Redemption transactions;
 - c) Frequency of Creation/Redemption transactions and Cut-off Time:
 - i. Creation/Redemption transactions shall be executed daily on working days from Monday to Friday (the "Dealing Day").
 - ii. Any increase in the frequency of Creation/Redemption transactions shall be publicly announced by the Fund Management Company, with the relevant amendments and supplements incorporated into the Prospectus, notified to the Supervisory Bank, and disclosed in accordance with the law. The Fund Management Company shall update such changes in the Fund Charter at the next Investors' General Meeting. Any decrease in the frequency of swap transactions shall be approved by the Investors' General Meeting, and the frequency shall at all times be no less than two (02) times per month.
 - iii. Order Book Closing Time: 14:40' on the Dealing Day.

- d) The minimum trading unit is one (01) Fund Certificate Lot. The Fund Management Company may adjust the number of Fund Certificates in one (01) Fund Certificate Lot, provided that a Fund Certificate Lot shall contain no fewer than one hundred thousand (100,000) Fund Certificates. In the event of such an adjustment, the earliest date on which the new Fund Certificate Lot size shall apply is fifteen (15) days from the date the information on the new Fund Certificate Lot size is disclosed on the websites of the Stock Exchange, the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, the Fund Management Company, the Authorized Participants and the Distribution Agents;
- e) Component Securities and ETF Fund Certificates in Creation/Redemption transactions shall satisfy the following conditions:
- i. Component Securities in Creation/Redemption transactions shall be included in the Basket of Component Securities for swap purposes as notified by the Fund Management Company;
 - ii. Component Securities and ETF Fund Certificates in Creation/Redemption transactions shall be freely transferable;
 - iii. Component Securities and ETF Fund Certificates in Creation/Redemption transactions shall be sourced as follows:
 - For Authorized Participants:
 - Component Securities and ETF Fund Certificates available in the depository account of the Authorized Participant on the Dealing Day;
 - Component Securities and ETF Fund Certificates pending settlement from buy orders matched prior to the Dealing Day;
 - Component Securities and ETF Fund Certificates borrowed through the securities borrowing and lending system of the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation for the purpose of executing Creation/Redemption transactions, held in the blocked securities account of the Authorized Participant.
 - For Investors:
 - Component Securities and ETF Fund Certificates available in the depository account of the Investor on the Dealing Day.
- f) Creation/Redemption Orders of Authorized Participants and Investors shall be transmitted to the Fund Management Company and retained in accordance with securities laws. Where the Distribution Agent, Authorized Participant or Fund Management Company receives orders via the internet, telephone, fax or other electronic means or transmission lines, it shall comply with regulations on electronic transactions and securities, and shall further ensure:
- i. Complete, accurate, timely and clear recording of the time of order receipt and the recipient of the order;
 - ii. Prior to execution, the Fund Management Company shall reconfirm with the Authorized Participant, and the Authorized Participant shall reconfirm with the Investor. The Authorized

Participant and Investor shall provide the Fund Management Company with the original order slip signed by an authorized representative for record-keeping. The time for delivery of the original order slip shall be stipulated by the Fund Management Company in the Fund establishment contract and the Prospectus;

- g) Creation/Redemption Orders may only be executed when at least the following conditions are satisfied:
 - i. They are transmitted by the Authorized Participant to the Fund Management Company and the Supervisory Bank before the Cut-off Time. Orders received after the Cut-off Time shall be executed on the next Dealing Day or cancelled, at the Investor's option as publicly disclosed in the Prospectus and the Summary Prospectus;
 - ii. They are confirmed by the Fund Management Company as eligible for execution after the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and the Supervisory Bank have ascertained that the Authorized Participant or Investor holds a sufficient Basket of Component Securities or number of Fund Certificate Lots to complete settlement on the settlement date. In the case of a sale of ETF Fund Certificates, the remaining quantity of ETF Fund Certificates held by the Authorized Participant after the sale shall not be lower than the minimum quantity (if any) required to maintain its status as an Authorized Participant under the contract signed with the Fund Management Company;
- h) Creation/Redemption transactions of the Basket of Component Securities for Fund Certificate Lots and vice versa shall be executed by way of book entries on the depository account system of the Authorized Participants, Investors and the ETF Fund at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation. The transfer of Component Securities and Fund Certificates in the settlement process shall follow the procedures set out in detail in the Prospectus and in accordance with the guidance of the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.
- i) The settlement of any cash differences arising in the course of Creation/Redemption transactions (if any) shall be set out in detail in the Prospectus.

2. Creation/Redemption transaction procedures:

- a) Prior to the swap trading session or at the end of the day immediately preceding the Dealing Day, the Fund Management Company shall notify the Authorized Participants and the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, and publish on its website and on the website of the Stock Exchange, the Basket of Component Securities to be swapped for one (01) Fund Certificate Lot. The information shall include the codes of the Component Securities, and the weights and quantities of each Structured Security in such portfolio. The above Basket of Component Securities shall be determined on the basis of the closing prices on the trading day immediately preceding the Dealing Day of the Fund Certificates;

- b) Creation/Redemption Orders of Investors shall be transmitted to the Authorized Participant (directly or through Distribution Agents) in accordance with the Fund Charter and the instructions in the Prospectus and the Summary Prospectus. Where the Authorized Participant is unable to receive orders from Investors due to the Distribution Agent or Authorized Participant being dissolved, bankrupt, having its establishment and operation license revoked, suspended or temporarily ceasing operations, or due to technical errors in the information technology system or force-majeure events such as fire or natural disaster, etc., the Investor's orders shall be transmitted directly to the Fund Management Company;
Creation/Redemption Orders of Investors and of Authorized Participants shall be transmitted by the Authorized Participant to the Fund Management Company or the Supervisory Bank in accordance with the Fund Charter and the Fund establishment contract. The Fund Management Company or Supervisory Bank shall then transmit the orders to the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation before market close in accordance with the guidance of the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation;
- c) Within three (03) working days from the Dealing Day, but no later than the next Fund Certificate trading day, the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and the Supervisory Bank shall complete the transfer of the Basket of Component Securities from the depository accounts of the Investors and Authorized Participants to the depository account of the ETF Fund or vice versa, and shall simultaneously register and deposit the Fund Certificates into the accounts of the Investors and Authorized Participants; receive or return the cash payments specified in Clause 3 of this Article; the Fund Management Company shall be responsible for confirming completion of the transaction and confirming ownership to the Authorized Participants and Investors;
Within 03 working days from the Dealing Day, the Supervisory Bank shall complete the return of cash payments to the Authorized Participants and Investors as specified in Clause 3 of this Article, upon the lawful request of the Fund Management Company.
- d) Prior to the Cut-off Time, if any error is discovered due to mistakes or inaccuracies in the course of placing orders, aggregating information, receiving, transmitting or entering orders into the system, the Distribution Agent or Authorized Participant shall notify the Fund Management Company, the Supervisory Bank and the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and request correction of the trading error in accordance with the procedures and guidance of the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation. Beyond the above time limit, the Distribution Agent and Authorized Participant shall be liable to Investors for any trading errors they have caused;
- e) After receiving orders from Investors and Authorized Participants, the Fund Management Company and Supervisory Bank shall verify (through the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation) the feasibility of executing the Investors' orders, ensuring compliance

with Point e of Clause 1 of this Article, and shall confirm and execute the Creation/Redemption Orders of Investors and Authorized Participants in accordance with the provisions of this Clause and the guidance of the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.

3. The Basket of Component Securities is the primary means of settlement in Creation/Redemption transactions between the Fund and the Authorized Participants and Investors, except in the following cases:
 - a) Where, in a swap of the Basket of Component Securities for Fund Certificate Lots, the value of the Basket of Component Securities is lower than the Net Asset Value of the Fund Certificate Lots. The resulting difference shall be paid in cash by the Authorized Participant or Investor into the account of the ETF Fund opened at the Supervisory Bank, as set out in detail in the Prospectus.
 - b) Where, in a swap of ETF Fund Certificate Lots for the Basket of Component Securities, the value of the ETF Fund Certificate Lots received by the Fund Management Company from the Authorized Participant or Investor exceeds the value of the Basket of Component Securities. Such difference shall be returned by the Fund Management Company and Supervisory Bank in the form of Fund Certificates to the accounts of the Investors and Authorized Participants, as set out in detail in the Prospectus.

Where the Component Securities of the ETF Fund give rise to a right to receive dividends in shares and the ETF Fund is recorded on the list of securities holders at the final registration date prepared by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation but, on the settlement date of the Creation/Redemption transaction, the securities arising from such rights have not been allocated to the depository account of the ETF Fund, the ETF Fund shall first utilize all Component Securities available in its depository account to deliver to the Authorized Participants and Investors. The ETF Fund may make a cash payment in lieu of the quantity of Component Securities arising from such rights that have not yet been allocated to the Fund's depository account. Prior to the swap trading session or at the end of the day immediately preceding the Dealing Day, the Fund Management Company shall notify the Authorized Participants and the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and disclose on the websites of the Fund Management Company and the Stock Exchange the list of Component Securities arising from such rights that will be settled in cash.

The information shall include the codes of the Component Securities and the amount payable for each Structured Security. The above list of Component Securities shall be determined on the basis of the closing prices on the trading day immediately preceding the Dealing Day of the Fund Certificates.

- c) Where the Basket of Component Securities contains Component Securities in respect of which the Authorized Participant/Investor is restricted from investing, or the Authorized Participant/Investor has not yet carried out the treasury-share trading procedures in accordance with relevant laws, or where a foreign Investor cannot purchase Component Securities because such securities have reached the maximum foreign ownership ratio, the Authorized Participant/Investor shall make an additional cash payment into the Fund's account, and vice versa, as set out in detail in the Prospectus.
 - d) Where securities in the Basket of Component Securities being swapped give rise to corporate events (cash dividends, stock dividends, bonus shares, rights to purchase newly issued shares and other arising rights (if any)) which the Fund is not entitled to record because ownership of the securities has not yet been transferred to the Fund during the period from completion of capital contribution to the date on which the contributed Component Securities are transferred to the ETF Fund's account, or during the execution of Creation/Redemption transactions, the Authorized Participant or Investor shall make an additional cash payment to the Fund in the manner and following the procedures set out in the Prospectus.
4. Where the ETF Fund receives Fund Certificate Lots from the Authorized Participants and Investors and returns the Basket of Component Securities to the Authorized Participants and Investors, and the ETF Fund does not hold a sufficient quantity of a particular Structured Security or does not hold a particular Structured Security to return to the Authorized Participants and Investors, the return of such Structured Security shall be made in accordance with the Prospectus.
5. Where the ETF Fund receives Fund Certificate Lots from the Authorized Participants and Investors and returns the Basket of Component Securities to the Authorized Participants and Investors, resulting in the ownership ratio of a Structured Security exceeding the maximum threshold prescribed by law (as calculated on the Dealing Day), or resulting in the Authorized Participant or Investor holding 25% or more of the outstanding shares of an organization, or the Authorized Participant or Investor holding shares issued by itself, the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation shall notify the Fund Management Company and require the Fund Management Company, the Authorized Participant and the Investor to take the following actions:
- a) If the Investor is a foreign Investor, the Fund Management Company shall sell the Component Securities in excess of the maximum ownership ratio and settle the proceeds to such Investor by wire transfer;
 - b) Where the swap of the Basket of Component Securities to the Authorized Participant or Investor results in that Authorized Participant or Investor holding 25% or more of the outstanding shares of an organization, or in the Authorized Participant or Investor holding

shares issued by itself, and where such Authorized Participant or Investor has not yet completed the public tender-offer or treasury-share trading procedures in accordance with relevant laws, the Fund Management Company shall sell the securities exceeding the ratio triggering mandatory public tender-offer, or sell all of the securities issued by such Authorized Participant or Investor, and settle the proceeds to such Authorized Participants or Investors;

The settlement of cash to the Authorized Participants and Investors under this Clause shall depend on the progress of the liquidation sale of the securities exceeding the maximum ownership ratios or the thresholds triggering mandatory public tender-offer, or margin-transaction ratios as prescribed. The payment to the Investor shall be the transaction value, net of taxes (if any) and transaction costs in accordance with relevant laws;

If any dividends or subscription rights arise during the period in which the Fund Management Company is selling the Component Securities in excess of the above-mentioned ratios, the Fund Management Company shall proceed as follows:

- i. For cash dividends: the Investor and Authorized Participant shall be paid in cash after the ETF Fund receives such dividends.
- ii. For stock dividends and bonus shares: the Fund Management Company shall make cash settlement after receiving the shares and successfully selling them.
- iii. For subscription rights: the Fund Management Company shall use the proceeds from the sale of the relevant securities (if already successfully sold) to exercise the subscription rights, provided that the exercise price is lower than the market price on the rights-entitlement registration date; after the shares acquired through the subscription rights are credited to the Fund's account, the Fund shall sell such shares and settle the proceeds to the Investor and Authorized Participant.
- iv. Settlements relating to the entitlement to such dividends or rights shall be executed within three (03) working days from the date on which the ETF Fund receives the cash or successfully sells the shares arising from such dividends or exercise of rights.
- v. The payment to the Investor shall be the transaction value, net of taxes and transaction costs in accordance with relevant laws;

The allocation of refunded amounts to Authorized Participants/Investors shall be made according to the following principles:

- i. Calculated on a first-in-first-out (FIFO) basis for securities sale transactions across different swap periods, and on a pro-rata basis for securities sale transactions within the same swap period.
- ii. The allocation ratio shall depend on the Fund's solvency as well as the proceeds received from the sale of securities through order-matching transactions.

- iii. Where the Fund has buy and sell orders for the same security in the portfolio on the same day, the buy order shall be executed before the sell order used to refund cash to the Authorized Participant and Investor.
- c) Where an Authorized Participant or Investor is restricted from ownership for other reasons prescribed by law or by its own charter, such Authorized Participant or Investor shall sell the Component Securities in excess of the ownership limit on the trading day following the settlement date. For the period during which the ownership ratio has not yet been adjusted back within the limits prescribed by law, the Authorized Participant or Investor shall not exercise voting rights at the general meetings of shareholders of the issuers in respect of the Component Securities in excess of the ownership limit prescribed by law.
6. The Fund Management Company shall have the right to suspend the receipt and execution of Creation/Redemption Orders for ETF Fund Certificate Lots from Investors in any of the following cases:
 - a) The Stock Exchange changes the constituent structure of the Reference Index;
 - b) The issuer of a security in the ETF Fund's investment portfolio is bankrupt, dissolved, suspended from trading or delisted; or the Basket of Component Securities or the Net Asset Value of the ETF Fund cannot be determined on the trading day immediately preceding the Dealing Day due to the Stock Exchange's decision to suspend trading of securities in the Fund's investment portfolio;
 - c) Restructuring of the Investment Portfolio in order to reduce the tracking error relative to the Reference Index;
 - d) The Fund Management Company, Supervisory Bank or Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation is unable to execute the portfolio swap due to force majeure;
 - e) Other cases consistent with applicable laws.
7. Within twenty-four (24) hours of the occurrence of any event specified in Clause 6 of this Article, the Fund Management Company shall report to the SSC and concurrently disclose information on the websites of the Stock Exchange, the Fund Management Company, the Distribution Agents and the Authorized Participants, and shall resume portfolio swap activities as soon as such events cease.
8. Duration of suspension of Fund Certificate trading: shall not exceed thirty (30) days from the latest Dealing Day. Where the suspension is due to the reasons specified in Points a and b of Clause 6 of this Article, the period for suspension of receipt and execution of Creation/Redemption Orders shall not exceed three (03) working days before and after the end of such events.
9. Within thirty (30) days from the end of the period of suspension of Fund Certificate trading specified in Clause 8 of this Article, the Fund Management Company shall convene an extraordinary meeting to obtain the Investors' General Meeting's opinion on the dissolution of

the Fund or the continued extension of the suspension of Fund Certificate trading. Within the period for convening the Investors' General Meeting, if the causes of the suspension of Fund Certificate trading cease, the Fund Management Company may cancel the convening of the Investors' General Meeting.

Article 18. Partial redemption and suspension of trading in ETF Fund Certificates

1. The Fund Management Company shall have the right to satisfy an Investor's conversion order only in part if any of the following cases occurs:
 - a) The total value of sell orders arising from conversion activity minus the total value of buy orders arising from conversion activity on a Fund Certificate trading day exceeds 10% of the Fund's Net Asset Value;
 - b) Full execution of the Investor's trading orders would result in:
 - The Fund's Net Asset Value falling below VND 50 billion; or
 - The remaining number of Fund units falling below the minimum outstanding Fund units specified in the Fund Charter.
2. Where a conversion order is only partially executed under Clause 1 of this Article, the Fund Management Company shall apply the principle of time priority: orders transmitted to the Distribution Agent earlier shall be executed first.
3. In the case specified at Point a of Clause 1 of this Article, the Fund Management Company may extend the settlement period for up to 30 days, subject to the approval of the Fund Representative Board, from the Fund Certificate trading day.
4. The Fund Management Company may suspend Creation/Redemption transactions in ETF Fund Certificates upon the occurrence of any of the following events:
 - a) Force majeure;
 - b) The Fund Management Company is unable to determine the Net Asset Value of the Fund on a Dealing Day due to securities in the Fund's investment portfolio being suspended from trading by decision of the Stock Exchange;
 - c) Other events deemed necessary by the SSC.
5. The Fund Management Company shall report to the Fund Representative Board and the SSC within 24 hours of the occurrence of any event specified in Clause 4 of this Article, except as otherwise requested by the SSC, and shall resume Creation/Redemption transactions in Fund Certificates as soon as such events cease.
6. The duration of suspension of Creation/Redemption transactions in Fund Certificates shall be as provided in the Fund Charter, but shall not exceed 90 days from the date of suspension.
7. Within 30 days from the end of the period of suspension of swap transactions in Fund Certificates under Clause 6 of this Article, the Fund Management Company shall convene a meeting to obtain the opinion of the Investors' General Meeting on the dissolution of the Fund

or the separation of the Fund or the continued extension of the suspension of swap transactions in Fund Certificates.

8. Within the period for convening the Investors' General Meeting, if the causes of the suspension of swap transactions in Fund Certificates cease, the Fund Management Company may cancel the convening of the Investors' General Meeting.

Article 19. Creation Fee and Redemption Fee

1. Creation Fee:

Creation Fee applicable to Creation/Redemption transactions of Component Securities for Fund Certificates:Creation/Redemption

- a) This is the service price payable by Investors and Authorized Participants when executing a swap of Component Securities for Fund Certificates after the Fund has been established. This Service Price shall be collected at the time of the Creation/Redemption transaction and calculated as a percentage of the transaction value of the Fund Certificates.

b) Creation Fee:

- The Creation Fee applicable to Authorized Participants shall be stipulated in the Authorized Participant contract and shall not exceed 0.5% of the transaction value.
- The Creation Fee applicable to an Authorized Participant acting as a Market Maker shall be stipulated in the Market Maker contract and shall not exceed 0.5% of the transaction value.
- The Creation Fee applicable to Investors shall not exceed 1% of the transaction value.

2. Redemption Fee:

- a) This is the service price payable by Investors/Authorized Participants when executing a swap of Fund Certificates for Component Securities after the Fund has been established. This Service Price shall be collected at the time of the Creation/Redemption transaction and calculated as a percentage of the transaction value of the Fund Certificates.

- b) The Redemption Fee shall be deducted from the cash differential between the value of the Fund Certificate Lot and the value of the Basket of Component Securities. Where the Redemption Fee exceeds such cash differential, the Investor shall transfer the shortfall into the ETF Fund's account at the Supervisory Bank no later than 11:00 a.m. on (T+1) (one working day after the Dealing Day).

c) Redemption Fee

- The Redemption FeeService Price applicable to Authorized Participants shall be stipulated in the Authorized Participant contract and shall not exceed 0.5% of the transaction value.
- The Redemption Fee applicable to an Authorized Participant acting as a Market Maker shall be stipulated in the Market Maker contract and shall not exceed 0.5% of the transaction value.
- The Redemption Fee applicable to Investors shall not exceed 1% of the transaction value.

The specific service prices shall be stipulated in the Prospectus, the Summary Prospectus, on the website of the Fund Management Company or through other means. The settlement of such service prices shall be set out in detail in the Prospectus.

3. Any adjustment to the Creation Fee and Redemption Fee applicable to Authorized Participants and to Authorized Participants acting as Market Makers shall be implemented by agreement between the Fund Management Company and such Authorized Participants and Market Makers.
4. Any increase in the Creation Fee and Redemption Fee applicable to Investors shall only be implemented where the increased service price does not exceed the maximum service price stipulated in this Charter. The earliest date on which the new increased service price shall apply is thirty (30) days from the date on which the Fund Management Company discloses the new service prices on the Company's website.
5. In the case of a decrease in the Creation Fee and Redemption Fee applicable to Investors relative to the levels stipulated in this Charter, the earliest date on which the new service price shall apply is the date on which the Prospectus discloses the new service price. The Fund Management Company shall update such new service price in the Fund Charter at the next Investors' General Meeting.

Article 20. Issue Price and Redemption Price

1. Issue Price: is the price which an Investor must pay to purchase one (01) Fund Certificate Lot. The Issue Price equals the Net Asset Value per Fund Certificate Lot calculated at the end of the day immediately preceding the Dealing Day, plus the Creation Fee.
2. Redemption Price: is the price which the Fund Management Company must pay to an Investor placing a Creation/Redemption Order of Fund Certificate Lots for Component Securities.
Redemption Price: equals the Net Asset Value per Fund Certificate Lot calculated at the end of the day immediately preceding the Dealing Day, minus the Redemption Fee.

Article 21. Trading in ETF Fund Certificates on the Stock Exchange

1. Investors and Authorized Participants shall trade listed ETF Fund Certificates through the trading system of the Stock Exchange in accordance with the following principles:
 - a) Investors and Authorized Participants shall place trading orders on their own securities trading accounts. Trading and settlement activities shall be carried out in accordance with the securities trading regulations of the Stock Exchange and the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation;
 - b) The trading unit shall comply with the regulations of the Stock Exchange on which the ETF Fund Certificates are listed;

- c) Fund Certificates may be used for margin-purchase lending activities and other activities consistent with the securities laws.
2. Authorized Participants may only sell Fund Certificates or Component Securities on the trading system of the Stock Exchange if they have sufficient ETF Fund Certificates or Component Securities available for delivery before the settlement time as prescribed by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation. Such ETF Fund Certificates and Component Securities include Fund Certificates and Component Securities already available in the Authorized Participant's account on the transaction date, Fund Certificates and Component Securities to be received before the settlement time from a swap transaction based on the Basket of Component Securities, and ETF Fund Certificates obtained through previously completed market purchase transactions or securities borrowing transactions on the system of the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.

Article 22. Non-commercial transfers

1. Non-commercial transfers (gifts, inheritance, etc.) of ETF Fund Certificates shall be carried out in the same manner as the transfer of ownership of listed securities outside the trading system of the Stock Exchange, as provided in the Securities Registration Regulations issued by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.
2. The gift or inheritance of Fund Certificates shall comply with applicable laws. The Fund shall not be liable for any disputes relating to such gifts or inheritances or to the donors, donees or heirs.
3. The Fund Management Company or Supervisory Bank shall register the donee or lawful heir in the Register of Investors upon such donee or heir providing full lawful evidence of the gift or inheritance.

Chapter IV: INVESTORS' GENERAL MEETING

Article 23. Investors' General Meeting

1. The Investors' General Meeting is the highest authority of the Fund, and all Investors whose names appear in the Register of Investors prior to the convening of the meeting are entitled to attend.
2. The Investors' General Meeting is convened by the Fund Management Company and decides on the following matters:
 - a) Amendment and supplementation of the Fund Charter;

- b) Fundamental changes in the Fund's investment policy and objectives; changes in the service prices payable to the Fund Management Company and the Supervisory Bank; replacement of the Fund Management Company or Supervisory Bank;
 - c) Consolidation or merger of the Fund; dissolution of the Fund;
 - d) Profit distribution plan;
 - e) Election, dismissal and removal of the chairperson and members of the Fund Representative Board; decisions on the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board; approval of the selection of an approved audit firm to audit the Fund's annual financial statements; approval of the financial statements and reports on the Fund's assets and annual activities;
 - f) Review and handling of violations by the Fund Management Company, Supervisory Bank and Fund Representative Board causing losses to the Fund;
 - g) Request that the Fund Management Company and Supervisory Bank produce books or transaction documents at the Investors' General Meeting;
 - h) Other rights and obligations as provided by law and this Charter.
3. The agenda and content of the Investors' General Meeting shall be prepared by the Fund Management Company in accordance with the agenda and content of a general meeting of shareholders under enterprise laws. At least 07 working days prior to the Investors' General Meeting, the Fund Management Company shall submit to the SSC the full agenda, content and relevant documents, and shall concurrently disclose information on the convening of the Investors' General Meeting, clearly stating the reasons and objectives of the meeting.
4. The notice of the Investors' General Meeting, agenda, meeting documents and opinion-ballot form (if any) shall be sent by the Fund Management Company to Investors by means consistent with applicable laws and this Charter, including direct delivery, postal service, fax, email or other electronic means to the contact address, fax number, email address or other contact information registered by the Investor with the Fund or updated in the Register of Investors.
- Where the notice of meeting, agenda, meeting documents and opinion-ballot form (if any) are sent to the correct email address or other contact information registered by the Investor, such delivery shall be deemed to have been validly made, unless otherwise prescribed by law.
5. The Investors' General Meeting may be held in the form of written opinion collection or electronic voting (e-voting).

Article 24. Extraordinary Investors' General Meeting

1. The Fund Management Company shall convene an extraordinary Investors' General Meeting in the following cases:
 - a. Where the Fund Management Company, the Supervisory Bank or the Fund Representative Board considers it necessary for the benefit of the Fund;
 - b. At the request of an Investor or group of Investors pursuant to Point b of Clause 2 of Article 14 of this Charter;
 - c. Other cases provided for in this Charter.
2. The extraordinary Investors' General Meeting shall be held within 30 days from the date the Fund Management Company receives the request to convene it.
3. Where the Fund Management Company fails to convene the Investors' General Meeting in accordance with Clause 2 of this Article, the Fund Management Company shall be liable under the law and shall compensate the Fund for any damages arising (if any). Where the Fund Management Company fails to convene the Investors' General Meeting in accordance with Clause 2 of this Article, within the following 30 days the Fund Representative Board or Supervisory Bank shall convene the Investors' General Meeting in place of the Fund Management Company, in accordance with the order and procedures set out in this Charter.

Article 25. Conditions, procedures for holding meetings and passing resolutions of the Investors' General Meeting

1. An Investors' General Meeting shall be held when the Investors attending represent more than 50% of the total voting rights. Attendance may be in person, by authorized proxy, or by remote voting (by post, fax, email, participation in an online conference, electronic voting or other electronic forms).
2. Where the first meeting does not satisfy the conditions for being held under Clause 1 of this Article, the second meeting shall be convened within 30 days from the originally scheduled opening date of the first meeting. In such case, the Investors' General Meeting shall be held regardless of the number of Investors attending.
3. The Investors' General Meeting shall pass resolutions within its authority by voting at the meeting or by written opinion collection.
4. Resolutions of the Investors' General Meeting on the matters specified at Points b and c of Clause 2 of Article 23 of this Charter shall be passed by voting at the meeting. In such case, a resolution shall be passed when approved by Investors representing more than 65% of the total voting rights of all Investors present at the meeting.
5. A resolution of the Investors' General Meeting shall be passed at the meeting when approved

by Investors representing more than 50% of the total voting rights of all Investors present at the meeting, except as otherwise provided in Clause 4 of this Article.

6. The Fund Management Company may collect Investors' opinions in writing, except in the cases specified in Clause 4 of this Article. The principles, contents, order and procedures for collecting Investors' opinions in writing shall be clearly stipulated in the Fund Charter, consistent with enterprise laws. In such case, the Fund Management Company shall comply with the same time limits for sending ballots and meeting documents to Investors as apply to notices of the Investors' General Meeting.
7. Where Investors' opinions are collected in writing, a resolution of the Investors' General Meeting shall be passed when approved by Investors representing more than 50% of the total voting rights of all Investors entitled to vote.
8. The Fund Management Company and the Fund Representative Board shall review and ensure that the resolutions of the Investors' General Meeting comply with applicable laws and this Charter. Where a resolution of the Investors' General Meeting does not comply with applicable laws or this Charter, an Investors' General Meeting shall be convened again to re-collect opinions, or opinions shall be re-collected from Investors in writing.

Article 26. Dissenting from resolutions of the Investors' General Meeting

1. An Investor dissenting from a resolution passed by the Investors' General Meeting on certain matters specified at Points b and c of Clause 2 of Article 23 of this Charter shall have the right to request the Fund Management Company to redeem its Fund Certificates or convert them into another fund of the same type managed by the Fund Management Company. The request shall be in writing and shall state the Investor's name and contact address, the number of Fund units, the reasons for the redemption request or for the proposal to convert to another fund managed by the Company. The request shall be sent by the Investor to the head office of the Fund Management Company or the Distribution Agent within 15 days from the date on which the Investors' General Meeting passes the resolution on such matters.
2. Within 45 days from the date of announcement of the results of the Investors' General Meeting, the Fund Management Company shall complete the redemption or conversion of Fund Certificates for the Investors dissenting from the resolution of the Investors' General Meeting under Clause 1 of this Article. In such case, the redemption price shall be determined on the basis of the net asset value per Fund Certificate at the nearest Fund Certificate trading session following receipt of the Investor's request, and the Investor shall not be required to pay the redemption service price or the conversion service price.

Chapter V: FUND REPRESENTATIVE BOARD

Article 27. Fund Representative Board

1. The Fund Representative Board consists of three (03) members, elected at a meeting of the Investors' General Meeting or by written opinion of Investors. The nomination and self-nomination of members of the Fund Representative Board shall comply with the following requirements:
 - a) Information relating to candidates for the Fund Representative Board shall be disclosed on the website of the Fund Management Company no later than 10 days prior to the date of convening the Investors' General Meeting for the election of the Fund Representative Board. The minimum information shall include: full name, date of birth; professional qualifications; managerial qualifications; experience in asset management, or investment analysis, or experience in securities, banking or insurance activities; career history and achievements; the companies and funds in which the candidate currently holds office as a member of the Board of Directors or Fund Representative Board; related interests with the Fund Management Company or Supervisory Bank (if any); and any other relevant information;
 - b) Where the number of candidates nominated and self-nominated for the Fund Representative Board remains insufficient, the incumbent Fund Representative Board may nominate additional candidates or organize the nomination in accordance with the mechanism provided for in the Fund Charter. The nomination mechanism or the manner in which the incumbent Fund Representative Board nominates candidates to the Fund Representative Board shall be clearly disclosed and approved by the Investors' General Meeting prior to the nomination;
 - c) The order and procedures for the nomination and self-nomination of members of the Fund Representative Board shall follow the provisions of enterprise and securities laws applicable to the nomination of Board of Directors members.
2. At least 2/3 of the members of the Fund Representative Board shall be independent members who are not related persons of the Fund Management Company or the Supervisory Bank, or authorized representatives of such organizations.
3. The Fund Representative Board shall include:
 - a) At least one (01) independent member with professional qualifications and experience in accounting or auditing;
 - b) At least one (01) independent member with professional qualifications and working experience in securities investment analysis or asset management;

- c) At least one (01) member with professional qualifications in law.
- 4. Resolutions of the Fund Representative Board shall be passed by vote at the meeting or by written opinion. Each member of the Fund Representative Board shall have one vote. For meetings of the Fund Representative Board, a member unable to attend in person shall be entitled to submit written opinions and/or appoint a representative to attend and vote at the meeting.
- 5. During operation, where a member of the Fund Representative Board is suspended or removed, or where the composition of the Fund Representative Board or any member no longer satisfies the applicable conditions, within fifteen (15) days of such change, the Fund Representative Board and the Fund Management Company shall select a qualified member to serve as a temporary replacement. The temporary replacement member shall exercise the rights and obligations of a member of the Fund Representative Board until the Investors' General Meeting formally appoints a replacement member.
- 6. The Fund Management Company shall report to the SSC and disclose information on changes in the composition of the Fund Representative Board in accordance with applicable regulations on information disclosure on the securities market.

Article 28. Term of office and selection criteria for members of the Fund Representative Board

- 1. The term of office of a member of the Fund Representative Board shall not exceed 05 years and may be renewed for an unlimited number of terms.
- 2. Selection criteria for members of the Fund Representative Board:
 - a) Full civil act capacity;
 - b) Professional qualifications in accounting, auditing or securities investment analysis, asset management; and/or law;
 - c) Not a member of more than 05 Fund Representative Boards of public funds or Boards of Directors of public securities investment companies.

Article 29. Rights and obligations of the Fund Representative Board

- 1. Represent the interests of Investors; take actions consistent with applicable laws to protect the interests of the Fund and the Investors.
- 2. Approve the list of price-quoting organizations and the principles and methods for determining the Net Asset Value; approve the list of credit institutions with which the Fund may place deposits and invest in money market instruments pursuant to Item (i) of Point b of Clause 3 of Article 9 of this Charter;

3. Decide on the profit distribution levels in accordance with the profit-distribution plan approved by the Investors' General Meeting; decide on the timing, method and form of profit distribution.
4. Have the right to request the Fund Management Company and the Supervisory Bank to promptly provide full documents and information on asset management and supervision activities.
5. Members of the Fund Representative Board shall perform their duties honestly and prudently in the best interests of the Fund; members may not delegate their rights, obligations or responsibilities towards the Fund to any other person.
6. Members of the Fund Representative Board shall attend all meetings of the Fund Representative Board and clearly express their views on matters under discussion.
7. Exercise other rights and duties as provided for in the Fund Charter and applicable laws.

Article 30. Chairperson of the Fund Representative Board

1. The Investors' General Meeting shall elect the Chairperson of the Fund Representative Board from among its members. The Chairperson of the Fund Representative Board shall be an independent member.
2. The Chairperson of the Fund Representative Board shall have the following rights and duties:
 - a) Prepare the programs and work plans of the Fund Representative Board;
 - b) Prepare the agenda, content and documents for meetings; convene and chair meetings of the Fund Representative Board;
 - c) Monitor the implementation of the resolutions of the Fund Representative Board;
 - d) Other rights and duties provided for in the Fund Charter.

Article 31. Dismissal, removal and additional appointment of members of the Fund Representative Board

1. A member of the Fund Representative Board shall cease to be a member in the following cases:
 - a) Such member dies, no longer qualifies as a member of the Fund Representative Board under the Fund Charter or relevant laws, or is legally prohibited from acting as a member of the Fund Representative Board;
 - b) Such member is prosecuted or indicted;
 - c) Such member submits a written resignation to the head office of the Fund Management

Company;

- d) Such member fails to attend meetings of the Fund Representative Board for six (06) consecutive months, except in cases of force majeure;
 - e) Such member is removed by resolution of the Investors' General Meeting;
 - f) Written notice is issued terminating the authority of the member of the Fund Representative Board to act as authorized representative of a corporate Investor or Authorized Participant.
2. The Fund Representative Board and the Fund Management Company may appoint another person to temporarily act as a member of the Fund Representative Board to fill the vacancy, and such new member shall be approved at the next following Investors' General Meeting. Upon approval by the Investors' General Meeting, the appointment of such new member shall take effect as of the date of appointment by the Fund Representative Board. The term of office of the new member of the Fund Representative Board shall run from the effective date of the appointment until the end of the term of the Fund Representative Board. Where the new member is not approved by the Investors' General Meeting, all decisions of the Fund Representative Board prior to the Investors' General Meeting in which the replacement member participated in voting shall remain effective.

Article 32. Operating procedures of the Fund Representative Board

1. Where the Chairperson of the Fund Representative Board is absent or unable to perform the assigned duties, the member of the Fund Representative Board authorized by the Chairperson shall exercise the rights and duties of the Chairperson.
2. Where no authorized person exists, the remaining members of the Fund Representative Board shall, by unanimous principle, select one of the independent members to temporarily hold the position of Chairperson of the Fund Representative Board. The re-election of the Chairperson shall be carried out at the nearest Investors' General Meeting.

Article 33. Meetings of the Fund Representative Board

1. The Fund Representative Board shall meet at least once every quarter or at the request of the Fund Management Company.
2. The procedures for holding meetings, the meeting agenda and related documents shall be notified to members at least one (01) day prior to the meeting date.
3. A meeting of the Fund Representative Board shall be held when at least 2/3 of the members attend, of whom independent members shall constitute the majority (more than 50% of members present). Members not attending in person shall have the right to vote by written ballot or by other means provided in the Fund Charter. A resolution of the Fund Representative

Board shall be passed if approved by a majority of members and a majority of independent members.

4. Resolutions of the Fund Representative Board shall be passed by vote at meetings, written opinion collection, or other means provided in the Fund Charter. Each member of the Fund Representative Board shall have one vote.

Article 34. Minutes of meetings of the Fund Representative Board

Minutes of meetings of the Fund Representative Board shall be prepared in detail and clearly. The secretary and chairperson of the meeting shall sign the minutes. Where the chairperson or secretary refuses to sign the minutes, but the minutes are signed by all other members of the Fund Representative Board attending the meeting and contain full content, such minutes shall remain effective. Minutes of meetings of the Fund Representative Board shall be retained at the Fund Management Company in accordance with enterprise laws and the Fund Charter.

Chapter VI: FUND MANAGEMENT COMPANY

Article 35. Selection criteria for the Fund Management Company

The selected Fund Management Company shall satisfy the following conditions:

1. Has been licensed by the SSC to carry out fund management activities; has sufficient capital as required by laws on the establishment, organization and operation of fund management companies.
2. Completely independent from the Supervisory Bank.
3. Has sufficient capability to perform fund management duties.
4. Agrees to undertake the commitments to the Fund as set out in Appendix 1 and Appendix 3 of this Charter.

Article 36. Rights and obligations of the Fund Management Company

1. The Fund Management Company has the following rights:
 - a) To select the Supervisory Bank in accordance with the criteria stipulated in Article 39 of this Charter;
 - b) To delegate to the Supervisory Bank and certain organizations providing services related to fund management activities the performance of some or all fund administration activities. The Fund Management Company shall be responsible for such delegation and shall ensure that the

delegation relationship in fund administration activities does not adversely affect the interests of the Fund's Investors;

- c) To refuse the issuance of Fund Certificates to organizations or individuals not permitted to invest in the Fund under the Fund Charter or applicable laws;
- d) To act on behalf of and represent the Fund in exercising all rights, obligations and responsibilities in respect of the assets owned by the Fund in accordance with applicable laws;
- e) To enter into Fund Certificate distribution agreements with Distribution Agents;
- f) To receive the service prices stipulated in the Fund Charter in accordance with applicable laws;
- g) To manage other funds inside and/or outside Vietnam and to conduct other business activities in accordance with applicable laws;
- h) To attend meetings of the Investors' General Meeting and of the Fund Representative Board;
- i) To decide on the Fund's investments consistent with this Charter and other provisions of applicable laws.

2. The Fund Management Company has the following obligations:

- a) Comply with applicable laws and the charter of the Fund Management Company. Manage the Fund's assets in accordance with this Charter. The Fund Management Company shall comply with rules of professional ethics and voluntariness, and shall act at all times fairly and honestly for the Fund and in the interests of the Investors and Authorized Participants, avoiding conflicts of interest and, where conflicts of interest cannot be avoided, acting in good faith;
- b) The Fund Management Company shall ensure that its organization and personnel have the capacity and are structured to fulfill its obligations to Investors and comply with this Charter, applicable laws, and international best practices;
- c) The Fund Management Company shall ensure that delegations to third parties comply with applicable laws and do not adversely affect the interests of the Fund and the Investors;
- d) The Fund Management Company shall segregate the assets of each fund, segregate the assets of the Fund Management Company from the assets of the Fund, and segregate other assets under the management of the Fund Management Company;
- e) The Fund Management Company shall be liable for losses suffered by the funds under its management if the Fund Management Company fails to comply with applicable laws and this Charter;
- f) The Fund Management Company shall comply with restrictions on the activities of the Fund

Management Company and its staff under Article 11 of Circular No. 99/2020/IT-BTC dated 16 November 2020 guiding the operation of securities investment fund management companies.

- g) Perform the commitments of the Fund Management Company set out in Appendix 1 of this Charter.

Article 37. Termination of the rights and obligations of the Fund Management Company in respect of the Fund

1. The Fund Management Company shall terminate its rights and obligations in respect of the Fund in the following cases:
 - a) Upon proposal of the Fund Representative Board after approval by the Investors' General Meeting;
 - b) Its Establishment and Operation Licence is revoked, or it is dissolved;
 - c) Consolidation or merger with another Fund Management Company;
 - d) Other cases as prescribed by law.
2. In the case specified in Clause 1 of this Article, the transfer of the rights and obligations of the Fund Management Company in respect of the Fund to another Fund Management Company shall comply with applicable laws in force.
3. At least six (06) months prior to the expected date of termination of the rights and obligations in respect of the Fund, the Fund Management Company shall convene an Investors' General Meeting to seek opinions on the termination of its rights and obligations in respect of the Fund.
4. Compensation costs upon change of the Fund Management Company:

Where the Fund experiences a change of Fund Management Company pursuant to Point a of Clause 1 of this Article, the Fund shall pay the Fund Management Company a compensation amount (in addition to the service prices stipulated in this Charter) as follows:

- a) If the change of Fund Management Company takes place within three (03) years from the date on which the Fund commences operation, the compensation shall equal two percent (2%) of the average Net Asset Value of the Fund during the fifty-two (52) weeks immediately preceding the date on which the Investors' General Meeting approves the resolution to change the Fund Management Company;
- b) If the change of Fund Management Company takes place after three (03) years from the date on which the Fund commences operation, the compensation shall equal one point five percent (1.5%) of the average Net Asset Value of the Fund during the fifty-two (52) weeks

immediately preceding the date on which the Investors' General Meeting approves the resolution to change the Fund Management Company.

Article 38. Restrictions on the activities of the Fund Management Company

1. The Fund Management Company shall not be a related person of, and shall not have an ownership, borrowing or lending relationship with, the Supervisory Bank, the custodian bank of the securities investment fund, or any securities investment company under its management. Members of the Board of Directors or Members' Council, internal audit staff, Supervisory Board members, the Company Chairperson, the Executive Board, and employees of the Fund Management Company shall not work in the units providing custody, supervision or fund administration services at such banks, and vice versa.
2. Unless otherwise decided by the Investors' General Meeting, the Fund Management Company and related persons of the Fund Management Company may participate in the capital contribution for the establishment of, and investment in, any fund or securities investment company under the management of the Fund Management Company.
3. The Fund Management Company, its parent company, subsidiaries, joint ventures, associated companies, members of the Board of Directors or Members' Council, Supervisory Board, Executive Board, and employees of the Company may only be counterparties in the purchase or sale of assets in the entrusted asset portfolio under the Company's management on the following principles:
 - a) Trading by the centralized order-matching method through the trading system of the Stock Exchange;
 - b) Where the transaction is not conducted by the centralized order-matching method, the transaction shall be executed only upon the written consent of the entrusting client or the representative of the entrusting client. Such written consent shall state: the type of asset to be traded, the counterparty or the criteria for identifying the counterparty, the transaction price or the principles for determining the transaction price, and the time for executing the transaction.
4. All securities transactions of Executive Board members and employees of the Fund Management Company shall be reported to the internal control unit both before and immediately after execution. The transaction report of such individuals shall include: the name of the securities traded, quantity, transaction price, total transaction value, time of execution, method of execution, trading account number, and the securities company at which the trading account is opened. Transaction reports of such individuals shall be retained and managed at the internal control unit and provided to the SSC upon request.

5. Members of the Board of Directors or Members' Council, Executive Board and employees of the Fund Management Company shall not, whether in their individual capacity or in the name of the Company, demand, require or accept any remuneration, profit or benefit other than the types and rates of service prices expressly stipulated in the Fund Charter.
6. In managing the assets of the Fund, the Fund Management Company shall ensure that:
 - a) The Fund's assets shall not be used to invest in other funds or securities investment companies under its management;
 - b) The Fund's assets shall not be used to invest in the Fund Management Company itself; shall not be invested in organizations that are related persons of the Fund Management Company; shall not be invested in organizations in which the Company Chairperson, the Executive Board, internal audit staff, members of the Supervisory Board (if any) or employees of the Company are shareholders or members holding more than ten percent (10%) of charter capital;
 - c) The Fund's assets shall not be used to make loans in any form, to guarantee any form of loan, or to pay debt obligations of the Fund Management Company, related persons of the Fund Management Company, or other organizations or individuals. This restriction shall not apply to lending in the form of deposits with credit institutions pursuant to banking laws, or to the purchase of bonds issued or bond transactions conducted in accordance with applicable laws.
7. The Fund Management Company shall not delegate or outsource to organizations in the territory of Vietnam the provision of services relating to securities investment advisory or management of entrusted assets.
8. Other restrictions as prescribed by laws on the establishment, organization and operation of fund management companies.

Chapter VII: SUPERVISORY BANK

Article 39. Selection criteria for the Supervisory Bank

The Supervisory Bank selected by the Fund Management Company shall satisfy the following conditions:

1. Satisfies the conditions stipulated in Article 116 of the Securities Law;
2. The Supervisory Bank, members of its Board of Directors, members of its Executive Board, and employees directly providing the Fund's supervisory and asset custody services shall not be related persons of, and shall not have an ownership, borrowing or lending relationship with,

the Fund Management Company, and vice versa;

3. The Supervisory Bank, members of its Board of Directors, Executive Officers and employees of the Supervisory Bank responsible for supervising the Fund's activities and safekeeping of its assets shall not be counterparties in transactions for the purchase or sale of the Fund's assets;
4. Has full capacity to provide supervisory and custody services;
5. Undertakes the commitments to the Fund as set out in Appendix 02 and Appendix 03 of this Charter.

Article 40. Rights and obligations of the Supervisory Bank

1. The Supervisory Bank has the following obligations:
 - a) Perform the obligations stipulated in Clause 3 of Article 56 of the Securities Law;
 - b) Provide custody for the Fund's assets; accurately and timely record the assets, the property rights and the benefits relating to the assets received in custody for the Fund; segregate the Fund's assets from the assets of the Supervisory Bank, from the assets of the Fund Management Company (where the Supervisory Bank is concurrently the custodian bank of the Fund and the Fund Management Company), from the assets of other funds of the same Fund Management Company (where such funds use the same Supervisory Bank that is also the custodian bank), and from the assets of other clients of the Supervisory Bank;
 - c) Supervise to ensure that the Fund Management Company manages the Fund in compliance with the Securities Law and the Fund Charter;
 - d) Carry out receipts, disbursements, payments and transfers of assets relating to the Fund's operations in accordance with lawful instructions of the Fund Management Company;
 - e) Certify reports relating to the Fund prepared by the Fund Management Company or by an organization authorized by the Fund Management Company in accordance with applicable laws;
 - f) Monitor compliance by the Fund Management Company with reporting and information disclosure requirements under the Securities Law, related regulations and the Fund Charter;
 - g) Report to the SSC upon discovering any violation of laws or the Fund Charter by the Fund Management Company and its related organizations or individuals;
 - h) Periodically, together with the Fund Management Company, reconcile accounting books, financial statements and the Fund's transactional activities;
 - i) Be responsible for losses caused to the Fund arising from errors of the Supervisory Bank in

accordance with applicable laws and the Supervision Contract;

- j) Warrant and be fully responsible for the Fund's assets when entrusted to a sub-custodian in accordance with the service agreement and applicable laws;
- k) Process securities transactions consistent with lawful instructions of the Fund Management Company;
- l) Perform reporting and record-keeping obligations in accordance with applicable laws, the Fund Charter and the Supervision Contract;
- m) Supervise or calculate the Net Asset Value of the Fund in accordance with applicable laws and the Fund Charter, ensuring that the calculation of the Net Asset Value of the Fund is accurate;
- n) Pay reasonable and valid expenses of the Fund pursuant to lawful instructions of the Fund Management Company, ensuring that such expenses are consistent with applicable laws and the provisions of the Fund Charter;
- o) Act in the interests of the Fund and the Investors;
- p) Other obligations as provided by applicable laws, the Fund Charter and the Supervision Contract.

2. The Supervisory Bank has the following rights:

- a) Receive the service prices for supervisory and asset custody services in accordance with the Fund Charter and applicable laws;
- b) The Supervisory Bank may refuse such instructions where it has grounds to believe they are unlawful or inconsistent with this Charter. Any refusal shall be made in writing to the Fund Management Company, stating the reasons, with a copy sent to the SSC.
- c) Attend meetings of the Investors' General Meeting and of the Fund Representative Board.
- d) Other rights as provided by applicable laws and by the Supervision Contract entered into between the parties.

Article 41. Supervisory activities of the Supervisory Bank

- 1. The scope of supervision shall be limited to the activities of the Fund Management Company relating to the Fund in respect of which the Supervisory Bank performs its supervisory function. In carrying out supervision, the Supervisory Bank shall:

- a) Coordinate with the Fund Management Company to periodically review the internal procedures on principles and methods for determining the NAV of the Fund; inspect and monitor the organization and implementation of the determination of the Fund's NAV and the NAV per Fund Certificate to ensure correct, accurate calculation in accordance with applicable laws and this Charter.
 - b) Inspect and monitor the investment activities and asset transactions of the Fund, including assets other than securities centrally registered at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, and inspect and monitor asset transactions between the Fund and the Fund Management Company and related persons of the Fund Management Company.
 - c) Where violations of applicable laws are detected, the Supervisory Bank shall immediately report to the SSC and notify the Fund Management Company within twenty-four (24) hours of detecting the matter and concurrently require the correction of such errors or the implementation of remedial actions for the consequences of such violations within the required time limit;
 - d) Supervise the organization and implementation, and appraise the results, of the consolidation, merger, dissolution and liquidation of the Fund's assets;
 - e) Supervise and ensure the legality of disbursements, and make payments from the Fund's assets only in respect of expenses consistent with applicable laws and the Fund Charter;
 - f) Inspect and monitor other activities of the Fund Management Company in managing the Fund's assets in accordance with Article 116 of the Securities Law, related provisions in documents guiding the Securities Law, and this Charter.
 - g) Certify reports on net asset value, investment activities, and the investment portfolio of the Fund prepared by the Fund Management Company.
2. The Supervisory Bank shall prepare and retain for a period of ten (10) years the records and documents, in writing and in electronic data files, to evidence compliance in the Supervisory Bank's activities towards the Fund Management Company under applicable laws. Such documents shall be provided upon written request of the SSC.
 3. Upon written request of the Fund Management Company, the Supervisory Bank shall timely provide full and accurate information necessary for the Fund Management Company and the approved audit firm so that such organizations may fully exercise their rights and obligations in respect of the Fund in accordance with applicable laws and this Charter.
 4. The Supervisory Bank has the right to request the Fund Management Company to promptly provide necessary and relevant documents and information, including information on issuers in which the Fund invests, so that the Supervisory Bank may fully exercise its rights and

obligations in respect of the Fund under applicable laws. The Supervisory Bank shall maintain confidentiality as required by law in respect of all documents and information received from the Fund Management Company.

5. Where the Fund Management Company is required to compensate Investors, the Supervisory Bank shall coordinate with the Fund Management Company to effect timely and full payment to Investors pursuant to the lawful instructions of the Fund Management Company. The Supervisory Bank shall be jointly liable and shall indemnify Investors and the Fund for damages arising from the Supervisory Bank's failure to fully and timely perform its duties to supervise the Fund's investment activities, determine the Net Asset Value of the Fund, and perform other supervisory duties in respect of the Fund in accordance with applicable laws and the Custody and Supervision Contract.

Article 42. Termination of rights and obligations of the Supervisory Bank

1. The Supervisory Bank shall terminate all of its rights and obligations in respect of the Fund in the following cases:
 - a) The Supervisory Bank is divided, separated, dissolved, bankrupt, consolidated, merged, undergoes legal entity conversion, or has its certificate of registration for securities depository activities revoked as stipulated at Point d of Clause 1 of Article 104 of the Securities Law;
 - b) The Supervisory Bank proposes to terminate its rights and obligations in respect of the Fund and such proposal is approved by the Investors' General Meeting of the Fund;
 - c) The Fund is dissolved, consolidated or merged;
 - d) Pursuant to a resolution of the Investors' General Meeting of the Fund;
 - e) Other cases as prescribed by law.
2. In the case specified in Clause 1 of this Article, the transfer of the rights and obligations of the Supervisory Bank in respect of the Fund to another Supervisory Bank shall comply with applicable laws.

Chapter VIII: RELATED SERVICE PROVIDERS

Article 43. Delegated activities

The Fund Management Company may retain related service providers to provide services for the Fund in accordance with this Charter and relevant laws. Delegated activities shall include:

1. Fund administration services;

2. Transfer agency services;
3. Other activities (as they arise).

Article 44. Selection criteria for related service providers

1. General criteria
 - Established under the laws of Vietnam;
 - Permitted to provide the relevant services in accordance with applicable laws;
 - Has the capacity, systems, personnel, experience and professional working practices consistent with the requirements of the Fund Management Company for the provision of the relevant services.
2. Technical criteria: The related service provider shall have a dedicated service unit. Such dedicated unit shall be segregated from the other units of the delegate in terms of personnel organization, operational procedures, and reporting and report-approval systems, in accordance with applicable laws and the Fund Management Company's requirements for that service.

Article 45. Responsibilities of related service providers

1. Principles of delegated activities:

The delegate shall perform the delegated tasks in accordance with the delegation given and in compliance with applicable laws, and shall be responsible for the work it performs.
2. Scope of activities, functions and duties of delegates:
 - a) For fund administration services:
 - i. Accounting recognition of the Fund's transactions: recording changes reflecting cash flows into and out of the Fund;
 - ii. Prepare financial statements of the Fund; coordinate with and support the Fund's audit firm in conducting the audit of the Fund in accordance with applicable laws and the fund administration agreement;
 - iii. Determine the Net Asset Value of the Fund, the Net Asset Value per Fund Certificate Lot, and the net asset value per Fund Certificate unit in accordance with applicable laws and the Fund Charter;
 - iv. Perform other activities in accordance with applicable laws and the contract with the Fund Management Company.
 - b) For transfer agency services:

- i. Prepare and maintain the register of Investors and the system of accounts of Investors and Authorized Participants; confirm ownership of Fund Certificates;
 - ii. Record Creation/Redemption Orders, purchase orders and sale orders of Investors; transfer ownership of Fund Certificates; update the register of Investors;
 - iii. Support Investors in exercising rights relating to their ownership of Fund Certificates, as well as those of Authorized Participants;
 - iv. Perform other activities in accordance with applicable laws and the contract with the Fund Management Company.
3. Requirements regarding records, books, related reports, and databases:
- Records and books relating to the delegated services shall be retained by the delegate for the period prescribed by law. At the same time, the delegate shall establish databases appropriate to the work undertaken so as to be convenient, complete and compliant with legal requirements.
4. The delegate shall carry out the delegated activities efficiently and prudently and shall keep confidential all information relating to Investors and counterparties of the Fund Management Company;
 5. The delegate shall provide the Fund Management Company with independent audit reports on matters relating to the delegated activities for the purposes of the periodic or ad hoc inspection and supervision of the Fund Management Company.

Article 46. Responsibilities of the Fund Management Company in respect of delegated activities

1. When delegating the activities specified in Article 43 of the Fund Charter, the Fund Management Company shall ensure:
 - a) The basic information about the delegate and the scope of activities, functions and duties of the delegate shall be disclosed in the Prospectus. The Investors' General Meeting of the Fund shall have the right to request the Fund Management Company to change the delegate where it considers it necessary;
 - b) The delegate has sufficient capacity, systems, personnel and experience to perform the delegated activities;
 - c) The service unit of the delegate shall be segregated from the other units of the delegate in terms of personnel organization, operational procedures, and reporting and report-approval systems;

- d) The delegate shall be responsible for providing the Fund Management Company with independent audit reports on the delegated activities and documents serving the inspection and supervision activities of the Fund Management Company in accordance with applicable laws;
2. In delegated activities, the Fund Management Company shall:
- a) Prior to entering into a service contract with the delegate, the Fund Management Company shall conduct an appraisal and prepare a record of assessment of capacity and facilities to ensure that the delegate has adequate equipment, technical solutions, operational procedures, and personnel with appropriate experience and professional qualifications to perform the delegated activities;
 - b) Enter into a delegation contract with the delegate. The delegation contract shall contain the minimum content in the form prescribed in Appendix IX issued together with Circular 99/2020/TT-BTC;
 - c) Regularly inspect and monitor to ensure that the delegated activities are carried out prudently and safely, in accordance with applicable laws and the Fund Charter, and that the quality of the services provided meets the criteria and requirements of the Fund Management Company and the Investors. On a monthly basis, the Fund Management Company shall prepare a consolidated report on the results of the inspection and monitoring of the delegated activities;
 - d) Maintain personnel with appropriate experience, qualifications and expertise to supervise, identify and effectively manage the risks arising from the delegated activities;
 - e) Establish systems and procedures to ensure that at all times the Fund Management Company, the independent audit firm, and the SSC may access the necessary information to inspect and supervise the delegated activities and to assess and manage the risks arising from the delegated activities;
 - f) Delegation shall not reduce or alter the responsibilities of the Fund Management Company in respect of the Fund. The Fund Management Company shall remain fully responsible, both financially and legally, for the consequences of the delegation. The Fund Management Company shall ensure continuity of the delegated activities so that the investment activities and the services provided to the Fund and Investors are not interrupted or adversely affected;
 - g) Provide full, timely and accurate information to the delegate to enable the full and timely exercise of rights and obligations in the delegated activities;
 - h) Retain in full, timely and accurate form the instructions, requests and documents sent to the delegate for the performance of the delegated activities, together with the delegation contract and the record of assessment of capacity and facilities. Such documents shall be provided to

the SSC upon request.

Article 47. Termination of delegated activities

1. The delegate shall terminate all rights and obligations delegated by the Fund Management Company in respect of the Fund in the following cases:
 - a) The delegate proposes to terminate its rights and obligations;
 - b) The delegate ceases operations, is dissolved or bankrupt;
 - c) Upon proposal of the Fund Management Company;
 - d) Upon proposal of the Investors' General Meeting;
 - e) The Fund is dissolved;
 - f) The Fund is merged or consolidated with another fund by resolution of the Investors' General Meeting;
 - g) The delegate's licence in the relevant field is revoked;
 - h) The delegate is consolidated with, or merged by, another organization.
2. The rights and obligations of the delegate in respect of the Fund shall terminate only upon completion of the handover of such rights and obligations in respect of the Fund to the successor delegate or to the Fund Management Company. The successor delegate shall prepare a handover record signed by both organizations and confirmed by the Fund Management Company.

Chapter IX: AUTHORIZED PARTICIPANTS AND MARKET MAKERS

Article 48. Conditions for selection of an Authorized Participant

1. Shall be a securities company with brokerage and proprietary securities trading licences, or a commercial bank holding a certificate of registration for depository activities, having entered into a fund-establishment agreement with the Fund Management Company.
2. In the most recent twelve (12) months prior to the month of submission of the application for registration of the establishment of the ETF Fund, shall maintain a minimum available capital ratio of two hundred and twenty percent (220%), or a higher ratio as required by the Fund Management Company. Custodian banks shall satisfy the capital adequacy ratio required by banking laws.
3. Has entered into an ETF Fund establishment agreement with the Fund Management Company.

4. Maintains at all times the minimum number of Fund Certificate Lots as committed to the Fund Management Company.
5. Satisfies any other conditions (if any) set out in the fund establishment agreement.

Article 49. Rights and responsibilities of an Authorized Participant

1. Rights of an Authorized Participant:
 - a) Provide brokerage services to Investors in portfolio swap activities in accordance with this Charter and the Prospectus. This provision applies only to Authorized Participants that are securities companies;
 - b) Carry out proprietary trading with the ETF Fund, through the Fund Management Company, under the mechanism of swapping its Basket of Component Securities for Fund Certificate Lots and vice versa;
 - c) Borrow Component Securities in order to swap them for Fund Certificate Lots; or borrow Fund Certificate Lots in order to swap them for a Basket of Component Securities. Such borrowing of securities and Fund Certificates shall be conducted through the system and in accordance with the guidance of the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation;
 - d) Carry out transactions in Fund Certificates and Component Securities upon matching of a counterorder, ensuring availability of sufficient assets at the time to settle the transaction in accordance with Clause 2 of Article 21 of this Charter and applicable laws.
2. Responsibilities of an Authorized Participant:
 - a) Receive trading orders (directly or through a Distribution Agent) and transmit each Investor's trading order to the Fund Management Company, the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, and related service providers, in a full, timely and accurate manner. This provision applies only to Authorized Participants that are securities companies;
 - b) Shall not aggregate or net Investors' trading orders. Investors' trading orders shall be processed independently and separately from the processing of the Authorized Participant's own trading orders. In trading Fund Certificates on the Stock Exchange, the Authorized Participant shall execute the Investor's order before its own. In swap transactions for Fund Certificate Lots, the Authorized Participant may only use assets in its proprietary account and its own assets to swap for Fund Certificate Lots, and may not use Investor assets;
 - c) Ensure that Investors have sufficient cash and securities margin to carry out transactions in accordance with applicable laws;
 - d) Manage Investor assets segregated in each Investor's account, independently from the Authorized Participant's own assets. Shall not use Investor assets in any form; shall not

deposit, withdraw, transfer, or carry out transactions relating to Investor assets; shall not accept authorization from Investors to transfer cash or assets between Investor accounts. Transactions relating to Investor assets are permitted only if in accordance with applicable laws and upon lawful, written orders or instructions from the Investor;

- e) Maintain continuous and unimpeded communication channels with Investors, ensuring that Investors are updated accurately, fully and promptly with all information and that their inquiries about the Fund product offered are addressed; prepare statistics, summarize account statements and confirm transactions at the request of Investors; provide Investors with the Prospectus, Summary Prospectus, the Fund's financial statements, materials for Investors' General Meetings, and other information; perform reporting and information disclosure obligations as delegated by the Fund Management Company;
- f) Compile and retain detailed information on Investors and their transactions. Provide such information to the Fund Management Company, the Stock Exchange, the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, related service providers and the SSC upon request;
- g) Comply with the operating principles applicable to Distribution Agents.

Article 50. Market Makers

1. The Fund Management Company may designate one or more Authorized Participants as Market Makers of the ETF Fund. The Fund Management Company shall submit the market-making contract to the SSC immediately after execution with the market-making organizations.
2. A Market Maker shall post bid and ask prices for ETF Fund Certificates; shall be responsible for buying and selling ETF Fund Certificates at the posted prices on Trading Days and shall perform its obligations and responsibilities in accordance with the market-making operating rules drafted and issued by the Stock Exchange.

Chapter X: DISTRIBUTION AGENTS

Article 51. Fund Certificate Distribution Agents

1. Shall be a securities company with a securities brokerage licence that has obtained a Certificate of Registration for public fund certificate distribution activities and has entered into a fund certificate distribution agreement with the Fund Management Company and the Authorized Participants.
2. The Fund Management Company shall appraise the facilities before selecting a distribution

agent and distribution location to serve Investors. Where the distribution agent distributes fund certificates online, the facilities assessment report shall list in full all programs, applications and websites used for distribution, together with the content of the assessment evidencing that such distribution agents satisfy current legal requirements. The facilities assessment reports of distribution agents and distribution locations shall be retained at the head office of the fund management company and provided to competent state authorities upon request.

Article 52. Operations of Distribution Agents

1. Compile full information on Investors and beneficial owners in accordance with securities laws and the regulations on anti-money laundering and combating the financing of terrorism;
2. Receive and transmit each Investor's trading order to the transfer agent service provider in a full, timely and accurate manner. The Distribution Agent shall not aggregate or net trading orders, and shall not directly receive funds or settle Fund Certificate transactions for Investors;
3. Support Investors in completing procedures to change information on the master register, confirm Investors' ownership of Fund Certificates and transfer ownership in accordance with applicable laws;
4. Maintain continuous and unimpeded communication channels with Investors, ensuring that Investors are updated accurately, fully and promptly with all information and that their inquiries about the Fund product offered are addressed; prepare statistics, summarize account statements and confirm transactions at the request of Investors; provide Investors with the Prospectus, Summary Prospectus, financial statements of the Fund, materials for Investors' General Meetings, and other information; carry out reporting and information disclosure as delegated by the Fund Management Company.
5. Support the Fund Management Company or the related service provider in organizing Investors' General Meetings; accept authorization to attend and exercise voting rights in accordance with the written instructions of the Investor;
6. Compile and retain detailed information on investors and their transactions in accordance with enterprise laws. Provide such information to the fund management company, related service providers and the State Securities Commission upon request.

Article 53. Termination, change or addition of distribution agents or Fund Certificate distribution locations

1. A distribution agent shall cease distribution activities in respect of ETF Fund Certificates when:
 - a) The distribution agent's Certificate of Registration for distribution activities is revoked;

- b) The distribution agreement expires;
 - c) The distribution agent fails to maintain the conditions for registration of Fund Certificate distribution activities as required;
2. Where a distribution agent ceases distribution activities in respect of Fund Certificates pursuant to Clause 1 of this Article, the Fund Management Company shall give prior notice to Investors and concurrently designate a replacement distribution agent (if any).
 3. Within 05 working days from the date of change of distribution agent, the Fund Management Company shall notify the SSC, attaching the following documents:
 - a) A notice of the change of Fund Certificate distribution agent and distribution location;
 - b) In case of adding a distribution agent, together with the following documents: the distribution agency contract signed with the Fund Management Company and the Authorized Participants; and the report on appraisal of technical facilities and personnel at the Fund Certificate distribution locations, certified by the Fund Management Company (except where the distribution agent is already a distribution agent of another fund under the Company's management).
 4. Within 05 working days from the date of change or addition of a Fund Certificate distribution location, change of address of a distribution location, or change or addition of personnel distributing fund certificates, the distribution agent shall notify the State Securities Commission, attaching documents on the technical facilities and personnel relating to the distribution location. The distribution agent shall notify the State Securities Commission in accordance with the laws on electronic transactions in the securities market prior to distribution online.
 5. A Fund Certificate distribution location shall cease distribution activities in the following cases:
 - a) By decision of the distribution agent;
 - b) The distribution agent ceases operations at the branch, transaction office or representative office;
 - c) The distribution location fails to maintain the conditions for registration of Fund Certificate distribution activities as required;
 - d) The distribution agreement expires.
 6. Where a distribution location ceases activities pursuant to Clause 5 of this Article, the distribution agent shall give prior notice to the Fund Management Company and Investors and designate a replacement distribution location.

Chapter XI: AUDIT, ACCOUNTING AND REPORTING REGIME

Article 54. Criteria for selection and replacement of the Audit Firm

Each year, the Fund Management Company shall propose an Audit Firm for selection by the Investors' General Meeting.

1. Holds a licence to provide audit services issued by the Ministry of Finance;
2. Has full capacity to provide audit services;
3. Is approved by the SSC to audit investment funds;
4. Is not a related person of the Fund Management Company or the Supervisory Bank.

Article 55. Fiscal Year

The Fiscal Year is twelve (12) months, commencing at the start of 01 January and ending at the end of 31 December each calendar year. The first Fiscal Year of the Fund shall run from the start of the date on which the Fund is granted the Fund Establishment Certificate by the SSC until the end of 31 December of that year.

Where the period from the date of establishment of the ETF Fund until the end of 31 December of the same year is shorter than ninety (90) days, the first accounting period shall run from the date of establishment of the ETF Fund until the end of 31 December of the following year.

Article 56. Accounting regime

1. Accounting regime

The Fund shall apply the Vietnamese accounting regime and comply with other regulations on fund accounting issued by the competent authorities.

2. Financial statements

The Fund Management Company shall prepare periodic financial statements on the results of operations and financial position of the Fund, together with other reports necessary to report on the Fund's operations.

Semi-annual financial statements / annual financial statements shall be semi-annually reviewed / annually audited independently by the selected Audit Firm. Copies of the audit reports and reports on the Fund's operations shall be sent to each member of the Fund Representative Board and disclosed on the website of the Fund Management Company for Investors' reference.

3. Other reports

The Fund Management Company shall comply with current legal requirements on reporting and information disclosure relating to the Fund's business activities.

Chapter XII: METHODS FOR DETERMINING THE NET ASSET VALUE OF THE FUND

Article 57. Determination of the Net Asset Value of the Fund

1. The Fund Management Company shall establish a valuation manual containing the following content:
 - a) Principles and criteria for the selection and replacement of price-quoting organizations;
 - b) Principles and detailed procedures for the implementation of valuation methods consistent with applicable laws, this Charter and international practice; these shall be clear so as to be applied consistently under different market conditions.
2. The valuation manual, together with a list of at least three (03) price-quoting organizations that are not related persons of the Fund Management Company or the Supervisory Bank, shall be approved by the Fund Representative Board and provided to the Supervisory Bank for supervision of the calculation of the net asset value.
3. The Fund Management Company shall be responsible for determining, on a daily basis, the Net Asset Value of the ETF Fund, the Net Asset Value per Fund Certificate Lot, and the Net Asset Value per Fund Certificate;
4. The Fund Management Company shall be responsible for determining, or delegating to the Stock Exchange to determine, and disclosing information on, the indicative Net Asset Value per Fund Certificate (iNAV) on the basis of the market prices from the most recently executed transactions in the swapped Basket of Component Securities. The indicative Net Asset Value per Fund Certificate is a reference value only and shall not be the value used to determine the transaction price. The indicative Net Asset Value per Fund Certificate shall be updated at least every fifteen seconds (15s) and shall be disclosed on the Company's website or on the system of the Stock Exchange.
5. The Fund Management Company may delegate to the Supervisory Bank the determination of the Net Asset Value of the Fund, the Net Asset Value per Fund Certificate Lot, and the Net Asset Value per Fund Certificate. In such case, the Fund Management Company shall monitor to ensure that the determination of the Net Asset Value carried out by the Supervisory Bank

complies with the Fund Charter and applicable laws, and that the Net Asset Value is correctly calculated.

6. Within three (03) days from the date on which the Net Asset Value of the Fund falls below thirty (30) billion VND, the Fund Management Company shall report to the SSC and propose a remedy. Where the Net Asset Value of the Fund remains below ten (10) billion VND for six (06) consecutive months, the Fund Management Company shall liquidate the assets to dissolve the Fund in accordance with the Fund Charter.

Article 58. Principles and criteria for selection and replacement of price-quoting organizations

The principles and criteria for the selection and replacement of price-quoting organizations shall be set out in the valuation manual.

Article 59. Methods for determining the Net Asset Value of the Fund

1. Valuation Date: The Net Asset Value of the ETF Fund shall be determined daily and at the end of the month. Where the Valuation Date falls on a weekend or public holiday, the Valuation Date shall be the next working day.

For the monthly valuation period, the Net Asset Value of the ETF Fund shall be determined as of the last day of the month and the Valuation Date shall be the first working day of the following month, and shall not change even if the Valuation Date falls on a weekend or public holiday.

2. The Net Asset Value of the ETF Fund, the Net Asset Value per Fund Certificate Lot and the Net Asset Value per Fund Certificate shall be determined in accordance with the following principles:
 - a) The Net Asset Value of the Fund shall equal total assets less total liabilities of the Fund. The total value of the Fund's assets shall be determined at the market price or fair value of the assets (where the market price cannot be determined) as of the day immediately preceding the valuation date. The total liabilities of the Fund are the debts or payment obligations of the Fund up to the day preceding the Valuation Date. The methods for determining the market price or fair value of the assets in the portfolio, and the value of debts and payment obligations, shall be carried out in accordance with the principles prescribed by law and the internal regulations set out in the valuation manual. The Net Asset Value per Fund Certificate Lot equals the Net Asset Value of the Fund divided by the total number of Fund Certificate Lots, rounded down to the nearest whole unit; the Net Asset Value per Fund Certificate equals the Net Asset Value of the Fund divided by the total number of Fund Certificates outstanding as of the most recent trading day preceding the Valuation Date, rounded down to two (02) decimal places.

- b) Upon determining the Net Asset Value of the Fund, the Net Asset Value per Fund Certificate Lot and the Net Asset Value per Fund Certificate, the Fund Management Company shall notify the results for confirmation by the Supervisory Bank. Such confirmation of values shall be made in writing, or retrieved through the electronic information system of the Supervisory Bank as approved by the Fund Management Company. In case of mis-valuation, the Supervisory Bank shall notify and request the Fund Management Company to make corrections within twenty-four (24) hours of detecting the matter;
- c) Immediately after confirmation by the Supervisory Bank, the Net Asset Values referred to above shall be disclosed on the websites of the Fund Management Company, the Stock Exchange, the Distribution Agents and the Authorized Participants in accordance with the regulations on information disclosure in the securities market. Disclosure of the Net Asset Value to Investors shall be made on the same Dealing Day or, at the latest, no later than the following Dealing Day.
- d) Where assets are incorrectly valued or appraised:
 - i. The Fund Management Company shall notify the Supervisory Bank upon detecting any instances of incorrect valuation;
 - ii. Within 05 working days from the date of detection of a mis-valuation of net asset value, the Fund Management Company or the Supervisory Bank (where the Supervisory Bank provides the net asset value determination service) shall make the corrections and disclose information as required, and shall concurrently notify the SSC of the mis-valuation, including the cause of the matter, the duration of the mis-valuation and the remedial measures. The content of the notice shall be jointly signed and confirmed by the Fund Management Company and the Supervisory Bank.
 - iii. The Supervisory Bank shall submit monthly, quarterly and annual reports to the SSC summarizing the instances of incorrect valuation during the period.

Article 60. Indemnification of Investors and the Fund

- 1. The Fund Management Company shall indemnify the Fund and Investors who traded Fund Certificates in the event of mis-valuation of the net asset value of the Fund, where the deviation reaches 1% or more of the net asset value.
- 2. Where the Fund has been under-valued, the indemnification amount for the Fund and for Investors shall be determined as follows:
 - a) For Investors who purchased Fund Certificates prior to the period of mis-valuation and sold Fund Certificates during the period of mis-valuation: the indemnification shall be determined based on the extent of the error and the number of Fund units sold by the Investor;

- b) For the Fund: the indemnification shall be determined based on the extent of the error and the number of Fund units issued by the Fund during the period of mis-valuation that remain outstanding;
- 3. Where the Fund has been over-valued, the indemnification amount for the Fund and for Investors shall be determined as follows:
 - a) For Investors who purchased Fund Certificates during the period of mis-valuation and continue to hold them after such period: the indemnification shall be determined based on the extent of the error and the number of Fund units purchased by the Investor and still held after the period of mis-valuation;
 - b) For the Fund: the indemnification shall be determined based on the extent of the error and the number of Fund units issued by the Fund prior to the period of mis-valuation that the Fund redeemed during such period.

Chapter XIII: SERVICE PRICES, INCOME AND OPERATING EXPENSES OF THE FUND

Article 61. Types of service prices and expenses payable by the Fund

- 1. Fund Management Service Price
 - a) The Fund Management Service Price is paid to the Fund Management Company for providing ETF Fund management services. The Fund Management Service Price is calculated as a percentage of the NAV of the Fund. The ETF Fund Management Service Price is 0.6% NAV/year.
 - b) Any increase in the Fund Management Service Price above 0.6%NAV/year shall be approved by the Investors' General Meeting.
 - c) Any adjustment of the Fund Management Service Price (increase or decrease) not exceeding 0.6%NAV/year shall be at the discretion of the Fund Management Company. In such case, the Fund Management Company shall notify the new service price to the Fund Representative Board and the Supervisory Bank, update the Prospectus and disclose information as required by law.
 - d) The formula for calculating the Fund Management Service Price at each valuation period is as follows:
 - e) Fund Management Service Price for the valuation period = "Applicable annual Fund Management Service Price rate (%)" during the service price calculation period" x "NAV on the day preceding the Valuation Date" x "actual calendar days in the valuation period / actual

days in the year".

- f) The service price amount payable monthly is the aggregate service price calculated (accrued) for the valuation periods carried out during the month.

2. Supervision Service Price and Custody Service Price

- a) The Custody Service Price and Supervision Service Price are paid to the Supervisory Bank for providing custody services for the Fund's assets and supervising the activities of the Fund Management Company. The Custody Service Price and Supervision Service Price are calculated as a percentage of the NAV of the Fund, exclusive of value added tax, as stipulated in the service contract between the Supervisory Bank and the Fund Management Company, with details set out in the Prospectus.

The total Custody Service Price and Supervision Service Price shall comply with applicable laws.

- b) The formula for calculating the Custody Service Price and Supervision Service Price at each valuation period is as follows:

Custody Service Price and Supervision Service Price (exclusive of securities transaction service price) for the valuation period = the greater of ["Minimum monthly service price" x "actual calendar days in the valuation period / days in the month"] and ["annual custody and supervision service price rate (%)" x "NAV on the day preceding the Valuation Date" x "actual calendar days in the valuation period / actual days in the year"].

- c) The service price amount payable monthly is the aggregate service price calculated (accrued) for the valuation periods carried out during the month.

3. Fund Administration Service Price

- a) The Fund Administration Service Price is paid to the fund administration service provider of the Fund. The ETF Fund Administration Service Price is stipulated in the service contract between the Supervisory Bank and the Fund Management Company, with details set out in the Prospectus

- b) The formula for calculating the Fund Administration Service Price at each valuation period is as follows:

Fund Administration Service Price for the valuation period = the greater of ["Minimum monthly Service Price" x "actual calendar days in the valuation period / days in the month"] and ["annual Fund Administration Service Price rate (%)" x "NAV on the day preceding the Valuation Date" x "actual calendar days in the valuation period / actual days in the year"].

- c) The service price amount payable monthly is the aggregate service price calculated (accrued)

for the valuation periods carried out during the month.

4. Transfer Agent Service Price

- a) The Transfer Agent Service Price is paid to the transfer agent service provider of the Fund.
- b) The detailed Transfer Agent Service Price is stipulated in the contract between the Fund Management Company and the transfer agent service provider and is set out specifically in the Prospectus.
- c) The service price amount payable monthly is the aggregate service price calculated (accrued) for the valuation periods carried out during the month.

5. Reference Index usage service price paid to the index management and operation organization

- a) The Reference Index usage service price is paid to the Stock Exchange for the management and operation of the Reference Index. The Reference Index usage service price is stipulated in the service contract between the Reference Index management and operation organization and the Fund Management Company, with details set out in the Prospectus.
- b) The formula for calculating the Reference Index usage service price at each valuation period is as follows:

Reference Index usage service price for the valuation period = the greater of ["Minimum service price" x "actual calendar days in the valuation period / days in the year"] and ["annual Reference Index usage service price rate (%)" x "NAV on the day preceding the Valuation Date" x "actual calendar days in the valuation period / actual days in the year"].

The service price rate, application period and payment method are specifically stipulated in the contract between the Fund Management Company and the Reference Index management and operation organization.

- c) The service price amount payable monthly is the aggregate service price calculated (accrued) for the valuation periods carried out during the month.

6. Service price for calculation of Fund information paid to the service provider of the indicative Net Asset Value (iNAV), iINDEX and tracking error relative to the Reference Index (TE)

- a) The service price referred to in this Clause is specifically stipulated in the contract between the Fund Management Company and the service provider of the indicative Net Asset Value (iNAV), iINDEX and tracking error relative to the Reference Index (TE), with details set out in the Prospectus.
- b) The formula for calculating the service price referred to in this Clause at each valuation period is as follows:

Service price referred to in this Clause for the valuation period = the greater of ["Minimum service price" x "actual calendar days in the valuation period / days in the year"] and ["annual service price rate (%) " x "NAV on the day preceding the Valuation Date" x "actual calendar days in the valuation period / actual days in the year"].

- c) The service price amount payable monthly is the aggregate service price calculated (accrued) for the valuation periods carried out during the month.

The service price rate, application period and payment method are specifically stipulated in the contract between the Fund Management Company and the service provider.

The total Fund Management Service Price and service prices/service payments made to related service providers to whom the Fund Management Company has delegated the provision of services to the ETF Fund shall not exceed 2% of the Fund's NAV per year.

7. Other costs and fees

Other costs of the Fund include:

- a) Transaction fees/service prices, including brokerage fees/service prices and transfer fees/service prices for the Fund's asset transactions payable to securities companies and other parties;
- b) Audit fees paid to the audit firm;
- c) Fees for legal advisory services, pricing services and other reasonable services;
- d) Costs of drafting, printing and distributing the Prospectus, Summary Prospectus, financial statements, annual reports, transaction confirmations, account statements and other documents to Investors; information disclosure costs of the Fund; costs of holding Investors' General Meetings and Fund Representative Board meetings;
- e) Costs relating to the execution of the Fund's asset transactions;
- f) Costs relating to the engagement of independent organizations to provide valuation and appraisal services for the Fund's assets;
- g) Remuneration for the Fund Representative Board;
- h) Reasonable and valid expenses as decided by the Fund Representative Board;
- i) Insurance costs (if any);
- j) Taxes, fees and charges payable by the Fund as required by law;
- k) Interest on borrowings payable on the Fund's loans consistent with the Fund Charter and applicable laws;

- l) Other costs consistent with applicable laws.

Article 62. Income of the Fund

Income of the Fund includes:

1. Dividends.
2. Bond interest.
3. Deposit interest.
4. Gains from purchase and sale of assets arising from the Fund's investment activities.
5. Other income, if any, arising from the investment of assets or operations of the Fund.

Article 63. Operating expenses of the Fund

1. Operating expenses of the Fund include the following after-tax fees and costs:
 - a) Asset management service price paid to the Fund Management Company and service prices paid to related service providers to whom the Fund Management Company has delegated the provision of services to the ETF Fund;
 - b) Fund asset custody service price and supervision service price paid to the Supervisory Bank;
 - c) Reference index management and operation service price;
 - d) Audit fees paid to the audit firm;
 - e) Fees for legal advisory services, pricing services and other reasonable services, and remuneration paid to the Fund Representative Board;
 - f) Costs of drafting, printing and distributing the Prospectus, Summary Prospectus, financial statements, transaction confirmations, account statements and other documents to Investors; information disclosure costs of the Fund; costs of holding Investors' General Meetings and Fund Representative Board meetings;
 - g) Costs relating to the execution of the Fund's asset transactions;
2. Within forty-five (45) days from the end of Q2 and Q4 each year, the Fund Management Company shall disclose information on the Fund's operating expense ratio on the websites of the Fund Management Company, the Authorized Participants and the Distribution Agents, after such figure has been confirmed by the Supervisory Bank, ensuring accuracy in accordance with the following formula:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Total operating expenses of the fund in the last 12 months} \times 100\%}{\text{Average Net Asset Value in the last 12 months}}$$

Where the Fund has been established and operating for less than one year, the operating expense ratio shall be determined in accordance with the following formula:

Operating expense ratio (%) =

$$\frac{\text{Total operating expenses} \times 365 \text{ days} \times 100\%}{\text{Average Net Asset Value in the reporting period} \times \text{the period during which the Fund has operated}} \\ \text{(calculated in days from the date of licensing)}$$

In this formula, the average Net Asset Value of the Fund in a period is the sum of the Net Asset Values of the Fund calculated on the Valuation Dates in such period divided by the number of Fund Certificate Valuation Dates in the same period.

Article 64. Distribution of profit of the Fund

1. Investors shall receive dividends from the Fund in accordance with the profit distribution policy stipulated in the Fund Charter and the distribution plan approved by the most recent Investors' General Meeting. Dividends payable to Investors shall be drawn from profits of the period, or accumulated profits after appropriations to the reserve funds (if any) in accordance with the Fund Charter and after all tax and financial obligations (if any) have been fully discharged in accordance with applicable laws.
2. The Fund may distribute dividends in cash or in Fund Certificates. At least 15 days prior to the distribution of dividends, the Fund Management Company shall notify Investors by a method that ensures delivery to the registered contact address or email address. The notice shall contain at minimum the content prescribed in the form set out in Appendix VII issued with Circular 98/2020/TT-BTC.
3. The payment of Fund dividends shall be governed by the following principles:
 - a) Dividends distributed to Investors shall be drawn from profits of the period or accumulated profits after the Fund has fully discharged all tax and financial obligations as required by law;
 - b) The dividend payment level shall be consistent with the Fund's profit distribution policy as stipulated in the Fund Charter and approved by the Investors' General Meeting;
 - c) After payment, the Fund shall still have sufficient capital to pay all debts and other property obligations falling due, and the net asset value of the Fund after dividend payment shall not be less than 50 billion VND;
 - d) Where dividends are distributed in Fund Certificates, the Fund shall have sufficient corresponding undistributed after-tax profits based on the most recent audited or reviewed financial statements.

4. The Fund Management Company shall deduct taxes, fees and charges in accordance with applicable laws prior to distribution of dividends to Investors. Bank transfer fees for such dividends shall be borne by the Investor.
5. Information on the Fund's profit distribution activities that have been carried out shall be updated in the supplementary or amended Prospectus.

Chapter XIV: RESTRUCTURING AND DISSOLUTION OF THE FUND

Article 65. Consolidation and merger of the Fund

1. At least 30 days prior to the date of the Investors' General Meeting, the Fund Management Company shall provide Investors with documents relating to the consolidation or merger, including:
 - a) The plan for consolidation or merger;
 - b) The draft consolidation or merger agreement;
 - c) Audited annual financial statements and quarterly financial statements of all funds being consolidated or merged, up to the most recent quarter;
 - d) The draft Fund Charter, Prospectus (if any) and Summary Prospectus (if any) of the consolidated fund or acquiring fund.
2. Within 10 days from the date on which the Investors' General Meeting approves the consolidation or merger resolution, the Fund Management Company shall notify the creditors of the consolidation or merger resolution. Within 15 days from the date of receipt of the notice, creditors may request the Fund to pay amounts owed. Upon expiry of such period, if the Fund Management Company has not received any request from creditors, the payment obligation shall be performed by the consolidated fund or acquiring fund.
3. Where the funds being consolidated or merged are managed by the same Fund Management Company, all legal advisory, administrative and other service costs relating to the consolidation or merger shall not be charged to the Fund's expenses, except where the Investors' General Meeting decides otherwise.
4. The Fund Management Company and the Fund Representative Board shall:
 - a) Provide Investors with full, timely, accurate and honest information on the consolidation or merger process;
 - b) Rights and obligations shall be settled by agreement between the relevant parties on the

principle of voluntariness and in accordance with applicable laws;

- c) Pay the Fund's debts to creditors upon creditors' request. Payment shall be completed no later than the date on which the Fund Establishment Registration Certificate of the post-consolidation or post-merger fund takes effect in respect of creditors that have requested payment in accordance with Clause 2 of this Article.
5. The consolidation date or merger date is the date on which the Investors' General Meetings approve the consolidation or merger resolutions. From the date on which the SSC issues the consolidation or merger decision, the Fund Management Company and the Supervisory Bank shall:
 - a) Receive the handover of all books, records, securities portfolios and other assets, together with other documents relating to the funds being consolidated or merged;
 - b) Ensure that the consolidated or acquiring fund assumes and succeeds to all lawful rights and interests, is liable for financial obligations, debts — including tax debts — and financial obligations to the State, and continues to perform the economic contracts of the funds being consolidated or merged;
 - c) Complete ownership registration procedures for the consolidated or acquiring fund in respect of the assets received from the funds being consolidated or merged in accordance with relevant laws;
 - d) Represent the consolidated or acquiring fund in performing the obligations of the Fund in accordance with relevant laws.
 6. Depending on the terms of the consolidation or merger agreement and the consolidation or merger plan, the Fund may convert fund certificates in combination with a cash payment. The cash payment per fund certificate shall not exceed 10% of the net asset value per fund certificate calculated on the consolidation date or merger date.
 7. Within 07 working days from the consolidation or merger date, the Fund Management Company shall disclose information on the consolidation or merger. The content of such disclosure shall include:
 - a) The consolidation date or merger date;
 - b) Principles for determining the net asset value per fund certificate of the funds being consolidated or merged as at the consolidation or merger date; the fund certificate conversion ratio; and the ratio of cash payment per fund certificate (if any).
 8. From the time the Fund Establishment Registration Certificate of the post-consolidation or post-merger fund takes effect:

- a) The funds being consolidated or merged shall cease to exist, and the consolidated or acquiring fund shall succeed to all assets, debts, rights, lawful interests and other obligations of the funds being consolidated or merged;
- b) Investors of the funds being consolidated or merged shall receive assets in the form of certificates of the consolidated or acquiring fund in accordance with the conversion ratio determined on the consolidation or merger date;
- c) Fund Certificates of the funds being consolidated or merged shall be cancelled.

Article 66. Dissolution of the Fund

1. The liquidation and dissolution of the Fund shall be carried out in the following cases:
 - a) The Fund Management Company is dissolved, bankrupt, or has its establishment and operation licence revoked, and the Fund Representative Board fails to identify a replacement Fund Management Company within two (02) months from the date on which the event arose;
 - b) The Supervisory Bank is dissolved or bankrupt, or the Supervisory Bank proposes to terminate its rights and obligations in respect of the Fund and such proposal is approved by the Investors' General Meeting, or its certificate of registration for securities depository activities is revoked, and the Fund Management Company fails to identify a replacement Supervisory Bank within two (02) months from the date on which the event arose;
 - c) The Net Asset Value of the Fund remains below ten (10) billion VND for six (06) consecutive months;
 - d) The Fund is delisted;
 - e) The Investors' General Meeting decides to dissolve the Fund;
 - f) Other cases as prescribed by law (if any).
2. The Investors' General Meeting shall agree on the date of dissolution of the Fund. From the date of dissolution of the Fund, the Fund Management Company and the Supervisory Bank shall not:
 - a) Carry out investment activities or asset purchases for the Fund;
 - b) Convert unsecured debts into debts secured by the Fund's assets;
 - c) Give or donate the Fund's assets to any other organization or individual;
 - d) Settle any contract in which the value of the Fund's obligations exceeds the value of the counterparty's obligations, or pay debts to creditors who are also debtors of the Fund without effecting set-off;

- e) Carry out any other transactions for the purpose of dissipating the Fund's assets.
3. The assets of the Fund under dissolution include:
- a) Assets and property rights that the Fund holds at the time it is required to be dissolved;
 - b) Profits, assets and property rights that the Fund will receive from the execution of transactions entered into prior to the time the Fund is required to be dissolved;
 - c) Assets that serve as security for the Fund's obligations. Where proceeds from the security asset are paid to secured creditors, if the value of the security exceeds the secured debt payable, the excess shall be an asset of the Fund.
4. The Investors' General Meeting shall appoint an Audit Firm approved for auditing public-interest entities, or shall maintain the incumbent Fund Representative Board, to inspect, assess and supervise the process of liquidation and distribution of the Fund's assets.
5. The Fund Management Company and the Supervisory Bank shall be responsible for the liquidation and distribution of assets to Investors in accordance with the plan approved by the Investors' General Meeting. The liquidation and distribution period shall follow the dissolution plan but shall not exceed 02 years from the date of dissolution of the Fund. Upon expiry of such period, the Fund Management Company and the Supervisory Bank shall return the portfolio to Investors in accordance with Clause 6 of this Article. During the period the Fund is liquidating assets for dissolution, management service prices, supervision service prices and other costs shall be collected in accordance with the service price schedule approved by the Investors' General Meeting.
6. When liquidating the Fund's assets, the Fund Management Company and the Supervisory Bank shall ensure that:
- a) Listed and registered securities shall be traded through the trading system of the Stock Exchange;
 - b) Assets other than listed and registered securities shall require approval from the independent audit firm or the Fund Representative Board as stipulated in Clause 3 of this Article.
7. The Fund Management Company and the Supervisory Bank shall return the Fund's portfolio to Investors in proportion to the Investors' ownership ratio. The return of the portfolio to Investors shall comply with the following principles:
- a) The Fund shall ensure the settlement of obligations in the order stipulated at Points a and b, Clause 4, Article 104 of the Law on Securities;
 - b) The portfolio returned to Investors shall comprise the full types of assets, structured in accordance with the Fund's portfolio;

- c) In respect of securities registered and centrally deposited, the transfer of assets to Investors shall be carried out by the Fund Management Company and the Supervisory Bank in accordance with the guidance of the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation. In respect of other assets required to be registered for ownership, the Fund Management Company and the Supervisory Bank shall be responsible for requiring the capital-receiving organization, the issuer or the shareholder-registry manager to register asset ownership in the name of the Investor. The return is complete when the Investor has been registered as owner of the asset.
8. The results of the liquidation of the Fund's assets shall be confirmed by the Supervisory Bank and the Fund Management Company, and approved by the independent audit firm or the Fund Representative Board (if any) that supervises the asset-liquidation process.
9. From the date of dissolution until the completion of the Fund's dissolution, the Fund Management Company shall, on a monthly basis, report to the SSC and provide to Investors the Net Asset Value, and a report on the assets and investment portfolio of the Fund, in the forms stipulated in Appendix IX and Appendix X issued with Circular 98/2020/TT-BTC.
10. The Fund Management Company, the Supervisory Bank and related organizations and individuals shall be responsible for the accuracy, truthfulness and completeness of the dissolution-results reporting dossier. Where the dissolution-results reporting dossier is inaccurate or contains forged documents, the Fund Management Company, the Supervisory Bank and the related organizations and individuals shall be jointly and severally liable to settle the unpaid debts and shall be personally liable before the law for consequences arising within 05 years from the date the dissolution-results report is submitted to the SSC.

Chapter XV: RESOLUTION OF CONFLICTS OF INTEREST

Article 67. Control of conflicts of interest between the Fund and other funds, entrusted-investment clients of the Fund Management Company, and between the Fund and the Fund Management Company

1. The Fund Management Company shall:
- Separate the investment strategy and investment objectives of each Fund managed by the Fund Management Company;
 - Separate the assets of the Fund Management Company from the assets of the Funds managed by the Fund Management Company and the assets of entrusting Investors; and separate the

assets of the Funds managed by the Fund Management Company from one another.

2. All securities transactions of the Chairperson of the Fund Management Company, members of the Executive Board, members of the Supervisory Board, fund-management practitioners and employees of the Fund Management Company shall be reported and controlled in accordance with the Fund Charter and applicable laws;
3. Establish a system of internal control, risk management and supervision of conflicts of interest within the Fund Management Company.

Chapter XVI: INFORMATION DISCLOSURE AND AMENDMENT OF THE CHARTER

Article 68. Information disclosure

1. The disclosure of information relating to the Fund's operations shall be carried out by the Fund Management Company in accordance with the laws on information disclosure in the securities market.
2. A notice convening a meeting of the Fund Representative Board shall be deemed to have been delivered to each member of the Fund Representative Board if it is notified directly to the member of the Fund Representative Board or sent by email to the address that the member has notified to the Fund.
3. Information disclosures relating to the capital mobilization for establishment of the Fund, the investment activities of the Fund and other activities relating to the Fund shall be carried out by the Fund Management Company through one of the following mass media:
 - a) On the publications and websites of the Fund Management Company, the Stock Exchange on which the Fund Certificates are listed, and the Authorized Participants;
 - b) In an electronic or print newspaper.
4. Convening letters, notices, orders, or documents to be sent to the Fund or to the Fund's executives may be delivered by hand or sent by post to the address of the office registered by the Fund, in a stamped envelope bearing the name of the Fund or the Fund executive addressed.

Article 69. Amendment and supplementation of the Charter

1. The amendment and supplementation of this Charter shall be decided by the Investors' General Meeting of the securities investment fund. Amendments and supplementations to the Charter

shall be reported to the State Securities Commission.

2. Where there are provisions of law relating to the operation of a securities investment fund that are not addressed in this Charter, or where there are new provisions of law that differ from the terms of this Charter, such provisions of law shall automatically apply and govern the operation of the securities investment fund.

Article 70. Registration of the Charter

1. This Charter consists of 16 Chapters, 71 Articles and 03 Appendices, and has been approved by the Investors' General Meeting of the Fund and takes effect from the date of such approval by the Investors' General Meeting.

Extracts or certified copies of this Charter issued by the Fund shall be valid only if signed by the Chairperson of the Fund Representative Board or the authorized representative of the Fund Management Company.

2. This Charter is made in four (04) original copies of equal validity in Vietnamese:
 - a) 01 copy registered at the SSC.
 - b) 02 copies kept at the head office of the Fund Management Company.
 - c) 01 copy kept at the head office of the Supervisory Bank.

Article 71. Implementation provisions

The Fund shall be officially established after the SSC issues the Fund Establishment Registration Certificate. The Fund Management Company shall be responsible for completing all procedures and dossiers in accordance with applicable laws.

Attached to this Charter are the following appendices:

APPENDIX 01: COMMITMENTS OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY

APPENDIX 02: COMMITMENTS OF THE SUPERVISORY BANK

APPENDIX 03: COMMITMENTS OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY AND THE SUPERVISORY BANK

Representative of the Fund Management Company

(Signed)

Pham Minh Huong

APPENDIX 01: COMMITMENTS OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY

Fund Management Company: IPA PARTNER INVESTMENT FUND MANAGEMENT LIMITED COMPANY (IPA PARTNER)

Establishment and Operation Licence No. 30/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on 04 March 2008

The Fund Management Company commits to performing the following in respect of the IPAAM VN100 ETF:

1. Strictly comply with the provisions of law and the Fund Charter in its fund-management activities.
2. Perform the duty of managing the Fund effectively, honestly, diligently and in accordance with the Fund's investment objectives, giving priority to the lawful rights and interests of Investors.
3. Ensure that the Fund has a Supervisory Bank at all times.
4. Pay the Supervisory Bank fees and service prices, and pay other service providers, in accordance with the Fund Charter.
5. Periodically provide the Supervisory Bank with the following information:
 - a) Operational reports and financial statements of the Fund, the Investors' Register, and the number of Fund Certificates held by Investors;
 - b) Reports relating to the Fund or relating to the assets and Investment Portfolio of the Fund;
 - c) Valuation reports of the Fund's Net Asset Value and Net Asset Value per Fund Certificate;
 - d) Information relating to fund-management activities and other obligations.
6. Provide, free of charge or against a reasonable service price, copies of the Fund Charter (and its appendices), the Prospectus and the Summary Prospectus (and their appendices) to Investors upon request.
7. Not invest in securities or assets in which the Fund Management Company itself or its Related Persons have an interest or are connected to such interests, except as permitted by law.
8. Not use its position as fund manager of the Fund to obtain direct or indirect benefits for itself or its related persons, or to the detriment of the interests of Investors.
9. Perform the valuation and accounting for the Fund honestly, accurately and in a timely manner.

10. Provide, free of charge or against a reasonable service price, copies of the Fund's annual report and other reports to Investors upon request.
11. Provide, free of charge or against a reasonable service price, copies of the Supervisory Bank's annual report assessing the fund-management activities of the Fund Management Company to Investors upon request.
12. Ensure that all information disclosed by the Fund Management Company or its representative is complete, truthful and accurate, omits no events that affect the interests of Investors or the content of the information disclosed, omits no information required to be disclosed by law, and does not mislead Investors.
13. Provide full information necessary to enable the Fund's independent audit firm to carry out the audit effectively and in a timely manner.
14. Report promptly to the State Securities Commission where the reconciliation of the Fund's assets/liabilities between the Fund Management Company and the Supervisory Bank is not consistent.
15. Perform the obligation to convene the Investors' General Meeting in accordance with applicable laws.

Representative of the Fund Management Company

(Signed)

Pham Minh Huong

APPENDIX 02: COMMITMENTS OF THE SUPERVISORY BANK

Supervisory Bank: JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM

Enterprise Registration Certificate No. 0100112437 first issued by the Department of Planning and Investment of Hanoi City on 02/06/2008; 17th amendment registered on 02/01/2024.

Securities Depository Activities Registration Certificate No. 14/GPHDLK issued by the State Securities Commission on 02/05/2003, and Depository Member Certificate No. 18/GCNTVLK issued by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation on 07/07/2006.

The Supervisory Bank commits to:

1. Strictly comply with the provisions of law and the Fund Charter in its supervisory activities.
2. Ensure that the Fund has a Fund Management Company at all times.
3. Perform the Supervisory Bank functions in respect of the Fund diligently, honestly and prudently.
4. Carry out the depository, settlement, safekeeping and supervision of all assets and securities of the Fund on behalf of Investors; reconcile the assets/liabilities of the Fund with the Fund Management Company at least once a month and report to the State Securities Commission if the assets/liabilities position is not consistent between the Fund Management Company and the Supervisory Bank.
5. Separate the Fund's assets from the assets of the Supervisory Bank, the assets of the Fund Management Company, the assets of other funds, and the assets of other clients of the Supervisory Bank.
6. Supervise the Fund's Investment Portfolio, the valuation of the Fund's assets, the determination of the Fund's Net Asset Value, and the determination of the Net Asset Value per Fund Certificate in accordance with applicable laws and the Fund Charter.
7. Ensure performance of the supervisory obligation so that the Fund Management Company does not exploit its fund-management position to carry out activities generating direct or indirect benefits for the Fund Management Company or its Related Persons to the detriment of the interests of Investors.
8. Ensure that the Fund is audited annually by an independent Audit Firm.

Authorized representative of the Supervisory Bank
(Signed, full name and sealed)

APPENDIX 03: COMMITMENTS OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY AND THE SUPERVISORY BANK

Fund Management Company: IPA PARTNER INVESTMENT FUND MANAGEMENT LIMITED COMPANY (IPA PARTNER)

Establishment and Operation Licence No. 30/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on 04 March 2008

Supervisory Bank: JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM

Enterprise Registration Certificate No. 0100112437 first issued by the Department of Planning and Investment of Hanoi City on 02/06/2008; 17th amendment registered on 02/01/2024.

Securities Depository Activities Registration Certificate No. 14/GPHDLK issued by the State Securities Commission on 02/05/2003, and Depository Member Certificate No. 18/GCNTVLK issued by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation on 07/07/2006.

Enterprise Registration Certificate No. 0100112437 first issued by the Department of Planning and Investment of Hanoi City on 02/06/2008; 17th amendment registered on 02/01/2024.

Securities Depository Activities Registration Certificate No. 14/GPHDLK issued by the State Securities Commission on 02/05/2003, and Depository Member Certificate No. 18/GCNTVLK issued by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation on 07/07/2006.

1. Jointly commit to performing the obligation of protecting the interests of Investors.
2. Jointly commit to complying with the provisions of law and the Fund Charter throughout the operating period of the Fund.
3. Jointly commit to exercising voting rights arising in connection with the equity interests in which the Fund has invested, in the spirit of and for the benefit of the Investors, at the General Meeting of Shareholders of the issuers.
4. Jointly commit not to accept any remuneration, profit or benefit from the execution of transactions in the Fund's assets or transactions in other assets that are not expressly stipulated in the Fund Charter or the Prospectus.

**Authorized representative of the
Fund Management Company**

(Signed, full name and sealed)

(Signed)

**Authorized representative of the
Supervisory Bank**

(Signed, full name and sealed)

(Signed)

PROPOSED AMENDMENTS AND SUPPLEMENTS TO THE CHARTER OF THE IPAAM VN100 ETF FUND

No.	Item	Content under the Current Fund Charter	Amended and Supplemented Content under the New Fund Charter	Reason for Amendment/ Supplement
1	I. LEGAL BASIS	<p>2. Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 26/11/2019;</p> <p>3. Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31/12/2020 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Securities Law;</p> <p>4. Decree No. 158/2020/ND-CP dated 31/12/2020 of the Government on Derivative Securities and the Derivative Securities Market;</p> <p>5. Circular No. 98/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of the Ministry of Finance guiding the operation and management of securities investment funds;</p> <p>6. Circular No. 99/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of the Ministry of Finance guiding the operation of Securities Investment Fund Management Companies;</p> <p>....</p> <p>9. Circular No. 123/2015/TT-BTC dated August 18, 2015 of the Ministry of Finance, providing</p>	<p>2. Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 26/11/2019, <u>as amended and supplemented by Law No. 56/2024/QH15 dated 29/11/2024 (hereinafter referred to as the "Securities Law")</u>;</p> <p>3. Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31/12/2020 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Securities Law, <u>as amended and supplemented by Decree No. 245/2025/ND-CP dated 11/09/2025</u>;</p> <p>4. Decree No. 158/2020/ND-CP dated 31/12/2020 of the Government on Derivative Securities and the Derivative Securities Market, <u>as amended and supplemented by Decree No. 306/2025/ND-CP dated 09/01/2026</u>;</p> <p>5. Circular No. 98/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of the Ministry of Finance guiding the operation and management of securities investment funds, <u>as amended and supplemented by Circular No. 136/2025/TT-BTC dated 29/12/2025</u>;</p> <p>6. Circular No. 99/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of the Ministry of Finance guiding the operation of</p>	Update new legal documents.



		<p>guidance on the activities of foreign investors in the Vietnamese securities market;</p> <p>10. Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on the securities market.</p> <p>11. Circular No. 127/2018/TT-BTC dated December 27, 2018 of the Ministry of Finance, stipulating service pricing in the securities sector applicable to Stock Exchanges and the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation;</p> <p>12. Circular No. 128/2018/TT-BTC dated December 27, 2018 of the Ministry of Finance, stipulating service pricing in the securities sector applicable to securities business organizations and commercial banks participating in the Vietnamese securities market;</p> <p>13. Circular No. 272/2016/TT-BTC dated November 14, 2016 of the Ministry of Finance, stipulating the rates, collection, remittance, management, and use of fees and charges in the securities sector;</p> <p>14. Circular No. 181/2015/TT-BTC dated November 16, 2015 of the Ministry of Finance, on the accounting regime applicable to exchange-traded funds;</p> <p>15. The relevant guiding legal documents</p>	<p>Securities Investment Fund Management Companies, as amended and supplemented by <u>Circular No. 136/2025/TT-BTC dated 29/12/2025</u>; <u>Circular No. 88/2025/TT-BTC dated 03/09/2025</u>;</p> <p>.....</p> <p>9. Circular No. 123/2015/TT-BTC dated August 18, 2015 of the Ministry of Finance, providing guidance on the activities of foreign investors in the Vietnamese securities market;</p> <p><u>Circular No. 51/2021/TT-BTC dated 30/06/2021 of the Ministry of Finance guiding the obligations of organizations and individuals in foreign investment activities on the Vietnamese securities market;</u></p> <p>10. Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16/11/2020 of the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on the securities market, as amended and supplemented by <u>Circular No. 68/2024/TT-BTC dated 18/09/2024</u>;</p> <p>11. Circular No. 127/2018/TT-BTC dated December 27, 2018 of the Ministry of Finance, stipulating service pricing in the securities sector applicable to Stock Exchanges and the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation;</p> <p><u>Circular No. 83/2024/TT-BTC dated 26/11/2024 of the Ministry of Finance guiding the mechanism and policies on service prices in the securities sector priced by the State and applied at the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries, and the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation;</u></p>	
--	--	---	---	--

			<p>12. Circular No. 128/2018/TT-BTC dated December 27, 2018 of the Ministry of Finance, stipulating service pricing in the securities sector applicable to securities business organizations and commercial banks participating in the Vietnamese securities market; <u>Circular No. 25/2022/TT-BTC dated 28/04/2022 of the Ministry of Finance providing for the rates, collection, remittance, management and use of fees and charges in the securities sector;</u></p> <p>13. Circular No. 272/2016/TT-BTC dated November 14, 2016 of the Ministry of Finance, stipulating the rates, collection, remittance, management, and use of fees and charges in the securities sector; Circular No. 181/2015/TT-BTC dated 27/12/2018 of the Ministry of Finance on the accounting regime applicable to Exchange-Traded Funds;</p> <p>14. <u>Other relevant guiding legal documents.</u></p>	
2	II. DEFINITION	<p>“Fund Management Company” or “I.P.A Fund Management Company”: Means I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company, established under Establishment and Operation License No. 30/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on 04 March 2008. I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company is entrusted with the management of IPAAM VN100 ETF Fund, with rights and obligations in accordance with the Fund Charter.</p>	<p>“Fund Management Company” or “<u>I.P.A-IPA PARTNER</u> Fund Management Company”: Means I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company <u>IPA Partner Investment Fund Management Limited Company</u>, established under Establishment and Operation License No. 30/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on 04 March 2008. I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company <u>IPA Partner Investment Fund Management Limited Company</u> is entrusted with the management of</p>	Update of the Fund Management Company’s name due to name change.

			IPAAM VN100 ETF Fund, with rights and obligations in accordance with the Fund Charter	
3		<p>“Investors’ General Meeting”: Means the meeting of Investors with voting rights held on a regular or extraordinary basis, to pass important matters relating to the ETF Fund. The Investors’ General Meeting is the highest governing body of the ETF Fund.</p>	<p>“Investors’ General Meeting”: Means the meeting of Investors with voting rights held on a regular or extraordinary basis, to pass important matters relating to the ETF Fund. The Investors’ General Meeting is the highest governing body of the ETF Fund.</p>	<p>Remove the phrase “regular or extraordinary” as Circular No. 136/2025/TT-BTC allows the Fund Management Company to provide flexible arrangements for organizing the General Meeting of Investors.</p>
4		<p>“Distribution Agent”: Means securities companies engaged in distribution services for fund certificates, and have signed an ETF Fund Certificate distribution contract with the Fund Management Company and the Authorized Participants.</p>	<p>“Distribution Agent”: Means securities companies engaged in distribution services for fund certificates securities brokerage that have been granted a Certificate of Registration for the distribution of public fund certificates, and have signed an ETF Fund Certificate distribution contract with the Fund Management Company and the Authorized Participants.</p>	<p>Amendments and supplements to clarify the definition of “Distribution Agent” in accordance with Circular No. 98.</p>

5	Article 1. Name and Contact Address	<p>....</p> <p>- Contact address: I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company + Head office: No. 1 Nguyen Thuong Hien Street, Nguyen Du Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi, Vietnam + Tel: 024 39410 510 Fax: 024 39410 500</p>	<p>....</p> <p>- Contact address: I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company <u>IPA Partner Investment Fund Management Limited Company</u> + Head office: No. 1 Nguyen Thuong Hien Street, Nguyen Du Ward, Hai Ba Trung District, <u>Nguyen Du Ward, Hai Ba Trung Ward District,</u> Hanoi, Vietnam + Tel: 024 39410 510 <u>(+84) 24 73056188</u> Fax: 024 39410 500</p>	Update of the company name, telephone number, and administrative divisions
6	Article 6. Fund Management Company	<p>- Fund Management Company: I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company - Establishment and Operation License No.: 30/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on 04 March 2008 - Head office: No. 1 Nguyen Thuong Hien Street, Nguyen Du Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi, Vietnam - Tel: 024 39410 510 Fax: 024 39410 500</p>	<p>- Fund Management Company: I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company <u>IPA Partner Investment Fund Management Limited Company</u> - Establishment and Operation License No.: 30/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on 04 March 2008 - Head office: 1 Nguyen Thuong Hien Street, Nguyen Du Ward, Hai Ba Trung District, <u>Nguyen Du Ward, Hai Ba Trung Ward District,</u> Hanoi, Vietnam - Tel: 024 39410 510 <u>(+84) 24 73056188</u> Fax: 024 39410 500</p>	Update of the company name, telephone number, and administrative divisions
7	Article 7. Supervisory Bank	<p>....</p> <p>- Enterprise Registration Certificate No.: 0100112437, first issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on June 2, 2008, and amended for the 13th time on January 16, 2019.</p>	<p>....</p> <p>- Enterprise Registration Certificate No.: 0100112437, first issued by the Hanoi Department of Planning and Investment on 02 June 2008, most recently amended for the 13th time on January 16, 2019. <u>17th time on 02 January 2024.</u></p>	Update of the Supervisory Bank's license and address in line with the new

		- Head office: 198 Tran Quang Khai Street, Hoan Kiem District, Hanoi.	- Trụ sở chính: 198 Tran Quang Khai Street, Hoan Kiem Ward District, Hanoi	administrative divisions
8	Article 9. Investment Strategy	<p>.....</p> <p>3. Investment portfolio of the ETF Fund</p> <p>...</p> <p>b) The Investment Portfolio of the ETF Fund comprises the Component Securities in the portfolio of the Reference Index and the following financial assets in Vietnam:</p> <p>.....</p> <p>iv. Listed shares, registered-for-trading shares, bonds listed on the Stock Exchange, public fund certificates;</p>	<p>....</p> <p>3. Investment Portfolio of the ETF Fund</p> <p>...</p> <p>b) The Investment Portfolio of the ETF Fund comprises the Component Securities in the portfolio of the Reference Index and the following financial assets in Vietnam:</p> <p>.....</p> <p>iv. Listed shares, registered-for-trading shares, bonds listed on the Stock Exchange, public fund certificates, <u>shares offered to the public, and bonds offered to the public;</u></p>	Article 17.2 of Circular No. 136/2025/TT-BTC
9	Article 10. Investment Restrictions	<p>...</p> <p>2. The structure of the ETF Fund's Investment Portfolio must ensure that:</p> <p>.....</p> <p>c) Except for Component Securities included in the Reference Index Portfolio, no more than 30% of the Fund's total asset value is invested in the assets in the following cases: parent company and subsidiary; companies holding more than 35% of each other's shares or contributed capital; a group of subsidiaries having the same parent company.</p> <p>.....</p>	<p>...</p> <p>2. The structure of the ETF Fund's Investment Portfolio must ensure that:</p> <p>.....</p> <p>c) Except for Component Securities included in the Reference Index Portfolio, no more than 30% of the Fund's total asset value is invested in the assets <u>specified at items i, ii, iv and v of Point b, Clause 3 of Article 9 of this Charter, issued by companies within the same group of companies having ownership relationships</u> in the following cases: parent company and subsidiary; companies holding more than 35% of each other's shares or contributed capital; a group of subsidiaries having the same parent company.</p>	Supplement to clarify the investment scope in accordance with Circular No. 98/2020/TT-BTC

		f) No direct investment in real estate, unlisted shares, shares not registered for trading of public companies, equity interests in limited liability companies, or privately placed bonds, except when such assets confer ownership rights to the Fund; f) No direct investment in real estate, unlisted shares, shares not registered for trading of public companies, equity interests in limited liability companies, or privately placed bonds, except when such assets confer ownership rights to the Fund;	Amend in accordance with Article 22 of Circular No. 136/2025/TT-BTC
10	Article 14. Rights and Obligations of Investors 4. Requests and proposals of an Investor or group of Investors pursuant to clauses 2 and 3 of this Article shall be made in writing and shall contain: the full name, contact address, Citizen Identity Card, passport number or other lawful personal identification; the full name, address of head office, nationality, enterprise registration certificate number or establishment decision number, in respect of a corporate Investor; the number of Fund Certificates held and the date of holding by each Investor, the total number of Fund Certificates of the group and the ownership ratio in the total outstanding Fund Certificates of the Fund; the contents of the request or proposal; and the basis and reasons. Where an extraordinary Investors' General Meeting is convened under Point b of Clause 2 of this Article, supporting documents evidencing the reasons for convening the meeting, or evidence of the violations by the Fund Management Company or Supervisory Bank, or of decisions exceeding authority under the Fund Charter or supervision contract, shall be attached. 4. Requests and proposals of an Investor or group of Investors pursuant to clauses 2 and 3 of this Article shall be made in writing and shall contain: the full name, contact address, Citizen Identity Card <u>personal identification number</u> , passport number or other lawful personal identification; the full name, address of head office, nationality, enterprise registration certificate number or establishment decision number, in respect of a corporate Investor; the number of Fund Certificates held and the date of holding by each Investor, the total number of Fund Certificates of the group and the ownership ratio in the total outstanding Fund Certificates of the Fund; the contents of the request or proposal; and the basis and reasons. Where an extraordinary Investors' General Meeting is convened under Point b of Clause 2 of this Article, supporting documents evidencing the reasons for convening the meeting, or evidence of the violations by the Fund Management Company or Supervisory Bank, or of decisions exceeding authority under the Fund Charter or supervision contract, shall be attached.	Amendment to reflect that the People's Identity Card has ceased to be valid in accordance with legal provisions.

11	Article 16. Register of Investors	<p>...</p> <p>2. The master register and sub-registers shall contain the following information:</p> <p>.....</p> <p>c) The list of Investors and Authorized Participants: full name, Citizen Identity Card number, passport number or other lawful personal identification, contact address (for individuals); full name, abbreviated name, enterprise registration certificate number or establishment decision number, and head-office address (for organizations); securities depository account number (if any); Investor account number or sub-account number together with the nominee account number; number of Fund Certificates/ETF Fund Certificate Lots held; ownership ratio; subscription date and payment date; together with a confirmation from the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation regarding the detailed structured portfolio of each Authorized Participant and Investor being blocked for the purpose of contribution to the ETF Fund.</p>	<p>...</p> <p>2. The master register and sub-registers shall contain the following information:</p> <p>.....</p> <p>c) The list of Investors and Authorized Participants: full name, Citizen Identity Card number <u>personal identification number</u>, passport number or other lawful personal identification, contact address (for individuals); full name, abbreviated name, enterprise registration certificate number or establishment decision number, and head-office address (for organizations); securities depository account number (if any); Investor account number or sub-account number together with the nominee account number; number of Fund Certificates/ETF Fund Certificate Lots held; ownership ratio; subscription date and payment date; together with a confirmation from the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation regarding the detailed structured portfolio of each Authorized Participant and Investor being blocked for the purpose of contribution to the ETF Fund.</p>	Amendment to reflect that the People's Identity Card has ceased to be valid in accordance with legal provisions.
12	Article 17. Creation/Redemption transactions	<p>1. Creation/Redemption transactions applicable to Investors and Authorized Participants shall be carried out under the following principles :</p> <p>.....</p> <p>c. Frequency of Creation/Redemption transactions and Cut-off Time</p>	<p>1. Creation/Redemption transactions applicable to Investors and Authorized Participants shall be carried out under the following principles:</p> <p>.....</p> <p>c. Frequency of Creation/Redemption transactions and Cut-off Time</p>	Supplement to clarify the trading time.

11.7
 11.8
 11.9
 11.10
 11.11
 11.12
 11.13
 11.14
 11.15
 11.16
 11.17
 11.18
 11.19
 11.20
 11.21
 11.22
 11.23
 11.24
 11.25
 11.26
 11.27
 11.28
 11.29
 11.30
 11.31
 11.32
 11.33
 11.34
 11.35
 11.36
 11.37
 11.38
 11.39
 11.40
 11.41
 11.42
 11.43
 11.44
 11.45
 11.46
 11.47
 11.48
 11.49
 11.50
 11.51
 11.52
 11.53
 11.54
 11.55
 11.56
 11.57
 11.58
 11.59
 11.60
 11.61
 11.62
 11.63
 11.64
 11.65
 11.66
 11.67
 11.68
 11.69
 11.70
 11.71
 11.72
 11.73
 11.74
 11.75
 11.76
 11.77
 11.78
 11.79
 11.80
 11.81
 11.82
 11.83
 11.84
 11.85
 11.86
 11.87
 11.88
 11.89
 11.90
 11.91
 11.92
 11.93
 11.94
 11.95
 11.96
 11.97
 11.98
 11.99
 12.00

		<p>i. Creation/Redemption transactions shall be executed daily on working days (the "Dealing Day")</p> <p>ii. Any increase in the frequency of Creation/Redemption transactions shall be publicly announced by the Fund Management Company, with the relevant amendments and supplements incorporated into the Prospectus, notified to the Supervisory Bank, and disclosed in accordance with the law. The Fund Management Company shall update such changes in the Fund Charter at the next Annual Investors' General Meeting. Any decrease in the frequency of swap transactions shall be approved by the Investors' General Meeting, and the frequency shall at all times be no less than two (02) times per month.</p>	<p>i. Creation/Redemption transactions shall be executed daily on working days <u>from Monday to Friday</u> (the "Dealing Day") .</p> <p>ii. Any increase in the frequency of Creation/Redemption transactions shall be publicly announced by the Fund Management Company, with the relevant amendments and supplements incorporated into the Prospectus, notified to the Supervisory Bank, and disclosed in accordance with the law. The Fund Management Company shall update such changes in the Fund Charter at the next Annual Investors' General Meeting. Any decrease in the frequency of swap transactions shall be approved by the Investors' General Meeting, and the frequency shall at all times be no less than two (02) times per month.</p>	<p>Amendment in accordance with Circular No. 136, which allows the Fund Management Company to provide flexible arrangements for organizing the General Meeting of Investors.</p>
13		<p>2. Creation/Redemption transaction procedures:</p> <p>a) Prior to the swap trading session or at the end of the day immediately preceding the Dealing Day, the Fund Management Company shall notify the Authorized Participants and the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, and publish on its website and on the website of the Stock Exchange, the Basket of Component Securities to be swapped for one (01) Fund Certificate Lot, along with the cash amount payable corresponding to the difference between the value of the Basket of Component Securities and the Issue Price of the ETF Fund Certificate Lot (if any). The information shall include the Basket of Component Securities, and the weights</p>	<p>2. Creation/Redemption transaction procedures:</p> <p>a) Prior to the swap trading session or at the end of the day immediately preceding the Dealing Day, the Fund Management Company shall notify the Authorized Participants and the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, and publish on its website and on the website of the Stock Exchange, the Basket of Component Securities to be swapped for one (01) Fund Certificate Lot, along with the cash amount payable corresponding to the difference between the value of the Basket of Component Securities and the Issue Price of the ETF Fund Certificate Lot (if any). The information shall include the <u>codes of the Component Securities Basket of Component</u></p>	<p>Article 21 of Circular No. 136/2025/TT-BTC and updates in accordance with actual circumstances.</p>

	<p>and quantities of each Structured Security in such portfolio. The above Basket of Component Securities shall be determined on the basis of the closing prices on the trading day immediately preceding the Dealing Day of the Fund Certificates;</p> <p>b) Creation/Redemption Orders of Investors shall be transmitted to the Authorized Participant (directly or through Distribution Agents) in accordance with the Fund Charter and the instructions in the Prospectus and the Summary Prospectus. Where the Authorized Participant is unable to receive orders from Investors due to the Distribution Agent or Authorized Participant being dissolved, bankrupt, having its establishment and operation license revoked, suspended or temporarily ceasing operations, or due to technical errors in the information technology system or force-majeure events such as fire or natural disaster, etc., the Investor's orders shall be transmitted directly to the Fund Management Company or to the Supervisory Bank;</p> <p>.....</p> <p>c) Within three (03) working days from the Dealing Day, but no later than the next Fund Certificate trading day, the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and the Supervisory Bank shall complete the transfer of the Basket of Component Securities from the depository accounts of the Investors and Authorized Participants to the depository account</p>	<p>Securities, and the weights and quantities of each Structured Security in such portfolio. The above Basket of Component Securities shall be determined on the basis of the closing prices on the trading day immediately preceding the Dealing Day of the Fund Certificates;</p> <p>b) Creation/Redemption Orders of Investors shall be transmitted to the Authorized Participant (directly or through Distribution Agents) in accordance with the Fund Charter and the instructions in the Prospectus and the Summary Prospectus. Where the Authorized Participant is unable to receive orders from Investors due to the Distribution Agent or Authorized Participant being dissolved, bankrupt, having its establishment and operation license revoked, suspended or temporarily ceasing operations, or due to technical errors in the information technology system or force-majeure events such as fire or natural disaster, etc., the Investor's orders shall be transmitted directly to the Fund Management Company or to the Supervisory Bank;</p> <p>.....</p> <p>c) Within three (03) working days from the Dealing Day, but no later than the next Fund Certificate trading day, the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and the Supervisory Bank shall complete the transfer of the Basket of Component Securities from the depository accounts of the Investors and Authorized Participants to the depository account of the ETF Fund or vice versa, and shall simultaneously register and deposit</p>	
--	---	---	--

of the ETF Fund or vice versa, and shall simultaneously register and deposit the Fund Certificates into the accounts of the Investors and Authorized Participants; receive or return the cash payments specified in Clause 3 of this Article; the Fund Management Company shall be responsible for confirming completion of the transaction and confirming ownership to the Authorized Participants and Investors;

d) Within two (2) Working Days from the Exchange Transaction Day (but no later than the transaction allocation time), if any errors or mistakes are detected in order placement, information aggregation, order receipt, transfer, or entry into the system, the Authorized Distributor or Fund-establishing Member shall notify the Fund Management Company, the Supervisory Bank, and the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and request correction of the transaction in accordance with the procedures and guidance of the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation. Beyond this period, the Authorized Distributor or Fund-establishing Member shall be responsible to Investors for any transaction errors attributable to their actions;

the Fund Certificates into the accounts of the Investors and Authorized Participants; receive or return the cash payments specified in Clause 3 of this Article; the Fund Management Company shall be responsible for confirming completion of the transaction and confirming ownership to the Authorized Participants and Investors;

Within 03 working days from the Dealing Day, the Supervisory Bank shall complete the return of cash payments to the Authorized Participants and Investors as specified in Clause 3 of this Article, upon the lawful request of the Fund Management Company.

d) Prior to the Cut-off Time, if any error is discovered due to mistakes or inaccuracies in the course of placing orders, aggregating information, receiving, transmitting or entering orders into the system, the Distribution Agent or Authorized Participant shall notify the Fund Management Company, the Supervisory Bank and the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and request correction of the trading error in accordance with the procedures and guidance of the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation. Beyond the above time limit, the Distribution Agent and Authorized Participant shall be liable to Investors for any trading errors they have caused: Within two (2) Working Days from the Exchange Transaction Day (but no later than the transaction allocation time), if any errors or mistakes are detected in order placement, information aggregation, order receipt, transfer, or entry into the

			<p>system, the Authorized Distributor or Fund-establishing Member shall notify the Fund Management Company, the Supervisory Bank, and the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and request correction of the transaction in accordance with the procedures and guidance of the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation. Beyond this period, the Authorized Distributor or Fund-establishing Member shall be responsible to Investors for any transaction errors attributable to their actions;</p>	
14		<p>3. The Basket of Component Securities is the primary means of settlement in Creation/Redemption transactions between the Fund and the Authorized Participants and Investors, except in the following cases:</p> <p>.....</p> <p>b. Where, in a swap of ETF Fund Certificate Lots for the Basket of Component Securities, the value of the ETF Fund Certificate Lots received by the Fund Management Company from the Authorized Participant or Investor exceeds the value of the Basket of Component Securities. Such difference shall be returned in cash by the Fund Management Company to the accounts of the Investors and Authorized Participants, as set out in detail in the Prospectus.</p>	<p>3. The Basket of Component Securities is the primary means of settlement in Creation/Redemption transactions between the Fund and the Authorized Participants and Investors, except in the following cases:</p> <p>....</p> <p>b. Where, in a swap of ETF Fund Certificate Lots for the Basket of Component Securities, the value of the ETF Fund Certificate Lots received by the Fund Management Company from the Authorized Participant or Investor exceeds the value of the Basket of Component Securities. Such difference shall be returned in cash by the Fund Management Company <u>and Supervisory Bank in the form of Fund Certificates</u> to the accounts of the Investors and Authorized Participants, as set out in detail in the Prospectus.</p> <p><u>Where the Component Securities of the ETF Fund give rise to a right to receive dividends in shares and the ETF Fund is recorded on the list of securities</u></p>	<p>Article 21 of Circular No. 136/2025/TT-BTC</p>

			<p><u>holders at the final registration date prepared by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation but, on the settlement date of the Creation/Redemption transaction, the securities arising from such rights have not been allocated to the depository account of the ETF Fund, the ETF Fund shall first utilize all Component Securities available in its depository account to deliver to the Authorized Participants and Investors. The ETF Fund may make a cash payment in lieu of the quantity of Component Securities arising from such rights that have not yet been allocated to the Fund's depository account. Prior to the swap trading session or at the end of the day immediately preceding the Dealing Day, the Fund Management Company shall notify the Authorized Participants and the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and disclose on the websites of the Fund Management Company and the Stock Exchange the list of Component Securities arising from such rights that will be settled in cash.</u></p> <p><u>The information shall include the codes of the Component Securities and the amount payable for each Structured Security. The above list of Component Securities shall be determined on the basis of the closing prices on the trading day immediately preceding the Dealing Day of the Fund Certificates.</u></p>	
15	Article 19. Creation Fee and Redemption Fee	4. Any increase in the Creation Fee and Redemption Fee applicable to Investors shall only be implemented where the increased service price does not exceed 1% of the transaction value. The earliest date on which the new increased service	4. Any increase in the Creation Fee and Redemption Fee applicable to Investors shall only be implemented where the increased service price <u>does not exceed the maximum service price stipulated in this Charter does not exceed 1% of the</u>	Article 21 of Circular No. 136/2025/TT-BTC

		price shall apply is sixty (60) days from the date on which the Fund Management Company discloses the new service prices on the Company's website.	transaction-value. The earliest date on which the new increased service price shall apply is <u>thirty (30)</u> sixty (60) days from the date on which the Fund Management Company discloses the new service prices on the Company's website .	
16		5. In the case of a decrease in the Creation Fee and Redemption Fee applicable to Investors relative to the levels stipulated in this Charter, the earliest date on which the new service price shall apply is the date on which the Prospectus discloses the new service price. The Fund Management Company shall update such new service price in the Fund Charter at the next Annual Investors' General Meeting.	5. In the case of a decrease in the Creation Fee and Redemption Fee applicable to Investors relative to the levels stipulated in this Charter, the earliest date on which the new service price shall apply is the date on which the Prospectus discloses the new service price. The Fund Management Company shall update such new service price in the Fund Charter at the next Annual Investors' General Meeting.	Amendment due to Circular 136 allowing the Fund Management Company to organize the Investors' General Meeting flexibly.
17	Article 23. Investors' General Meeting	4. The Annual General Meeting of Investors shall be held within four (4) months from the end of the financial year. At the proposal of the Fund Representative Board, the Annual General Meeting of Investors may be extended, but no later than six (6) months from the end of the financial year, and the State Securities Commission of Vietnam must be notified.	4. The Annual General Meeting of Investors shall be held within four (4) months from the end of the financial year. At the proposal of the Fund Representative Board, the Annual General Meeting of Investors may be extended, but no later than six (6) months from the end of the financial year, and the State Securities Commission of Vietnam must be notified. <u>4. The notice of the Investors' General Meeting, agenda, meeting documents and opinion-ballot form (if any) shall be sent by the Fund Management Company to Investors by means consistent with applicable laws and this Charter, including direct delivery, postal service, fax, email or other electronic</u>	Amendment to update in accordance with the actual circumstances.

			<p><u>means to the contact address, fax number, email address or other contact information registered by the Investor with the Fund or updated in the Register of Investors.</u></p> <p><u>Where the notice of meeting, agenda, meeting documents and opinion-ballot form (if any) are sent to the correct email address or other contact information registered by the Investor, such delivery shall be deemed to have been validly made, unless otherwise prescribed by law</u></p>	
18	Article 25. Conditions, procedures for holding meetings and passing resolutions of the Investors' General Meeting	1. An Investors' General Meeting shall be held when the Investors attending represent more than 50% of the total voting rights. Attendance and voting, or remote voting (by mail, fax, email, participation in an online conference, electronic voting, or other electronic means).	1. An Investors' General Meeting shall be held when the Investors attending represent more than 50% of the total voting rights. Attendance and voting, or remote voting (by mail, fax, email, participation in an online conference, electronic voting, or other electronic means), <u>may be in person, by authorized proxy, or by remote voting (by post, fax, email, participation in an online conference, electronic voting or other electronic forms).</u>	Article 6 of Circular No. 136/2025/TT-BTC
19	Article 29. Rights and obligations of the Fund Representative Board	3. Decide on the profit distribution levels in accordance with the profit-distribution plan specified in the Fund's Articles of Association or approved by the Investors' General Meeting; decide on the timing, method and form of profit distribution.	3. Decide on the profit distribution levels in accordance with the profit-distribution plan specified in the Fund's Articles of Association or approved by the Investors' General Meeting; decide on the timing, method and form of profit distribution.	Amendment to update in accordance with the actual circumstances.
20		4. In the event that the most recent Investors' General Meeting has granted authorization, the Fund Representative Board is entitled to make decisions on the matters specified in points b, c,	4. In the event that the most recent Investors' General Meeting has granted authorization, the Fund Representative Board is entitled to make decisions on the matters specified in points b, c, d, e, f, g, and	Abolished in accordance with the provisions of

		d, e, f, g, and h of Clause 2, Article 23 of these Articles of Association.	h of Clause 2, Article 23 of these Articles of Association.	Clause 28.1, Circular 136/2025/TT-BTC
21		8. Exercise other rights and duties as provided for in the Fund Charter.	8.7 Exercise other rights and perform other duties in accordance with the Fund's Articles of Association <u>and the provisions of the law.</u>	Supplement to clarify the scope of application
22	Article 36. Rights and obligations of the Fund Management Company	1. The Fund Management Company has the following rights: h) To attend meetings of both the regular and extraordinary Investors' General Meeting and of the Fund Representative Board;	1. The Fund Management Company has the following rights: h) To attend meetings of both the regular and extraordinary Investors' General Meeting and of the Fund Representative Board;	Amendment due to Circular 136 allowing the Fund Management Company to organize the General Meeting of Investors flexibly
23	Article 40. Rights and obligations of the Supervisory Bank	2. The Supervisory Bank has the following rights: c) Attend both regular and extraordinary meetings of the Investors' General Meeting and of the Fund Representative Board.	2. The Supervisory Bank has the following rights: c) Attend both regular and extraordinary meetings of the Investors' General Meeting and of the Fund Representative Board.	Amendment due to Circular 136 allowing the Fund Management Company to organize the General Meeting of

				Investors flexibly
24	Article 51. Fund Certificate Distribution Agents	2. The Fund Management Company shall appraise the facilities before selecting a distribution agent and distribution location to serve Investors. The facilities assessment report of the distributor and distribution locations shall be kept at the Fund Management Company's head office and made available to the competent state regulatory authorities upon request. The Fund Management Company must regularly inspect and supervise to ensure that the operations of the distributors comply with the provisions of law and the terms of the distribution agreements.	2. The Fund Management Company shall appraise the facilities before selecting a distribution agent and distribution location to serve Investors. <u>Where the distribution agent distributes fund certificates online, the facilities assessment report shall list in full all programs, applications and websites used for distribution, together with the content of the assessment evidencing that such distribution agents satisfy current legal requirements. The facilities assessment reports of distribution agents and distribution locations shall be retained at the head office of the fund management company and provided to competent state authorities upon request. The facilities assessment report of the distributor and distribution locations shall be kept at the Fund Management Company's head office and made available to the competent state regulatory authorities upon request. The Fund Management Company must regularly inspect and supervise to ensure that the operations of the distributors comply with the provisions of law and the terms of the distribution agreements.</u>	Article 24 of Circular No. 136/2025/TT -BTC
25	Article 52. Operations of Distribution Agents	6. Compile and store detailed information about Investors and their transactions. Provide this information to the Fund Management Company, relevant service providers, and the State Securities Commission of Vietnam upon the request of these organizations.	6. Compile and store detailed information about Investors and their transactions. Provide this information to the Fund Management Company, relevant service providers, and the State Securities Commission of Vietnam upon the request of these organizations.	Article 24 of Circular No. 136/2025/TT -BTC

			<u>Compile and retain detailed information on investors and their transactions in accordance with enterprise laws. Provide such information to the fund management company, related service providers and the State Securities Commission upon request.</u>	
26	Article 53. Termination, change or addition of distribution agents or Fund Certificate distribution locations	4. Within five (05) working days from the date of adding a new fund certificate distribution location, the distributor must notify the State Securities Commission of Vietnam (SSC), accompanied by documents regarding the technical facilities and personnel related to the distribution location.	4. Within five (05) working days from the date of adding a new fund certificate distribution location, the distributor must notify the State Securities Commission of Vietnam (SSC), accompanied by documents regarding the technical facilities and personnel related to the distribution location. <u>Within 05 working days from the date of change or addition of a Fund Certificate distribution location, change of address of a distribution location, or change or addition of personnel distributing fund certificates, the distribution agent shall notify the State Securities Commission, attaching documents on the technical facilities and personnel relating to the distribution location. The distribution agent shall notify the State Securities Commission in accordance with the laws on electronic transactions in the securities market prior to distribution online.</u>	Article 24 of Circular No. 136/2025/TT-BTC
27	Article 54. Criteria for selection and replacement of the Audit Firm	Each year, the Fund Management Company shall propose an Audit Firm for selection by the Investors' General Meeting. In cases where the Investors' General Meeting has authorized the Fund Representative Board pursuant to Clause 4, Article 29 of the Fund's Articles of Association, the Fund Representative Board shall select the Auditing Firm to conduct the review and audit of	Each year, the Fund Management Company shall propose an Audit Firm for selection by the Investors' General Meeting. In cases where the Investors' General Meeting has authorized the Fund Representative Board pursuant to Clause 4, Article 29 of the Fund's Articles of Association, the Fund Representative Board shall select the Auditing Firm to conduct the review and audit of the Fund. The	Amended in accordance with Clause 28.1 of Circular 136/2025/TT-BTC.

		the Fund. The selected Auditing Firm must satisfy the following conditions:	selected Auditing Firm must satisfy the following conditions:	
28	Article 61. Types of service prices and expenses payable by the Fund	<p>2. Supervision Service Price and Custody Service Price</p> <p>a) The Custody Service Price and Supervision Service Price are paid to the Supervisory Bank for providing custody services for the Fund's assets and supervising the activities of the Fund Management Company. The Custody Service Price and Supervision Service Price are calculated as a percentage of the NAV of the Fund, exclusive of value added tax.</p> <p>Maximum Custody Service Fee: 0.06% of NAV/year. Minimum Custody Service Fee: VND 20,000,000/month. Maximum Supervisory Service Fee: 0.02% of NAV/year. Minimum Supervisory Service Fee: VND 5,000,000/month.</p> <p>The above service fees are exclusive of value-added tax (if any). The total Custody Service Price and Supervision Service Price shall comply with applicable laws.</p>	<p>2. Supervision Service Price and Custody Service Price</p> <p>a) The Custody Service Price and Supervision Service Price are paid to the Supervisory Bank for providing custody services for the Fund's assets and supervising the activities of the Fund Management Company. The Custody Service Price and Supervision Service Price are calculated as a percentage of the NAV of the Fund, exclusive of value added tax, <u>as stipulated in the service contract between the Supervisory Bank and the Fund Management Company, with details set out in the Prospectus.</u></p> <p>Maximum Custody Service Fee: 0.06% of NAV/year. Minimum Custody Service Fee: VND 20,000,000/month. Maximum Supervisory Service Fee: 0.02% of NAV/year. Minimum Supervisory Service Fee: VND 5,000,000/month.</p> <p>The above service fees are exclusive of value-added tax (if any)</p> <p>The total Custody Service Price and Supervision Service Price shall comply with applicable laws.</p>	Amended to align with the agreements signed with the service provider, in order to minimize amendments to the Fund's Articles of Association in the event of changes.
29		3. Fund Administration Service Price	3. Fund Administration Service Price	Amended to align with the

		<p>a) a) The Fund Administration Service Price is paid to the fund administration service provider of the Fund. The ETF Fund Administration Service Price are calculated as follows:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Maximum ETF Fund Management Service Fee: 0.03% of NAV per year. - Minimum Fund Management Service Fee: VND 15,000,000 per month. <p>The above service fee levels do not include value-added tax (VAT), if applicable.</p>	<p>a) a) The Fund Administration Service Price is paid to the fund administration service provider of the Fund. The ETF Fund Administration Service Price is stipulated in the service contract between the Supervisory Bank and the Fund Management Company, with details set out in the Prospectus, and are calculated as follows:</p> <ul style="list-style-type: none"> — Maximum ETF Fund Management Service Fee: 0.03% of NAV per year. — Minimum Fund Management Service Fee: VND 15,000,000 per month. <p>The above service fee levels do not include value-added tax (VAT), if applicable.</p>	<p>agreements signed with the service provider, in order to minimize amendments to the Fund's Articles of Association in the event of changes.</p>
30		<p>4. Transfer Agent Service Price</p> <p>....</p> <p>b) The detailed Transfer Agent Service Price is VND 5,000,000 per month (exclusive of value-added tax (VAT), if applicable). The detailed fee stipulated in the contract between the Fund Management Company and the transfer agent service provider and is set out specifically in the Prospectus.</p>	<p>4. Transfer Agent Service Price</p> <p>.....</p> <p>b) The detailed Transfer Agent Service Price is VND 5,000,000 per month (exclusive of value-added tax (VAT), if applicable). The detailed fee is stipulated in the contract between the Fund Management Company and the transfer agent service provider and is set out specifically in the Prospectus.</p>	<p>Amended to align with the agreements signed with the service provider, in order to minimize amendments to the Fund's Articles of Association in the event of changes.</p>
31		<p>5. Reference Index usage service price paid to the index management and operation organization</p>	<p>5. Reference Index usage service price paid to the index management and operation organization</p>	<p>Amended to align with the agreements signed with</p>

		a) The Reference Index usage service price is paid to the Stock Exchange for the management and operation of the Reference Index. The maximum Reference Index Usage Fee is 0.05% of NAV per year, and the minimum is VND 50,000,000 per year (exclusive of value-added tax (VAT), if applicable).	a) The Reference Index usage service price is paid to the Stock Exchange for the management and operation of the Reference Index. <u>The Reference Index usage service price is stipulated in the service contract between the Reference Index management and operation organization and the Fund Management Company, with details set out in the Prospectus. The maximum fee is 0.05% of NAV per year, and the minimum fee is VND 50,000,000 per year (exclusive of value-added tax (VAT), if applicable).</u>	the service provider, in order to minimize amendments to the Fund's Articles of Association in the event of changes.
32		6. Service price for calculation of Fund information paid to the service provider of the indicative Net Asset Value (iNAV), iINDEX and tracking error relative to the Reference Index (TE) a) The service price referred to in this Clause shall not exceed 0.05% of NAV per year and shall be no less than VND 50,000,000 per year (exclusive of value-added tax (VAT), if applicable) 	6. Service price for calculation of Fund information paid to the service provider of the indicative Net Asset Value (iNAV), iINDEX and tracking error relative to the Reference Index (TE) a) The service price referred to in this Clause <u>is specifically stipulated in the contract between the Fund Management Company and the service provider of the indicative Net Asset Value (iNAV), iINDEX and tracking error relative to the Reference Index (TE), with details set out in the Prospectus. shall not exceed 0.05% of NAV per year, and the minimum fee is VND 50,000,000 per year (exclusive of value-added tax (VAT), if applicable).</u> 	Amended to align with the agreements signed with the service provider, in order to minimize amendments to the Fund's Articles of Association in the event of changes.
33	Appendix 1: COMMITMENTS OF THE FUND MANAGEMENT	Fund Management Company: I.P.A SECURITIES INVESTMENT FUND MANAGEMENT LIMITED COMPANY (IPAAM) 	Fund Management Company: I.P.A SECURITIES INVESTMENT FUND MANAGEMENT LIMITED COMPANY (IPAAM) <u>IPA PARTNER INVESTMENT FUND MANAGEMENT LIMITED COMPANY (IPA PARTNER)</u>	Change to the new company name

	NT COMPANY		
34	Appendix 2: COMMITMENTS OF THE SUPERVISORY BANK	Supervisory Bank: JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM Enterprise Registration Certificate No.: 0100112437 first issued by the Department of Planning and Investment of Hanoi City on 02/06/2008; 13th time on January 16, 2019.	Supervisory Bank: JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM Enterprise Registration Certificate No. 0100112437 first issued by the Department of Planning and Investment of Hanoi City on 02/06/2008; 13th time on January 16, 2019 ; <u>17th amendment registered on 02/01/2024.</u>	Update on the change of the Supervisory Bank's license.
35	Appendix 3: COMMITMENTS OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY AND THE SUPERVISORY BANK	Fund Management Company: I.P.A SECURITIES INVESTMENT FUND MANAGEMENT LIMITED COMPANY (IPAAM)	Fund Management Company: I.P.A SECURITIES INVESTMENT FUND MANAGEMENT LIMITED COMPANY (IPAAM) <u>IPA PARTNER INVESTMENT FUND MANAGEMENT LIMITED COMPANY (IPA PARTNER)</u>	Change to the new company name
36			Amend spelling, capitalization, uppercase/lowercase, and inconsistencies in the use of words and numerals across the provisions for the purpose of uniformity.	